Ban Biên Tập Tài Liệu Giảng Dạy Văn Hóa Chánh Kiến

GIÁO TRÌNH VĂN HÓA SƠ CẤP

TAM TỰ KINH

- TẬP 1 -

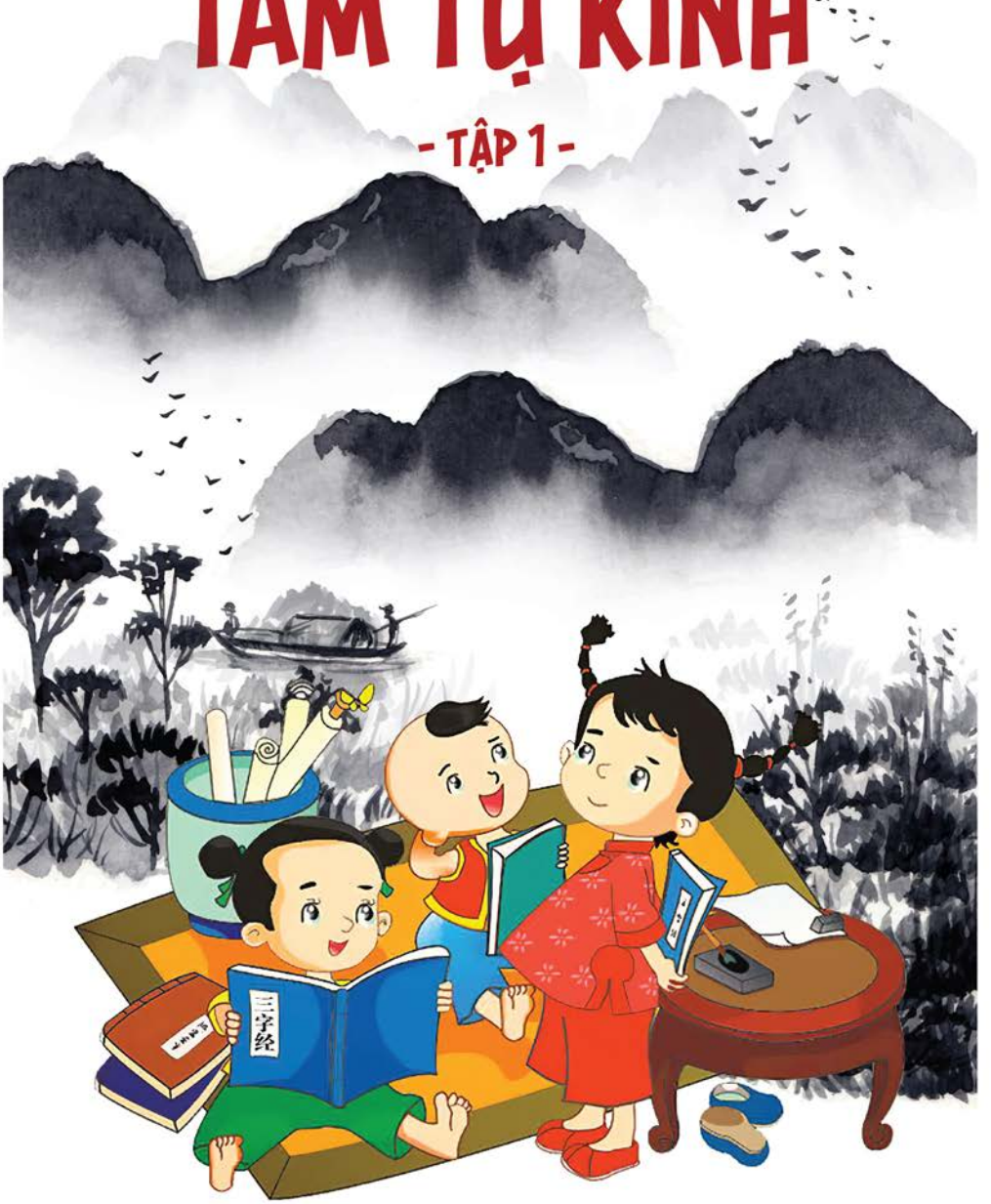

Lời Tựa

"Tam Tự Kinh" có vị trí cao là kinh thư.

"Tam Tự Kinh" là một tác phẩm kinh điển nổi tiếng đã được dùng làm sách giáo khoa trong trường tư thục từ thời nhà Tống, tương đương với sách giáo khoa tiểu học ngày nay, do đại Nho gia Tống triều Vương Ứng Lân tiên sinh soạn. Điều thần kỳ nhất là nó đem nội hàm căn bản của Nho học và văn học, lịch sử, triết học, thiên văn địa lý cô đọng tại đây, như một phiên bản thu nhỏ của văn hóa truyền thống Trung Quốc, được cổ nhân tôn sùng là "kinh" thư. Kinh, là đạo lý bất biến. Đó là khuôn mẫu đầy giá trị ý nghĩa mà cổ nhân đã nhận ra, đáng để tất cả mọi người noi theo và học tập.

Có một vị sinh viên đại học khoa văn học Trung Quốc đã tò mò xem qua, anh ta đọc không dừng, chấn động trước sự bác đại tinh thâm, hận gặp quá muộn, mãi thở dài: Nếu tiểu học sinh thời cổ đại đất nước tôi có thể đạt đến mức độ tư tưởng sâu sắc và học thức rộng thế này, khởi điểm thực sự là quá cao. Anh ta chấn động sâu sắc, hối hận vì biết được quá muộn, đã uổng phí thời thanh xuân, anh quyết tâm nghiên cứu học tập quốc học.

Có rất nhiều tác phẩm kinh điển cổ đại Trung Quốc, "Tam Tự Kinh" có thể nói là một quyển sách rõ ràng và dễ hiểu nhất, một số học giả so sánh nó với sách "Luận Ngữ" (tác phẩm đầu tiên trong tứ thư ngũ kinh, là sách kinh điển chính của Nho gia ghi lại lời nói và việc làm của Khổng Tử và các đệ tử của ông). Văn từ tinh giản, ba chữ một câu, lưu loát sáng sủa, vô cùng hấp dẫn, có thể nhanh chóng khai sáng tâm trí, dẫn dắt mọi người vào con đường đúng đắn, khiến cho người ta ấp ủ chí lớn. Đọc thuộc lòng "Tam Tự Kinh" , tương đương với việc mở ra cánh cửa lớn học tập truyền thống Trung Quốc, hiểu được lịch sử mấy nghìn năm, còn hiểu được đạo lý làm người. Vì vậy, "Tam Tự Kinh" được lưu truyền rộng rãi và trường tồn, cho đến hiện tại vẫn luôn là cuốn sách giáo khoa được chọn lựa đầu tiên cho giáo dục khai sáng trẻ em.

Để trẻ em ngày nay được dạy dỗ bởi nền văn hóa chính thống, và sửa chữa những luận điệu xuyên tạc và sai lầm lâu nay về Nho học, để chúng ta - những người đã quên truyền thống Trung Quốc có thể nhanh chóng và dễ dàng lĩnh ngộ được những điểm cơ bản nhất của Nho học, thụ ích trí tuệ của tổ tiên, bắt đầu từ kỳ này, chúng ta hãy quay ngược thời gian trở lại

ngôi trường tư thục truyền thống, với tâm trạng thư thái nhẹ nhàng, vừa đọc vừa lĩnh ngộ Nho học ngày trước, tâm trạng gì để giáo dục con cái, mục đích ở đâu, có ảnh hưởng ra sao đối với cuộc sống của chúng ta, tại sao làm người, tại sao học vấn lại coi trọng giáo dục Nho gia như thế, làm sao đạt được học vấn này? Sau khi xem hết "Tam Tự Kinh" , mọi thứ sẽ được minh bạch. Cũng nên biết rằng, nhiều vấn đề đau đầu trong giáo dục hiện đại bắt nguồn từ sự đảo ngược giáo dục đạo đức (đức dục) và giáo dục trí thức (trí dục).

Phần dưới sẽ để chúng ta vừa đọc vừa thảo luận. Có thể đọc xong ai cũng cảm thán, hóa ra Nho gia nói về cuộc sống của chúng ta, và chúng chính là điều chúng ta cần nhất, không hề khó chút nào, nếu hiểu rõ rồi thì sẽ không gặp phải những tranh chấp này nọ, không biết cách giải quyết làm sao, cũng không đến mức có một thân tài trí lại buồn bực thất vọng, cuộc đời không tìm được phương hướng.

Mục lục

Lời Tựa..... 1
Mục lục 2
BÀI 1..... 3
BÀI 2..... 8
BÀI 3..... 14
BÀI 4..... 22
BÀI 5..... 28
BÀI 6..... 36
BÀI 7 43
BÀI 8 49
BÀI 9 54
BÀI 10 61
BÀI 11 69
BÀI 12 78
BÀI 13 86

BÀI 1

Nguyên văn

人之(1) 初(2)， 性(3) 本(4) 善(5)，
性相(6) 近(7)， 習(8) 相遠(9)。
苟(10) 不教(11)， 性乃(12) 遷(13)，
教之道(14)， 貴(15) 以專(16)。

Bính âm:

人(rén)	之(zhī)	初 (chū)，	性(xìng)	本(běn)	善(shàn)，
性(xìng)	相(xiāng)	近(jìn)，	習(xí)	相(xiāng)	遠(yuǎn)。
苟(gǒu)	不(bú)	教(jiào)，	性(xìng)	乃(nǎi)	遷(qiān)，
教(jiào)	之(zhī)	道(dào)，	貴(guì)	以(yǐ)	專(zhuān)。

Chú âm:

人(ㄖㄣˊ)	之(ㄓ)	初(ㄔㄨ)，
性(ㄒㄧㄥˋ)	本(ㄅㄣˇ)	善(ㄕㄢˋ)，
性(ㄒㄧㄥˋ)	相(ㄒㄧㄤ)	近(ㄐㄧㄣˋ)，
習(ㄒㄧˊ)	相(ㄒㄧㄤ)	遠(ㄩㄢˇ)。
苟(ㄍㄡˇ)	不(ㄅㄨˊ)	教(ㄐㄧㄠˋ)，

性(ㄒ一ㄥˋ)　乃(ㄋㄞˇ)　遷(ㄑ一ㄢ)，
教(ㄐ一ㄠˋ)　之(ㄓ)　道(ㄉㄠˋ)，
貴(ㄍㄨㄟˋ)　以(一ˇ)　專(ㄓㄨㄢ)。

Âm Hán Việt

Nhân chi sơ, Tính bản thiện,
Tính tương cận, Tập tương viễn.
Cẩu bất giáo, Tính nãi thiên,
Giáo chi đạo, Quí dĩ chuyên.

Tạm dịch

Con người mới sinh ra, thiên tính vốn thiện lương,
Tính ban đầu giống nhau, thói quen dần khác xa.
Nếu chẳng được giáo dục, bản tính sẽ biến đổi,
Đường lối của giáo dục, quý ở sự chuyên tâm.

Từ vựng

(1)chi (之): từ dùng để chỉ một quan hệ sở hữu hoặc cái toàn bộ bao hàm một phần (chỉ đến từ đằng trước).
(2) sơ (初): lúc đầu, sơ sinh.
(3) tính (性): bản tính, thiên tính.
(4) bản (本): gốc, nguồn gốc, ban đầu.
(5) thiện (善): thiện lương, tốt lành.
(6) tương (相): tương đương.
(7) cận (近): gần.
(8) tập (習/习): chim đập cánh nhiều lần học bay, học tập, tập quán hậu thiên.
(9) viễn (遠/远): xa, khác nhau xa, sai khác lớn.
(10) cẩu (苟): nếu như, nếu mà, cẩu thả, ẩu, tùy tiện.
(11) giáo (教): giáo đạo, truyền thụ, dạy dỗ, chỉ bảo.
(12) nãi (乃): có thể, sẽ.
(13) thiên (遷/迁): biến đổi.
(14) đạo (道): con đường, phương pháp, đạo.
(15) quí (貴/贵): chú trọng, coi trọng.
(16) chuyên (專/专): tập trung, chuyên tâm, chuyên cần.

Diễn giải tham khảo

Con người sau khi sinh ra, bản tính đều là thiện lương. Bản tính thiện lương, đại thể đều rất giống nhau, không có khác nhiều. Đến khi lớn lên, vì hoàn cảnh riêng khác nhau, chỗ học tập cũng khác nhau; tại hoàn cảnh con người tốt thì sẽ thành tốt, tại hoàn cảnh con người không tốt sẽ dễ dàng hư hỏng, thế là tính tình ban đầu phát sinh sai biệt. Nếu như lúc đó không cấp cho họ sự dạy dỗ thích đáng, để họ học các loại thói quen bất lương, bản tính thiện lương của họ sẽ dần dần biến hoại. Phương pháp giáo đạo, trọng yếu nhất là phải chuyên tâm nhất trí, không thể lúc làm lúc ngưng, mới có thể giúp họ học tập hoàn chỉnh.

Đọc sách luận bút

Mở đầu "Tam Tự Kinh" đã dùng 18 chữ ngắn gọn, mục đích cuối cùng của các kinh điển danh tiếng hàng ngàn năm của Nho gia đã tiết lộ thiên cơ.

6 chữ "Nhân chi sơ, tính bản thiện" cho thấy rõ nhận thức của Nho gia đối với bản tính của con người vốn là Thiện, tiếp đó là 12 chữ "Tính tương cận, tập tương viễn. Cẩu bất giáo, tính nãi thiên." Đã nói rõ ràng mục đích căn bản của giáo dục Nho gia ngay từ đầu: gốc của giáo dục, chính là gìn giữ và duy hộ bản tính thiện lương của con người thủy chung không thay đổi.

Bởi vì bản tính con người lúc mới sinh ra là thiện lương, người người như nhau (tính tương cận), nhưng do hoàn cảnh sinh trưởng khác nhau, đối diện với con người và sự vật khác nhau, những thứ tiếp xúc và chịu ảnh hưởng cũng khác biệt quá nhiều, thậm chí rất xa nhau (tập tương viễn). Nếu như không tiếp thụ sự giáo dục (cẩu bất giáo), chịu ảnh hưởng của hậu thiên, dần dần sẽ làm người ta mê mất bản tính, thậm chí đi về hướng tà ác mà không hay biết (tính nãi thiên).

Đương nhiên, 6 chữ cuối cùng nói rằng giáo dục cần phải luôn kiên trì, không thể bỏ nửa chừng, sau khi hiểu rõ mục đích và tính trọng yếu của giáo dục, bài học kế tiếp sẽ chuyển sang một ví dụ thực tế - điển cố dời nhà ba lần của Mạnh mẫu.

Câu hỏi thảo luận

(1) "Bản tính ban đầu của con người" là gì? Có phải bản tính con người lúc mới sinh ra không? Hay nó là đặc tính bản nguyên nhất của sinh mệnh?

(2) Bạn đối đãi với "tập" như thế nào? Chỉ làm nội dung bài tập về nhà là "tập" đúng không?

(3) Những gì chúng ta học sau khi sinh ra có phải là luôn làm cho chúng ta tốt hơn không? Ngược lại không trải qua học tập ở hậu thiên sẽ làm chúng ta trở thành không tốt phải không?

(4) Chúng ta nên làm sao để bảo trì được thiên tính thiện lương này?

Câu chuyện Chu Xứ trừ tam họa

Ngày xưa, vào triều nhà Tấn, tại một làng nhỏ ở Nghĩa Hưng, có một người thanh niên tên gọi là Chu Xứ. Cha mẹ đều qua đời sớm khi cậu còn nhỏ, không có ai dạy dỗ, Trời sinh có tính khí hào hiệp, nhưng thường lấy thân khỏe mạnh để đánh nhau gây chuyện trong làng, không việc ác nào không làm, người trong làng thấy anh ta tựa như là độc xà mãnh thú, luôn tránh xa anh ta.

Một ngày nọ khi anh ta đi tản bộ trên đường, anh ta thấy một đám người đang nói chuyện gì đó, anh ta vội vàng tới nghe náo nhiệt, nhiều người chợt im lặng và tản đi. Chu Xứ cảm thấy thật kỳ quái, liền túm lấy một cụ già hỏi: "Các người đang nói về điều gì?" Cụ già quá sợ hãi đành thật lòng nói: "Trong làng chúng ta có tam họa, thứ nhất là trong núi Nam Sơn có một con hổ ăn thịt người; thứ hai là ở dưới cầu Trường Kiều có một con giao long; chúng nó hại chết rất nhiều người …" Không đợi cụ già nói xong, Chu Xứ hét to lên, "Là hổ hay giao long, có gì phải sợ, để ta sẽ tiêu diệt chúng nó". Nói rồi liền xoay người chạy đi.

Chu Xứ chạy lên núi Nam Sơn, sau một ngày tìm kiếm anh ta cũng tìm được con hổ ăn thịt người kia. Đối diện con hổ đang lao đến, anh ta thuận thế nhảy lên cưỡi trên lưng nó, vung nắm tay đập mạnh tới tấp vào đầu hổ làm hổ chết. Tiếp đó anh ta lại chạy đến dưới cầu Trường Kiều, nhảy xuống sông để giết giao long. Chu Xứ ở dưới nước cùng giao long đánh giết ba ngày ba đêm, cuối cùng giết chết giao long.

Người trong làng thấy Chu Xứ không quay về, cho rằng anh ta bị con hổ hay giao long ăn thịt rồi nên đánh chiêng, đánh trống ăn mừng. Không

ngờ Chu Xứ quay về, nghe dân làng nói đã diệt được tam họa, vui vẻ chúc mừng nhau, lúc này anh ta mới nhận ra rằng mình chính là một trong tam họa.

Chu Xứ cảm thấy rất xấu hổ và tội lỗi. Vì những hành vi sai trái thường ngày, nên mọi người đã xem anh ta như một mối họa. Vì vậy, anh quyết tâm sửa đổi, làm một con người mới. Sau này anh bái ngài Lục Vân làm thầy, nỗ lực đèn sách, cuối cùng anh trở thành một vị quan lớn và đã làm được rất nhiều việc thiện cho dân chúng.

Xem ra bản tính con người đều là thiện lương, Chu Xứ chẳng qua là do cha mẹ mất sớm, không có người khai sáng chỉ dạy nên bị sự vật ô nhiễm của hậu thiên bất hảo che mờ mà làm cho hư hỏng, một khi tỉnh ngộ, vẫn sẽ thành người tốt, có thể cho chúng ta thấy mức độ quan trọng của giáo dục thuở ban đầu. Một cá nhân có bản lĩnh tài hoa hay không, tựa như một con dao, người dùng khác nhau sẽ cho kết quả thiện ác khác nhau. Một con người với dụng tâm bất chính, thậm chí có thể dùng dao để sát nhân thì vô cùng đáng sợ.

Còn một điểm đáng quan tâm, cũng có người không tôn trọng người khác, bởi vì có tài hoa hay học thức cao rồi tự cho mình là cao nhân bậc nhất, cư xử ngạo mạn, ngông cuồng tự đại, việc thấp kém không làm, lãnh đạo cũng không chịu nỗi, kết quả mọi người xa lánh, đều là do không tôn trọng người khác, người có tài nhưng không được mọi người tán thành! Đây là một điểm cần phải chú ý.

Viết bài tâm đắc:

(1) Nếu em là Chu Xứ, em sẽ cảm thấy thế nào khi nhận ra rằng người trong làng nghĩ rằng mình là một mối họa?

(2) Làm sao Chu Xứ tiêu diệt mối họa thứ ba là chính mình?

(3) Em phản ứng thế nào khi bị người khác phê bình?

Video:

https://www.youtube.com/watch?v=WBoNDkYnj20

Tham khảo:

http://big5.zhengjian.org/node/245296
https://www.epochtimes.com/b5/8/5/16/n2120111.htm

BÀI 2

Nguyên văn

昔(1) 孟母(2)， 擇(3) 鄰(4) 處(5)，
子(6) 不學(7)， 斷(8) 機杼(9)。
竇燕山(10)， 有義方(11)，
教五子(12)， 名(13) 俱(14) 揚(15)。

Bính âm

昔(xí)	孟(mèng)	母(mǔ)，	擇(zé)	鄰(lín)	處(chǔ)，
子(zǐ)	不(bù)	學(xué)，	斷(duàn)	機(jī)	杼(zhù)。
竇(dòu)	燕(yān)	山(shān),	有(yǒu)	義(yì)	方(fāng)，
教(jiào)	五(wǔ)	子(zǐ)，	名(míng)	俱(jù)	揚(yáng)。

Chú âm

昔(ㄒㄧˊ)	孟(ㄇㄥˋ)	母(ㄇㄨˇ)，
擇(ㄗㄜˊ)	鄰(ㄌㄧㄣˊ)	處(ㄔㄨˇ)，
子(ㄗˇ)	不(ㄅㄨˋ)	學(ㄒㄩㄝˊ)，
斷(ㄉㄨㄢˋ)	機(ㄐㄧ)	杼(ㄓㄨˋ)。

竇(ㄉㄡˋ) 燕(ㄧㄢ) 山(ㄕㄢ)，
有(ㄧㄡˇ) 義(ㄧˋ) 方(ㄈㄤ)，
教(ㄐㄧㄠˋ) 五(ㄨˇ) 子(ㄗˇ)，
名(ㄇㄧㄥˊ) 俱(ㄐㄩˋ) 揚(ㄧㄤˊ)。

Âm Hán Việt

Tích Mạnh mẫu, Trạch lân xứ,
Tử bất học, Đoạn cơ trữ.
Đậu Yên Sơn, Hữu nghĩa phương,
Giáo ngũ tử, Danh câu dương.

Tạm dịch:

Mẹ Mạnh Tử ngày xưa, chọn láng giềng mà ở,
Con trốn học về chơi, mẹ cắt vải khung cửi.
Lão Đậu ở Yên Sơn, có phương pháp giáo dục,
Dạy dỗ năm người con, cả năm đều thành danh.

Từ vựng

(1) 昔 (tích): ngày xưa, quá khứ, ngày trước.
(2) 孟母 (Mạnh mẫu): mẹ của Mạnh Tử. Bà là người thấy rằng hoàn cảnh có ảnh hưởng rất lớn đối với một cá nhân, từ đó khích lệ Mạnh Tử phải phấn đấu chuyên cần học tập, và vì điều này mà từng chuyển nhà ba lần. Người đời sau thường dùng điển tích "Mạnh mẫu ba lần chuyển nhà" để hình dung sự giáo dục của gia trưởng đối với con trẻ, cũng như sự khổ tâm để lựa chọn cho con cái một hoàn cảnh học tập vừa ý.
(3) 擇 (trạch): tuyển trạch, tuyển chọn, lựa chọn.
(4) 鄰 (lân): láng giềng, hàng xóm.
(5) 處 (xứ): sinh sống, cư trú, cư ngụ.
(6) 子 (tử): cách người Trung Quốc xưa gọi con cái; ở đây là chỉ con trai Mạnh mẫu.
(7) 不學 (bất học): bỏ học, không chuyên tâm vào học tập.
(8) 斷 (đoạn): cắt bỏ, cắt đứt.
(9) 機杼 (cơ trữ): khung cửi； 機 (cơ): khung cửi bằng gỗ； 杼 (trữ): con thoi khung cửi.
(10) 竇燕山 (Đậu Yên Sơn): Đậu Vũ Quân, một người sống vào thời Hậu

Tấn, vì sống tại Yên Sơn nên cũng gọi là Đậu Yên Sơn. Ông cực kỳ coi trọng việc giáo dục con trẻ, và cả năm người con của ông đều đỗ đạt, đương thời gọi là "ngũ long họ Đậu".

(11) 義方 (nghĩa phương): phương pháp tốt, thường là chỉ đạo lý giáo hóa của bậc Thánh hiền.

(12) 五子 (ngũ tử): năm người con

(13) 名 (danh): thanh danh, danh tiếng

(14) 俱 (câu): đều, cả

(15) 揚 (dương): được ngợi ca

Diễn giải tham khảo

Vào thời xưa, mẹ của Mạnh Tử vì để tìm một môi trường thích hợp cho Mạnh Tử học tập đã ba lần chuyển nhà. Một lần nọ, Mạnh Tử bỏ học trở về nhà, mẹ Mạnh Tử đã tức giận đến mức cắt miếng vải đang dệt dở dang ra làm hai. Bà dạy con rằng: "Đi học cũng giống như dệt vải vậy. Phải đem từng sợi từng sợi vải dệt với nhau, liên tục dệt từng tấc một mới có thể thành một mét, cuối cùng mới có thể thành tấm vải hữu dụng. Nếu như tấm vải giờ đã bị cắt ngang, nửa chừng hư hỏng, vậy thì công sức từ đầu đều bỏ phí hết."

Vào thời Ngũ Đại, có một người cha rất coi trọng việc giáo dục con cái, đó là Đậu Vũ Quân (còn gọi là Đậu Yên Sơn). Ông tuân theo lời dạy bảo của Thánh hiền mà chú ý đến việc dạy dỗ con cái. Năm người con noi theo sự giáo dưỡng của ông cuối cùng đều thành tựu, tiếng tăm truyền khắp tứ phương.

Đọc sách luận bút

Chữ Nho " 儒 "của Nho gia do hai chữ Nhân "人" và Nhu " 需 " hợp thành. Nội hàm sâu sắc, ý là làm người cần phải có đạo lý căn bản và tài trí tế thế hiệu quả. Từ xa xưa, Khổng Tử đã đặt định ra tiêu chuẩn làm người và quy phạm đạo đức, đạo lý làm thế nào thiện đãi đối với người khác từ trong gia đình đến ra ngoài xã hội.

Vì vậy người có tu dưỡng, tức tu thân, chính là học căn bản cách lập thân xử thế ở tương lai, cho nên điều Nho gia giảng giải xem xét đầu tiên chính là nhân nghĩa 仁義 , bất kể là đối đãi với cha mẹ, anh chị em trong gia đình, hay ra bên ngoài đối xử với người lớn, bạn bè, cấp trên và cấp dưới, đều lấy tu thân mình làm gốc. Chính là tu thân tề gia, rồi mới có thể trị

quốc bình thiên hạ. Xử lý các mối quan hệ gia đình và xã hội, tùy thuộc vào con người và sự việc cụ thể, tuy nội dung khác nhau, lớn nhỏ khác nhau, thân phận và mối quan hệ khác nhau, lễ nghi khác nhau, nhưng thông hiểu mục đích cơ bản thiện đãi người khác là trên hết, là đều giống nhau.

Có thể nói, Vương Ứng Lân đã gạt bỏ lớp sương mù mênh mông chói lóa của kinh điển Nho gia, đã nói trúng trọng tâm nội dung trong bài học đầu tiên, ông đã đặc biệt chỉ rõ rằng bảo vệ bản tính thiện lương bẩm sinh của con người mới là mục đích căn bản của giáo dục Nho gia, là hạch tâm căn bản, nên định ra nội dung cốt lõi của "Tam Tự Kinh" . Dù nội dung có rộng lớn thế nào, thì cũng sẽ tập trung vào việc giáo đạo và mở rộng tính thiện lương của con người.

Vì vậy ở bài học thứ hai xuất hiện một ví dụ cụ thể về giáo dục gia đình, đây là điển cố Mạnh mẫu ba lần chuyển nhà, câu chuyện này nổi tiếng trong giới giáo dục đương đại ở Nhật Bản và ai ai cũng biết, có ảnh hưởng sâu xa. Người Nhật Bản để con cái nhận được ảnh hưởng từ hoàn cảnh tốt, họ đều bắt chước Mạnh mẫu, cố ý tìm nơi có nền giáo dục tốt để mua nhà, chẳng hạn như khu Bunkyo ở thủ đô Tokyo là nơi có tổ chức giáo dục danh tiếng, đã trở thành địa khu lựa chọn mua nhà hàng đầu của các vị cha mẹ trẻ tuổi.

Nghe nói Mạnh mẫu đã từng ở gần lò sát sinh, gần chợ và gần nghĩa trang, phát hiện ra Mạnh Tử nhìn thấy cái gì thì học tập cái đó, cùng với các bạn hàng xóm chơi trò mổ heo, buôn bán và bắt chước nghi thức đưa tang. Mạnh mẫu thấy tận mắt, liên tiếp dời nhà ba lần, sau cùng dời đến địa phương có trường học, phát hiện Mạnh Tử bắt đầu bắt chước học tập, thế là định cư nơi ấy.

Câu chuyện này chính là chứng thực rằng môi trường có ảnh hưởng rất lớn đến trẻ em, ảnh hưởng sau đó sẽ làm thay đổi thiên tính thiện lương của trẻ, vì vậy chúng ta cần phải quan tâm đến việc giáo dục trẻ, không để bản tính bị ô nhiễm, còn phải kiên trì bền bỉ, đó là lý do mà Mạnh mẫu phải chuyển nhà ba lần, lại dạy bảo con cần phải chuyên tâm giữ vững, không được bỏ dở nửa chừng.

Cần chú ý rằng giáo dục ở đây không phải là giáo dục theo ý nghĩa hiện đại, mà là giáo dục đạo đức của Nho học, ngày nay được gọi là quốc học, trường tư thục xưa dạy người ta đọc sách nghiên cứu học vấn, mục đích căn bản chính là ở điểm này, đồng thời khi lớn lên có thể lấy đức thiện

hóa thiên hạ, cứu tế thiên hạ. Nền giáo dục quốc ngữ hiện đại của Nhật Bản gần như đã kế thừa truyền thống này.

Câu chuyện bên dưới là một điển cố khác kể về Đậu Yên Sơn dạy con. Cũng chứng thực việc dạy con làm thiện, để con trẻ có thể lập thân dương danh, đạt thành tựu sau này.

Câu hỏi thảo luận:

(1) Việc học tập quan trọng nhất là kiên trì bền bỉ, tích lũy từng chút một qua thời gian dài thì mới có thể thành tựu. Hãy trao đổi xem các em phân chia thời gian dành cho đọc sách hàng ngày như thế nào?

(2) Hãy mô tả một thành công mà em có được trong học tập hay cuộc sống nhờ kiên trì bền bỉ và chuyên tâm mà thành.

Câu chuyện Đậu Yên Sơn dạy con

Đậu Vũ Quân là người sống vào thời Hậu Tấn thuộc thời kỳ Ngũ Đại ở Trung Quốc. Ông ở tại Kế Châu, thời cổ đại chính là nước Yên, vì vậy người ta gọi ông là Đậu Yên Sơn. Gia đình ông vô cùng giàu có, thế nhưng tâm ông lại bất chính, thường khi dễ người nghèo. Vì làm việc thất đức, cũng vì thế mà 30 tuổi vẫn chưa có con. Một đêm, ông nằm mộng thấy người cha đã qua đời của ông trở về, nói: "Con tâm địa bất chính, đức hạnh không đứng đắn, lại làm việc ác như vậy, chẳng trách giờ chưa có con mà còn đoản mệnh nữa. Con phải mau sửa sai hướng thiện, tích nhiều âm đức, trợ giúp nhiều người, có như vậy mới cứu vãn được số mệnh."

Sau đó, ông ta không còn dám làm ác nữa mà còn giúp đỡ người nghèo khổ rất nhiều nơi, thậm chí thiết lập "Nghĩa quán" trong nhà mình, mời bậc thầy danh tiếng tới dạy học, giúp cho trẻ em nhà nghèo khó không có điều kiện đều có thể đến học. Một lần nọ, ông nhặt được một túi bạc lớn ở một quán trọ, ông đã ở đó cả ngày, chờ người mất quay lại tìm, để trả lại nguyên xi số bạc.

Một đêm nọ, Đậu Yên Sơn lại nằm mộng thấy cha mình, cha ông nói: "Hiện giờ con đã tích được rất nhiều đức, ông Trời sẽ ban cho con năm đứa con trai, và thọ mệnh của con cũng được kéo dài." Sau khi Đậu Vũ Quân tỉnh dậy, biết rằng đây chỉ là một giấc mơ, nhưng ông lại càng chăm chú tu dưỡng bản thân hơn nữa, làm nhiều việc thiện. Sau đó, vợ ông quả nhiên sinh hạ được năm người con trai.

Đậu Vũ Quân rất coi trọng sự giáo dục con cái, thường dạy con thái độ xử

thế và nghĩa lý Thánh hiền. Năm người con dưới sự dạy dỗ của ông đều đỗ đạt, người quê ông không ai không khen ngợi, thanh danh Đậu Vũ Quân và năm người con vì vậy mà được truyền khắp cả nước.

Câu chuyện này và câu chuyện Chu Xứ ở bài một có chỗ tương tự, Đậu Yên Sơn và Chu Xứ là hai người ban đầu quen làm ác, sau đó sửa ác theo thiện, kịp thời cải chính và tỉnh ngộ, thành người thành công, nhưng cũng có chỗ khác biệt, ở đây còn nói đến sự tồn tại của thiên lý thiện ác hữu báo, nhất ngôn nhất hành của con người đều có Trời xem xét, ở đây tỏ rõ, Nho gia khuyên người hành thiện, xem trọng giáo dục đức hạnh, được người Trung Quốc phụng hành qua mấy nghìn năm, tuyệt đối không phải ngẫu nhiên, tất nhiên ẩn tàng an bài của thiên ý ở đằng sau. Cũng chính là để người Trung Quốc giữ vững lương thiện, thu được phúc báo về sau.

Đậu Yên Sơn chính là cảm thấy trên đầu ba thước có Thần linh, mới từ trên căn bản kính sợ Thiên Địa, bắt đầu trọng đức hành thiện, đắc được phúc báo. Thế là từ căn bản ấy hiểu được vì sao để con cái học tập nghĩa lý Thánh hiền. Cũng chính là hiểu được nguyên nhân căn bản cần tuân theo giáo đạo Nho học.

Không nói là Mạnh mẫu hay là Đậu Yên Sơn, đây đều là những tấm gương dạy con hướng thiện, thu hoạch được thành tựu to lớn điển hình, đều là những chuyện chứng thực chính xác nội dung của bài học trước.

Viết bài tâm đắc:

(1) Sau khi đọc xong câu chuyện này, các em cảm thấy đâu là nguyên nhân căn bản dẫn tới sự cải biến vận mệnh của Đậu Yên Sơn?

(2) Các em biết rằng thanh danh của Đậu Vũ Quân và năm người con lan truyền khắp đất nước. Đâu là nguyên nhân chính của điều này?

Video

https://www.youtube.com/watch?v=EsnNUB782Ug

Dịch từ:

http://big5.zhengjian.org/node/245297

https://www.epochtimes.com/b5/8/5/18/n2121795.htm

BÀI 3

Nguyên văn

養(1) 不教(2) 父(3) 之過(4)
教不嚴(5) 師(6) 之惰(7)
子(8) 不學　非(9) 所宜(10)
幼(11) 不學 老(12) 何(13) 為(14)

Bính âm

養(yǎng) 不(bú) 教(jiào), 父(fù) 之(zhī) 過(guò),
教(jiào) 不(bù) 嚴(yán), 師(shī) 之(zhī) 惰(duò)。
子(zǐ) 不(bù) 學(xué), 非(fēi) 所(suǒ) 宜(yí),
幼(yòu) 不(bù) 學(xué), 老(lǎo) 何(hé) 為(wéi)。

Chú âm

養(ㄧㄤˇ) 不(ㄅㄨˊ) 教(ㄐㄧㄠˋ),
父(ㄈㄨˋ) 之(ㄓ) 過(ㄍㄨㄛˋ),
教(ㄐㄧㄠˋ) 不(ㄅㄨˋ) 嚴(ㄧㄢˊ),
師(ㄕ) 之(ㄓ) 惰(ㄉㄨㄛˋ)。

子(ㄗˇ)　不(ㄅㄨˋ)　學(ㄒㄩㄝˊ)，
非(ㄈㄟ)　所(ㄙㄨㄛˇ)　宜(ㄧˊ)，
幼(ㄧㄡˋ)　不(ㄅㄨˋ)　學(ㄒㄩㄝˊ)，
老(ㄌㄠˇ)　何(ㄏㄜˊ)　為(ㄨㄟˊ)。

Âm Hán Việt

Dưỡng bất giáo, Phụ chi quá,
Giáo bất nghiêm, Sư chi đọa.
Tử bất học, Phi sở nghi,
Ấu bất học, Lão hà vi.

Tạm dịch:

Nuôi con mà không dạy, là lỗi của cha mẹ,
Dạy trò mà không nghiêm, là do thầy thất trách.
Con trẻ không học tập, như thế là không nên,
Lúc còn nhỏ không học, khi già biết làm gì?

Từ vựng

(1) Dưỡng (養): nuôi dưỡng
(2) Giáo (教): dạy dỗ
(3) Phụ (父): cha; ở đây ý nói phụ mẫu 父母 (cha mẹ)
(4) Quá (過): lỗi
(5) Nghiêm (嚴): nghiêm
(6) Sư (師): thầy
(7) Đọa (惰): lười biếng, thất trách
(8) Tử (子): con trẻ
(9) Phi (非): không
(10) Nghi (宜): nên, phù hợp, thích đáng
(11) Ấu (幼): nhỏ, trẻ
(12) Lão (老): già
(13) Hà (何): [cái] gì
(14) Vi (為): làm

Diễn giải tham khảo

Bậc làm cha mẹ nếu như dưỡng dục con cái chỉ cung cấp cho chúng những nhu cầu vật chất mà không quản giáo tốt chúng, thì đây là lỗi lầm khi làm cha mẹ. Đạo lý cũng tương tự như vậy, nếu giáo viên giáo đạo cho học sinh không nghiêm khắc, không đốc thúc, không nghiêm túc chỉ dạy, đấy cũng là làm thầy lười biếng, thất trách.

Thân làm con em, không học tập tốt là không nên, thuở thiếu thời không dụng tâm học tập, không minh bạch đạo lý làm người, cũng không có học thức phong phú để có thể đặt chân trong xã hội, chờ đến khi lớn tuổi, còn có thể làm gì?

Câu hỏi thảo luận:

1. Nếu một ngày kia em làm cha mẹ, em sẽ dạy dỗ con cái của mình như thế nào? Giáo dục ở gia đình và giáo dục ở trường học điều nào là quan trọng hơn? Nếu em là giáo viên, em sẽ dạy học sinh của mình như thế nào? Em sẽ yêu cầu học sinh làm gì đầu tiên?

2. Đến thăm và quan sát một vài người lớn mà em biết. Họ có những phẩm chất nào cho công việc hiện tại của họ? Nếu họ không làm việc chăm chỉ khi họ còn trẻ, liệu họ có thể làm tốt công việc hiện tại của họ không?

Đọc sách luận bút

Tám câu thơ này không chỉ rõ ràng dễ hiểu, mà ở hai câu đầu "Dưỡng bất giáo, Phụ chi quá" thì ai ai cũng biết, cho nên người Trung Quốc từ xưa đã minh bạch vai trò giáo dục và trách nhiệm trọng đại của cha mẹ, chỉ cung cấp vật chất để hưởng dụng, là hành vi vô trách nhiệm, con cái mà ngôn hành không đứng đắn, là phải hỏi đến trách nhiệm người làm cha mẹ, cho nên ở đây khuyên nhủ bậc cha mẹ rất rõ ràng, là đang nhắc nhở cha mẹ, phải khởi lên trách nhiệm tận tâm giáo dục đức hạnh cho con cái.

Bởi vì bài học đầu tiên đề cập đến "Nhân chi sơ, Tính bản thiện", "Cẩu bất giáo, Tính nãi thiên" lấy mục đích bảo vệ bản tính thiện lương không thay đổi làm tôn chỉ giáo dục. Cho nên trách nhiệm làm cha mẹ, yêu cầu đầu tiên là giáo dục đức hạnh. Hơn nữa, "Tam Tự Kinh" nhắc tới vai trò người làm giáo dục, đầu tiên nhắc tới là cha mẹ, bởi vì chỉ rõ ra tôn chỉ của giáo dục, bài thứ hai nhắc tới khuôn mẫu người mẹ là Mạnh mẫu và

khuôn mẫu người cha là Đậu Yên Sơn, đều không để con cái chịu ảnh hưởng của môi trường làm hư hỏng và dạy bảo con cái trọng nghĩa làm hạch tâm. Có thể thấy được nhận thức của cổ nhân đối giáo dục nhân phẩm chính là điểm chú trọng đầu tiên, mà giáo dục nhân phẩm lại là giáo dục ở gia đình khởi đầu từ bậc làm cha mẹ.

Bởi vậy người xưa có các loại gia huấn, Nhật Bản gọi là đình huấn, truyền thừa đến ngày nay. Tại Tokugawa sau thời Mạc Phủ, Nhật Bản đã ngày càng chú trọng hơn đến giáo dục Nho gia Trung Quốc, gia giáo nghiêm ngặt, trường tư thục phổ biến khắp cả nước, bồi dưỡng trẻ em ngôn hành lễ nghi đoan chính, trường tiểu học hiện đại Nhật Bản, chính là bắt nguồn từ trường tư thục "Teakoya" ở Edo (tên cũ của Tokyo), bậc tiểu học trung học, không chỉ học tập thơ ca Hán văn, thậm chí còn học tập " Luận Ngữ " của Khổng Tử. Còn có mở những khoa Gia đình, phải học tập trông coi chăm sóc, may vá và quét dọn, để trẻ em biết cảm ân và biết cách đãi nhân cơ bản, có thể nói cách ứng đối thời hiện đại của họ là kế thừa từ trường tư thục cổ đại và giáo dục gia đình truyền thống. Đây chính là nguyên nhân căn bản mà giới công ty thương nghiệp Nhật Bản có luân lý nghề nghiệp, nói về thành tín, có thể đặt chân vững chắc trên thế giới ở thời hiện đại.

"Tam Tự Kinh" sở dĩ đi sâu vào lòng người chính là vì tôn chỉ cao minh, đồng thời chính nhân tâm, ngôn ngữ giản dị, lại sáng sủa trôi chảy, người người đều có thể đọc hiểu, không chỉ khai sáng tốt đẹp cho trẻ em, đối với cha mẹ cùng dân chúng thế giới cũng có tác dụng cảnh tỉnh và giáo đạo sâu sắc. Trung Quốc cổ đại vì sao có thể trở thành "lễ nghi chi bang" khiến cả thế giới kính ngưỡng và học tập, chỉ với cuốn giáo trình khai sáng nho nhỏ này cũng đủ cho lòng người sáng tỏ.

Cha mẹ và giáo viên trong khóa học cơ bản này đều là nhà giáo dục, thế nhưng cha mẹ có thể cưng chiều mà coi nhẹ đức dục, thầy cô chuyên trách giáo dục thì lại có thể giáo đạo không nghiêm khắc, cũng là thất trách. Thảo luận về khóa học căn bản này, đối với giáo viên và cha mẹ, mỗi người có yêu cầu nặng nhẹ riêng, kỳ thật, kết hợp lại mới là yêu cầu toàn diện. Nói cho đúng, thì dù là cha mẹ hay giáo viên cũng đều phải biết xem trọng giáo dục đạo đức, cũng đều phải nghiêm khắc dạy bảo, giống như mẹ của Mạnh Tử, chuyên chú kiên trì, chưa từng giải đãi, nếu không, đều là vô trách nhiệm, đều sẽ bị xem là sai trái và lười biếng.

Như vậy, bước tiếp theo, đương nhiên sẽ phải làm người người dạy bảo,

khuyến đạo cho con trẻ hiểu: Làm con, phải nghe lời cha mẹ và thầy cô, phải học tập thật giỏi, đây là điều bậc làm con hoặc đệ tử phải làm, nếu không, khi già, không thành tựu được gì, sống uổng phí một đời.

Kỳ thật ba bài đầu của "Tam Tự Kinh" giảng chính là con người vì sao phải tiếp nhận giáo dục, gốc của giáo dục nằm ở đức, cha mẹ và thầy cô nhất định phải nghiêm khắc cẩn thận giáo đạo con trẻ cho tốt, chớ để con trẻ lạc mất bản tính thiện lương.

"Tam Tự Kinh" giảng ra tôn chỉ của giáo dục và thái độ cần thiết của hai nhà giáo dục, tiếp theo dạy cho con trẻ phải từng bước từng bước học tập thế nào. Bởi vậy có người nói, Tam Tự Kinh gần như có thể giúp người tự học thành tài, đưa ra phương hướng làm sao để thành một nhà Nho học lớn. Khó trách tại sao giáo dục các bậc đế vương cổ đại đều xem trọng quyển sách này.

Nếu muốn con cái thành người tài, có chí lớn, xin hãy bắt đầu học tập "Tam Tự Kinh" .

Câu chuyện Vũ Huấn mở trường

Vào đời nhà Thanh, ở huyện Đường Ấp tỉnh Sơn Đông, có một người hành khất tên là Vũ Thất. Ông đã đi ăn xin và làm thuê đủ nghề để dành dụm tiền mua đất xây trường học. Vì xây trường học thành công, người ta đã gọi ông là Vũ Huấn.

Cha của Vũ Huấn qua đời khi ông mới năm tuổi, cùng mẹ đi xin ăn, mặc dù sinh hoạt rất cực khổ, nhưng ông luôn gắn bó với mẹ mưu sinh sống qua ngày. Nhưng không may, năm ông lên bảy, mẹ ông lại qua đời, cô đơn một mình, ông đành làm phụ việc linh tinh tứ xứ. Vũ Huấn không một chút nào bận lòng vì sinh hoạt khốn khổ, nhưng điều làm ông thấy khổ sở nhất chính là không được đến trường tư thục học chữ như những đứa trẻ khác.

Từ trong khốn khổ, Vũ Huấn nhận ra tính trọng yếu của việc đọc sách, bởi vì chính mình không biết chữ không đọc sách, không cách nào làm được việc lớn, do đó ông quyết tâm phải làm trường nghĩa học (trường học miễn phí), để trẻ em nhà nghèo có thể đọc sách, không muốn người khác lại giống như mình, bởi vì không tiền mà bỏ lỡ cơ hội học tập. Thế là ông ban ngày ăn xin, ban đêm xe sợi gai, sau ba bốn mươi năm nỗ lực, ngôi trường "Sùng Hiền Nghĩa Thục" của Vũ Huấn đã được thành lập, mang lại lợi ích cho nhiều học trò.

Vũ Huấn rất quan tâm đến việc học tập của học trò, đối với thầy giáo lại càng kính trọng. Nhưng khi gặp cảnh thầy dạy không nghiêm chỉnh hay học sinh không dụng tâm học tập, ông sẽ quỳ gối trước họ và cầu xin họ hãy tận tâm tận sức, cố gắng nỗ lực, vì vậy cả thầy lẫn trò đều rất cảm động, không dám giãi đãi. Tinh thần hiếu học của Vũ Huấn gây cảm động rất nhiều người.

Kỳ thực, phân biệt tốt xấu ảnh hưởng rất lớn đến đời người, lúc trẻ không biết trân quý cơ hội đọc sách, không nắm chắc thời hoàng kim của sinh mệnh để tu dưỡng phẩm đức, thì sẽ hối tiếc lúc tuổi già. Tả Tông Đường, một nhà quân sự nổi tiếng sống vào đời nhà Thanh, có một thuộc cấp tên là Trương Diệu, người đã nhiều năm theo ông chinh chiến và giành được nhiều chiến công. Tả Tông Đường đã phong cho Trương Diệu một chức quan lớn trong triều đình. Tuy nhiên, Trương Diệu lại không biết đọc vì ông ấy không đi học khi còn trẻ. Triều đình không còn cách nào khác, buộc phải thu hồi chức quan của ông. Trương Diệu thập phần đau đớn hối hận, quyết tâm học lại, ông mời thầy về dạy, ngày đêm đèn sách, tu thân dưỡng tính, cuối cùng đã học hành thành đạt và lại được triều đình trọng dụng.

Bài " Trường Ca Hành " trong Nhạc Phủ viết: "*Bách xuyên Đông đáo hải, Hà thời phục Tây quy? Thiếu tráng bất nỗ lực, Lão đại đồ thương bi*". (Tạm dịch: Trăm sông đổ ra biển, Biết bao giờ về Tây? Tuổi trẻ không gắng sức, Khi già tiếc lắm thay!) Mỗi người đều nên học hành chăm chỉ khi còn nhỏ, minh bạch đạo lý xử thế khi làm người, tu dưỡng phẩm đức để tránh hối tiếc khi về già.

Câu chuyện này liên quan đến hai mặt trọng yếu là bản chất của giáo dục và hiểu biết chữ nghĩa, hạch tâm nằm ở chỗ quý trọng tài đức, nhưng không hiểu biết chữ nghĩa, các kỹ năng đọc viết, tính toán, thì dù có đức hạnh tốt đẹp, cũng không cách nào để đức hạnh của mình lớn hơn tạo phúc cho dân, càng không cách nào truyền thừa văn hóa và lịch sử đời đời, tối thiểu nhất, dù bạn có tâm làm việc vì bách tính, lại không cách nào viết được văn thư biểu đạt dân tình, xử lý công vụ truyền đạt lên trên, ra lệnh xuống dưới, đức hạnh không được tận dụng. Do đó tài năng kỹ thuật là vì đức mà dụng, cũng là rất quan trọng, là có thể để cho đức khai hoa kết quả. Cả hai hợp lại cùng nhau, mới có thể thành tựu đại nghiệp.

Vũ Huấn mở trường học biết rõ lý này, cho nên lấy tên "Sùng Hiền Nghĩa Thục", đối với thầy giáo và học sinh đều thành tâm khuyên nhủ, lấy hành

vi thực tiễn chân chính thực hành tinh thần " Tam Tự Kinh " , để thầy giáo dụng tâm không lười biếng, để học sinh trân quý thời gian và cơ hội. Ông trân quý trẻ em, vượt qua ngàn ngàn vạn vạn người cha người mẹ ruột, chuyển cho họ giáo huấn sâu sắc, ông dù trong khốn khổ nhưng chưa từng oán trời trách người, trong nghịch cảnh giữ vững bản tính thiện lương, đem cực khổ tồn trữ tiền tài, dùng để tạo phúc cho xã hội, dù chưa đọc sách, đã tại thực tế phụng hành giáo hối của Nho học và thực hiện chí hướng của Nho sinh, ông chính là loại người mà Khổng Tử đã khẳng định, mặc dù không có đọc sách, nhưng lại có thể 'vô sư tự thông' (không thầy mà tự thông suốt) bản chất làm người, có thể gọi là người có học vấn.

Có thể thấy, Khổng Tử là người có học vấn, bản chất nằm ở chỗ hiểu và thực hành đạo nghĩa làm người, Vũ Huấn mặc dù không tiền không quyền, lại có thể vượt qua cảnh giới "cùng tắc độc thiện kỳ thân" (nghèo thì chỉ lo thân mình), làm được điều không thể thực hiện, cũng đi "Kiêm tế thiên hạ" (cứu giúp người đời), có thể nào không khiến người ta nổi lòng tôn kính. Đây không phải là có học vấn sao? Chỉ bất quá là hơi đáng tiếc, ông chưa biết chữ nghĩa, không cách nào đọc viết, phát huy năng lượng phẩm đức lớn hơn, nhưng phẩm đức vĩnh viễn là bản chất cùng hạch tâm của học vấn.

Viết bài tâm đắc:

(1) Em nghĩ gì về việc Vũ Huấn mở trường cho các học sinh nghèo?

(2) Vũ Huấn đã đặt mục tiêu và làm việc chăm chỉ để đạt được nó. Mục tiêu trong cuộc sống của em là gì?

(3) Quá trình học hỏi kiến thức và tu luyện tâm tính rất khó. Khi đối diện với khó khăn, chúng ta nên có thái độ như thế nào?

Video

https://www.youtube.com/watch?v=I1bZpQlJzw4

(Đính chính: Trong video có đoạn dịch "Con trẻ không học tập, sẽ không biết lễ nghi" là chưa xác đáng, chữ Nghi 宜 ở đây có nghĩa: nên, phù hợp, thích đáng; không phải chữ Nghi 儀 có nghĩa: lễ nghi, nghi thức. Nên hiểu đúng lại là "Con trẻ không học tập, như thế là không nên"!

Dịch từ:

http://big5.zhengjian.org/node/245298

https://www.epochtimes.com/b5/8/5/21/n2125422.htm

Bài viết tham khảo:

https://vn.minghui.org/news/18625-vu-huan.html

https://www.ntdvn.com/van-hoa/vu-huan-mo-truong-hoc-phan-1-nguoi-an-may-de-nhat-thien-co-15304.html

https://www.ntdvn.com/van-hoa/vu-huan-mo-truong-hoc-phan-2-tuoi-tre-kho-dau-17285.html

BÀI 4

Nguyên văn

玉(1) 不琢(2) 不成器(3)
人不學 不知義(4)
為(5) 人子 方(6) 少時(7)
親(8) 師(9) 友(10) 習禮儀(11)

Bính âm

玉(yù)	不(bù)	琢(zhuó)，	不(bù)	成(chéng)	器(qì)，
人(rén)	不(bù)	學(xué)，	不(bù)	知(zhī)	義(yì) 。
為(wéi)	人(rén)	子(zǐ)，	方(fāng)	少(shào)	時(shí)，
親(qīn)	師(shī)	友(yǒu)，	習(xí)	禮(lǐ)	儀(yí)。

Chú âm

玉(ㄩˋ)	不(ㄅㄨˋ)	琢(ㄓㄨㄛˊ)，
不(ㄅㄨˋ)	成(ㄔㄥˊ)	器(ㄑㄧˋ)，
人(ㄖㄣˊ)	不(ㄅㄨˋ)	學(ㄒㄩㄝˊ)，
不(ㄅㄨˋ)	知(ㄓ)	義(ㄧˋ) 。
為(ㄨㄟˊ)	人(ㄖㄣˊ)	子(ㄗˇ)，

方(ㄈㄤ)　　少(ㄕㄠˋ)　　時(ㄕˊ)，
親(ㄑㄧㄣ)　　師(ㄕ)　　友(ㄧㄡˇ)，
習(ㄒㄧˊ)　　禮(ㄌㄧˇ)　　儀(ㄧˊ)。

Âm Hán Việt

Ngọc bất trác, Bất thành khí.
Nhân bất học, Bất tri nghĩa.
Vi nhân tử, Phương thiếu thời,
Thân sư hữu, Tập lễ nghi.

Tạm dịch:

Ngọc không mài giũa, không thành đồ quý.
Người mà không học, không biết nghĩa lý.
Là một người con, đương khi còn nhỏ,
Gần gũi thầy bạn, luyện tập lễ nghi.

Từ vựng:

(1) Ngọc (玉): là chất liệu cứng rắn, bề mặt nhẵn bóng, trong mờ, là một loại đá mềm rất đẹp, thường được dùng làm đồ trang sức hoặc điêu khắc.
(2) Trác (琢): mài, giũa, đẽo gọt để gia công ngọc thạch.
(3) Thành khí (成器): chế tác thành vật dụng đẹp và tinh xảo, cũng dùng để hình dung một người thành tài, có thành tựu.
(4) Nghĩa (義/义): hợp với lẽ phải, đúng với đạo lý.
(5) Vi (為/为): là, làm, đảm nhiệm.
(6) Phương (方): đương, tại, lúc, khi.
(7) Thiếu thời (少時/少时): tuổi nhỏ, lúc còn trẻ tuổi.
(8) Thân (親/亲): tiếp cận, gần gũi, thân thiết.
(9) Sư (師/师): người có thể nhắc nhở hoặc dạy bảo chúng ta đạo lý xử thế làm người.
(10) Hữu (友): bạn bè, ở đây chỉ người bạn có thể thúc đẩy phẩm đức chúng ta đề cao.
(11) Lễ nghi (禮儀/礼仪): quy phạm và nghi thức lễ tiết.

Diễn giải tham khảo:

Một hòn đá ngọc, nếu không trải qua quá trình mài giũa cẩn thận thì không thể trở thành vật tinh mỹ và hữu dụng. Con người cũng vậy, dù cho có tư chất tiên thiên rất tốt, nhưng không nỗ lực học tập thì cũng không cách nào hiểu được đạo lý đối nhân xử thế.

Là con cái, cần phải tranh thủ lúc còn trẻ mà năng gần gũi với thầy tốt, kết giao với bạn hiền, khiêm tốn tiếp nhận những lời giáo đạo và khuyên răn, đồng thời cũng học tập lễ nghi tiến thoái, xử sự, ứng đối, đãi nhân cho thành thục.

Đọc sách luận bút

Do ngôn ngữ đơn giản, hàm nghĩa mấy câu này hầu như đọc qua hiểu liền, bốn câu đầu, là câu nhân quả chuyển tiếp, cũng là trực tiếp khuyên bảo con em, ba bài trước nói rõ giáo dục lấy đức dục làm gốc, cha mẹ và giáo viên cần phải chú trọng nền tảng giáo dục, bắt đầu chính thức đi vào giáo đạo cụ thể cho con em, dùng hình ảnh ngọc thạch cần phải gia công điêu khắc tỉ mỉ mới có thể trở thành vật hữu dụng, ví như để người trưởng thành, cũng cần phải tỉ mỉ bồi dưỡng và dạy bảo, nếu không "Người mà không học, không biết nghĩa lý", không cách nào trở thành một nhân tài hữu dụng. Cốt lõi là nói cho con em tầm quan trọng của học tập và nghe lời dạy bảo, mà học tập chính là để hiểu được chính xác đạo lý làm người, nói cách khác, mục tiêu cuối cùng của học tập là vì để hiểu được "Nghĩa" lý (lẽ phải).

Học vấn truyền thống, hạch tâm nằm ở sáng tỏ đạo lý, chứ không phải nằm ở chỗ biết được tri thức bao nhiêu, từng trải bao nhiêu, bản sự bao nhiêu, rồi lấy đó để khinh thường người khác. Do đó trong mấy bài đầu Tam Tự Kinh nhấn mạnh điểm này, nếu như điểm này không làm rõ, sẽ làm mất đi ý nghĩa nghiên cứu học vấn, sẽ biến thành học sĩ hôi tanh, lòng dạ nhỏ mọn, thậm chí hết thảy tri thức và bản sự tài hoa có được sẽ thành vũ khí gây hại cho xã hội. Đây chính là tại sao học vấn truyền thống, thủy chung đem hai chữ Nhân nghĩa (仁義) bày ra đầu tiên.

Nhân nghĩa lễ (仁義禮), một mực là hạch tâm của quốc học, hạch tâm của Nho học, cũng chính là hạch tâm làm người của người Trung Quốc truyền thống, ở đây lấy một chữ Nghĩa, đại biểu cụ thể cho đức dục. Khổng Tử nhấn mạnh hai chữ 'Nhân nghĩa', mà 'Lễ', là biểu hiện ra bên ngoài của 'Nhân nghĩa' và là quy phạm rõ ràng, dân tộc khác nhau, lễ nghi cụ thể

khác nhau, nhưng đều là vì thiện ý mà biểu đạt ra kính ý, tôn trọng, cảm ân, thăm hỏi, quan tâm giữa người với người.

Lấy một thí dụ, trên đường gặp người đi đường, nếu như là người quen biết, đối phương đối với bạn làm như không thấy, ánh mắt làm lơ, bạn nhất định có cảm giác không thoải mái, cảm nhận bị khinh thường, tự nhiên tình cảm bị tổn thương mà tức giận, ngược lại, đối phương chào hỏi, hỏi sức khỏe gần đây, bạn sẽ cảm thấy được người quan tâm coi trọng, do đó người Nhật Bản chú trọng lễ nghi truyền thống, cho dù là người xa lạ, cũng coi là người hữu duyên, sẽ thăm hỏi lẫn nhau. Lễ nghi thăm hỏi, sẽ dựa vào trường hợp, đối tượng, các mối quan hệ già trẻ xa gần khác nhau, hình thức cụ thể khác nhau, nhưng cuối cùng cũng là vì biểu đạt thiện ý giữa người đối với người.

Cho nên hiểu được trọng yếu của nhân nghĩa, hiểu được học tập là để minh bạch đạo lý làm người, dùng cái thiện này đãi người khác, như vậy chính là làm được yêu cầu sau 4 câu đầu tiên, bổn phận làm con em, từ nhỏ muốn có được nền tảng làm người tốt, cần phải thân cận thầy tốt bạn hiền, học tập lễ nghi đãi nhân cơ bản, vì làm vậy là để ngôn hành cử chỉ có thể biểu đạt ra thiện ý hợp tình hợp lý. Nếu không, sẽ làm tổn thương người khác và phát sinh các loại mâu thuẫn, hiểu lầm cùng tranh chấp, cuộc sống tất nhiên sẽ gặp trắc trở.

Bước đầu tiên của học tập chính là: Từ nhỏ theo thầy tốt bạn hiền học lễ nghi, học tập lễ nghi là phương thức thực hiện nội dung đạo lý khi đối đãi gặp gỡ người khác. Nếu không, thì dù có muốn làm việc nhân nghĩa, lại không có phương thức hành động cụ thể, trong lúc thiếu thận trọng sẽ sinh ra hiểu lầm hoặc tổn thương tới người khác. Thậm chí tạo nên ác duyên, bị người chê trách và phê phán. Đối với người, đối với mình đều không có nửa điểm có ích. Từ nhỏ dưỡng thành thói quen lấy lễ đãi người sẽ có ích cả đời, điều này rất là quan trọng, bằng không, khi hình thành thói quen xấu rồi muốn sửa đổi lại sẽ rất khó.

Câu hỏi thảo luận:

(1) Ngọc sau khi trải qua quá trình mài giũa, có thể trở thành vật dụng tinh xảo và đẹp. Vậy thì con người chúng ta cần làm thế nào để bản thân mình trở nên ngày càng tốt đẹp hơn?

(2) Khi thầy giáo hoặc bạn bè chỉ ra chỗ thiếu sót nào đó mà chúng ta làm chưa tốt và cần cải thiện, thì chúng ta nên hành xử như thế nào? Hãy kể với mọi người về kinh nghiệm của bản thân mình nhé.

Câu chuyện Biện Hòa dâng ngọc và ngọc Hòa Thị Bích

Thời Xuân Thu, nước Sở có một người tên là Biện Hòa. Một hôm, Biện Hòa nhặt được một khối ngọc thô ở trên núi. Ông biết rằng đây là khối ngọc quý hiếm có, liền mang đi dâng cho Sở Lệ Vương. Sở Lệ Vương liền gọi thợ làm ngọc trong cung đến giám định khối ngọc này. Thợ làm ngọc nhìn qua, liền nói: "Đây chỉ là hòn đá bình thường mà thôi." Lệ Vương cho rằng Biện Hòa mang đá đến lừa mình, liền sai người lôi Biện Hòa ra chặt chân trái của ông.

Sau khi Lệ Vương qua đời, Sở Vũ Vương kế vị. Biện Hòa lại đem khối ngọc thô đó đến dâng cho Vũ Vương. Vũ Vương lại sai người làm ngọc đến giám định. Thợ làm ngọc nói: "Đây chẳng qua chỉ là tảng đá thôi." Vũ Vương cũng cho rằng mình bị Biện Hòa lừa, bèn sai người chặt chân phải của Biện Hòa.

Sau khi Vũ Vương qua đời, Sở Văn Vương đăng cơ. Lúc này, Biện Hòa ôm khối ngọc của mình, ở dưới chân núi khóc rống lên. Ông khóc ba ngày ba đêm, khóc đến cạn nước mắt, cuối cùng hai mắt ông đẫm máu. Văn Vương nghe được tin đó, liền sai người đến hỏi Biện Hòa: "Thiên hạ có biết bao nhiêu người bị hình phạt chặt mất hai chân, sao chỉ có mình ông lại khóc đau khổ thế này cơ chứ?" Biện Hòa trả lời: "Tôi không phải đau khổ vì chân mình bị chặt. Tôi đau lòng chính là một khối ngọc trân quý đã bị cho là tảng đá bình thường; còn người trung thành ngược lại bị qui thành kẻ lừa đảo!"

Sau khi Văn Vương biết được, liền sai thợ làm ngọc đem khối đá đó đi điêu khắc thử, quả nhiên phát hiện ra đây đúng là một khối bảo ngọc hiếm có trên đời. Loại ngọc quý giá này chính là ngọc "Hòa Thị Bích" vô cùng nổi tiếng trong lịch sử.

Câu chuyện này không thể nói rõ ràng hơn nữa, cho dù là trân bảo hiếm có, không trải qua công đoạn điêu khắc, thì dù phẩm chất gốc có tốt, bất quá cũng chỉ là một tảng đá vô dụng, sẽ không gây được chú ý, không có đất dụng võ. Làm cha làm mẹ, cần phải giống như Biện Hòa vậy, khổ sở bảo vệ bản tính nguyên gốc của con cái tựa như thiên tính trân quý của mỹ ngọc, để chúng theo học thầy tốt, kết giao bạn hiền, không ngừng gợi mở bản tính, phân rõ thiện ác, với đủ loại ảnh hưởng của hậu thiên vẫn có thể giữ vững nghĩa lý, cuối cùng được "điêu khắc" thành một khối mỹ ngọc chân chính. Có tâm yêu con, thì nên học Biện Hòa.

Viết bài tâm đắc:

(1) Ngọc ẩn bên trong đá, cần phải qua gọt giũa mới trở thành ngọc quý. Thử nghĩ xem, ngọc bên trong đá cũng giống như tài năng thiên phú ẩn giấu bên trong mỗi chúng ta, chúng ta phải làm thế nào mới có thể phát huy hết khả năng thiên phú này?

(2) Biện Hòa mặc dù bị Sở Lệ Vương chặt mất chân trái, nhưng rồi ông lại vẫn đem viên ngọc đó dâng cho Sở Vũ Vương, tại sao ông ấy có thể kiên trì như vậy?

(3) Nhiều lúc chân lý không được người ta dễ dàng tiếp thu, và thường phải trả bằng cái giá nào đó, và rồi kết quả của sự kiên trì đến cùng thường được lịch sử cũng như người đời công nhận. Hãy đưa ra những ví dụ khác để chia sẻ cùng mọi người nào.

Video

https://www.youtube.com/watch?v=MgflrEqqcug

Dịch từ:

http://big5.zhengjian.org/node/245299
https://www.epochtimes.com/b5/8/6/6/n2145297.htm

BÀI 5

Nguyên văn

香(1) 九齡(2) 能溫(3) 席(4)
孝於親(5) 所當(6) 執(7)
融(8) 四歲　能讓(9) 梨
弟(10) 於長(11) 宜(12) 先知

Bính âm

香(xiāng)	九(jiǔ)	齡(líng)，	能(néng)	温(wēn)	席(xí)，
孝(xiào)	於(yú)	親(qīn)，	所(suǒ)	當(dāng)	執(zhí)。
融(róng)	四(sì)	歲(suì)，	能(néng)	讓(ràng)	梨(lí)，
弟(tì)	於(yú)	長(zhǎng)，	宜(yí)	先(xiān)	知(zhī)。

Chú âm

香(ㄒㄧㄤ)	九(ㄐㄧㄡˇ)	齡(ㄌㄧㄥˊ)，
能(ㄋㄥˊ)	溫(ㄨㄣ)	席(ㄒㄧˊ)，
孝(ㄒㄧㄠˋ)	於(ㄩˊ)	親(ㄑㄧㄣ)，
所(ㄙㄨㄛˇ)	當(ㄉㄤ)	執(ㄓˊ)。

融(ㄖㄨㄥˊ) 四(ㄙˋ) 歲(ㄙㄨㄟˋ)，
能(ㄋㄥˊ) 讓(ㄖㄤˋ) 梨(ㄌㄧˊ)，
弟(ㄊㄧˋ) 於(ㄩˊ) 長(ㄓㄤˇ)，
宜(ㄧˊ) 先(ㄒㄧㄢ) 知(ㄓ)。

Âm Hán Việt

Hương cửu linh, Năng ôn tịch,
Hiếu vu thân, Sở đương chấp.
Dung tứ tuế, Năng nhượng lê,
Đễ vu trưởng, Nghi tiên tri.

Tạm dịch

Hoàng Hương 9 tuổi, có thể ủ ấm chiếu,
Hiếu với cha mẹ, là việc nên làm.
Khổng Dung 4 tuổi, có thể nhường lê,
Thuận theo anh chị, là điều trước tiên nên biết.

Từ vựng

(1) Hương (香): chỉ Hoàng Hương, người thuộc vùng Giang Hạ thời Đông Hán.
(2) Cửu linh (九齡): chín tuổi.
(3) Ôn (温): hâm nóng, làm cho ấm áp.
(4) Tịch (席): chiếu, sản phẩm dệt bằng cây cỏ dùng để kê lót khi ngủ.
(5) Thân (親/亲): cha mẹ.
(6) Đương (當/当): nên, cần phải, hẳn là.
(7) Chấp (執/执): chấp hành, thi hành, thực hành, làm.
(8) Dung (融): chỉ Khổng Dung (153 – 208), tự là Văn Cử, nhà văn học thời Đông Hán, người nước Lỗ (nay là Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông), là một trong Kiến An Thất Tử, tài văn chương rất dồi dào, cháu đời thứ 20 của Khổng Tử.
(9) Nhượng (讓/让): lễ nhượng, khiêm nhượng, nhún nhường.
(10) Đễ (弟) hoặc (悌): thuận theo anh chị. Một âm khác là ‘đệ’ nghĩa là em trai em gái.
(11) Trưởng (長/长): anh cả, chị cả; trưởng huynh, trưởng tẩu.
(12) Nghi (宜): nên, cần phải.

Diễn giải tham khảo

Khi Hoàng Hương lên chín tuổi đã biết dùng hơi ấm cơ thể của mình để ủ ấm chăn chiếu vào mùa đông, sau đó mới mời cha lên giường đi ngủ. Vì hiếu thảo với cha mẹ, là bổn phận mà người làm con nên làm.

Khổng Dung khi mới bốn tuổi đã biết đạo lý khiêm nhường, lấy quả lê to nhường cho anh ăn, còn mình thì ăn quả nhỏ. Yêu mến anh chị là đạo lý mà các em trai em gái từ khi còn nhỏ nên hiểu biết trước tiên.

Câu hỏi thảo luận

(1) Tại sao cần hiếu thuận với cha mẹ, yêu mến anh em? Bình thường các em làm như thế nào? Nếu làm không được, em cho rằng là nguyên nhân gì?

(2) Khổng Tử nói: "Hiếu đễ dã giả, kỳ vi nhân chi bản hĩ!" Ý là nói hiếu thuận với cha mẹ, yêu mến anh em là cái gốc của mọi lòng nhân ái, em nhìn nhận thế nào ?

Đọc sách luận bút

1/ Hiếu kính cha mẹ là đầu tiên

Từ bài một, "Tam Tự Kinh" đã bắt đầu giảng trực tiếp cho trẻ ngay từ nhỏ là làm người cần phải tiếp thụ giáo dục, bởi vì "Nhân bất học bất tri nghĩa" (Người mà không học không biết lẽ phải). Cần phải học tập nghĩa lý, hiểu được chính lý làm người, tương lai mới có thể trở thành nhân tài hữu dụng cho xã hội. Vì vậy, giáo đạo con cái cần "Thân sư hữu tập lễ nghi", gần gũi thầy tốt bạn hiền, cùng học tập những lễ nghi tốt đẹp ở họ và những nguyên tắc đối nhân xử thế đúng đắn.

Do đó, tám câu trong bài này tiếp tục dùng hai câu chuyện có thật tiêu biểu nhất thời cổ đại của hai em bé để làm ví dụ, giúp các em biết nên bắt đầu từ đâu trước. Muốn hiểu đúng đạo lý xử thế thì trước hết phải ghi nhớ hai yêu cầu cơ bản của đạo làm người, đó chính là phải giảng về hai chữ: 孝 'hiếu' với cha mẹ và 悌 'đễ' với anh em trong gia đình. Điều đầu tiên cần giáo đạo cho trẻ chính là con trẻ cần lấy tâm thái hiếu đễ để đối đãi với người thân bên cạnh mình, ấy là cha mẹ và anh chị lớn tuổi hơn. Đây là tất cả cơ bản làm người.

Trong " Luận Ngữ " Khổng Tử nói: "Hiếu đễ dã giả, kỳ vi nhân chi bản

dữ!" (Hiếu và đễ là cái gốc làm người). Chính là nói đến hiếu kính cha mẹ, yêu thương anh em là hết thảy căn bản của lòng nhân ái.

Trong chữ Hán, nghĩa gốc của chữ 'hiếu' 孝 là nói đến lòng kính trọng, yêu thương, lòng cảm ân (biết ơn) đối với cha mẹ, là đạo lý của người dưới đối với người trên, tương lai bước ra xã hội đối với cha mẹ người khác, người ngang hàng với cha mẹ mình và hết thảy người lớn, hoặc cấp trên, giám đốc ở nơi làm việc đều có thái độ cơ bản đúng mực. Tất cả đều là từ hiếu tâm đối với cha mẹ trong gia đình mà ra. Dưỡng thành đức khiêm tốn, cung kính với bề trên, có hàm dưỡng thái độ và lễ nghi làm người là điều cơ bản nhất.

2/ Văn hóa truyền thống lấy hiếu trị quốc

Chữ 'hiếu' 孝 bên trên là chữ 'lão' 老, bên dưới là chữ 'tử' 子, đặc biệt dùng cho mối quan hệ của con em đối với bậc trưởng bối là người già, thầy giáo và người lớn tuổi hơn, được phân thứ bậc khác nhau, hiếu được dùng để bày tỏ lòng kính ái đối với bề trên. Vì vậy, nghĩa rộng của 'hiếu' sẽ được mở rộng ra toàn xã hội, khiến bạn khi gặp người già hay người lớn hơn đều phải nhân ái kính trọng. Cả xã hội đều như vậy thì đất nước mới ổn định, vì vậy từ thời nhà Hán đã lưu lại truyền thống bậc đế vương lấy hiếu trị quốc, bậc đế vương đối với cha mẹ mình cũng phải làm tấm gương sáng, lấy tâm nhân ái này chiếu cố bách tính thiên hạ.

Vì vậy, thời cổ đại khi đề cử nhân tài làm quan đều là đề cử người hiếu thảo, người ta tán thưởng và tín nhiệm bậc hiếu tử, cho rằng người biết hiếu kính cha mẹ ở nhà thì sẽ có lòng nhân ái, sẽ có lòng cảm ân và quan tâm chăm sóc đến miếng cơm manh áo cho cha mẹ của dân chúng, là người đáng tin cậy nhất, chỉ có người như vậy mới có thể yên lòng giao phó nhiệm vụ và trách nhiệm chăm sóc bách tính cho anh ta.

3/ Nội hàm của đễ

'Đễ' (弟 hoặc 悌), cũng có ý là kính ái, cũng là thái độ và sự tu dưỡng cơ bản của người dưới với người trên, nhưng có khác với hiếu, nó không phải là đối với bậc lớn tuổi hay cấp trên, đây là nói đến những người và chức vị cao hơn mình, nhưng là người cùng lứa, tuổi tác lớn hơn mình, đương nhiên trước hết là anh chị trong gia đình, phải biết kính lễ, thân thiện. Đó cũng là một loại tâm nhân ái. Khi hiểu được mối quan hệ và thái độ cơ bản này, ngôn hành phải biểu đạt sự kính nhường, khiêm tốn và cung kính.

4/ Làm người vì sao giảng hiếu để đầu tiên

Có nhiều trẻ sẽ không thuận theo, tại sao chúng ta phải nhấn mạnh thái độ của người dưới đối với người trên, mà không phải là tâm từ ái của người trên với người dưới? Thực ra, trên đối với dưới, cha mẹ hay anh chị, nhất là cha mẹ, luôn quan tâm và chăm sóc con cái, đây là sự yêu thương quý báu xuất phát từ nội tâm, dành hết thảy cho con cái, thân tình quan tâm hết mức, là thiên tính tạo ra, song khi cha mẹ quá dễ dàng, cưng chiều con quá mức tự nhiên, sẽ biến con trẻ trở thành kẻ không biết cảm ân, đương nhiên sẽ thành đứa con hư hỏng.

Hơn nữa ở trên đời, phó xuất yêu thương vô điều kiện chỉ có cha mẹ mới có thể làm được, và người ta luôn so sánh tình yêu thương vô tư của người khác với tâm yêu thương của cha mẹ. Ví như ân giáo đạo của hòa thượng, thầy giáo cũng vĩ đại như tình cha, nên được mọi người tôn xưng là 'sư phụ'. Phần ân tình này làm sao không biết cảm kích. Nếu như cha mẹ yêu thương nhất của mình mà cũng không biết kính yêu, phụng dưỡng, liền không xứng là người.

Còn với anh chị, tuy không phó xuất như cha mẹ nhưng họ vẫn đảm đương trách nhiệm chăm sóc, dạy dỗ em, chia xẻ nỗi lo của cha mẹ. Nếu xảy ra chuyện, cha mẹ sẽ trách hỏi anh chị trước tiên vì sao không dẫn dắt các em cho tốt. Cổ huấn Trung Quốc dạy rằng 'trưởng huynh như phụ, trưởng tẩu như mẫu' (anh cả như cha, chị cả như mẹ), nghĩa là, anh chị lớn sẽ vì chăm sóc các em, mà gánh chịu rất nhiều trách nhiệm, sẽ vì gia đình mà hy sinh, ra sức rất nhiều, vì lớn tuổi hơn, sẽ không được tự do phóng khoáng như các em, cho nên các em phải biết cảm tạ, cũng phải tôn kính và khiêm nhường đối với anh chị.

Đối với người già, cấp trên xem như cha mẹ, đối với bạn bè lớn tuổi hơn xem như anh chị, tiến lùi phù hợp, khiêm cung hữu lễ, cuộc sống suôn sẻ như ý đều xuất phát từ tâm hiếu để của gia đình mình.

Vì vậy mà Khổng Tử đã nhấn mạnh: "Hiếu để dã giả, kỳ vi nhân chi bản dữ!" (Hiếu và để là cái gốc làm người)

Văn hóa lễ nghi làm người ở Trung Quốc, hạch tâm (trung tâm, cốt lõi) đều là bảo vệ hai chữ 'nhân nghĩa' 仁義 , đạo lý này trước hết đặt cơ sở trên mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái và anh chị em trong gia đình, khi lớn lên ra ngoài xã hội, sẽ biết cách đối xử với người khác. Vì vậy, cái gọi là "Thân sư hữu, tập lễ nghi", chính là trước tiên phải hiểu được hạch tâm

của 'lễ nghi' 禮儀 , nằm ở 'nhân nghĩa' 仁義 , cơ bản của 'nhân nghĩa' lại nằm ở 'hiếu đễ' 孝悌.

Chúng ta biết rằng Nhật Bản đặc biệt chú trọng đến sự khiêm tốn, cảm ân (lòng biết ơn), lễ kính tiền bối và khách nhân, bởi vì họ đã được thụ giáo lý niệm làm người truyền thống của Trung Quốc từ thời Tùy Đường. Bảo trì cho đến ngày nay, chưa hề bị tổn hại và hư mất.

Câu chuyện Hoàng Hương quạt gối ủ chăn

Hoàng Hương là người vùng Giang Hạ, thời Đông Hán, từ nhỏ đã rất hiếu thuận với cha mẹ, người ở trong vùng đều gọi cậu bé là "tiểu hiếu tử" (đứa con nhỏ có hiếu). Năm Hoàng Hương lên chín tuổi thì mẹ cậu qua đời, vì thế cậu bé lại càng hiếu thuận với cha hơn. Hàng ngày cậu đều giành làm những công việc tương đối nặng nhọc, để cho cha mình có nhiều thời gian nghỉ ngơi hơn, cậu bé nghĩ mọi cách để cha có được cuộc sống thoải mái hơn.

Mùa hè thời tiết oi bức, lại nhiều muỗi, Hoàng Hương biết cha mình không chịu được nóng, thời tiết nóng thường làm ông không ngủ được, lại còn bị muỗi đốt nữa. Vì thế mà mỗi tối trước khi cha đi ngủ, Hoàng Hương thường dùng quạt quạt gối và chiếu cho mát, và đuổi muỗi xong rồi mới mời cha đi ngủ. Đến mùa đông lạnh giá, Hoàng Hương sợ cha bị lạnh, cậu bèn nằm trên giường ủ ấm chăn chiếu, rồi mới mời cha lên giường nghỉ ngơi.

Không lâu sau, những hành động hiếu thuận của Hoàng Hương được truyền khắp kinh thành, không ai là không biết, không ai là không rõ, thời đó còn lưu truyền câu nói khen ngợi Hoàng Hương "Thiên hạ vô song, Giang Hạ Hoàng đồng", ý của câu nói này là: Hiếu thuận như Hoàng Hương ở quận Giang Hạ, e rằng thiên hạ không có người thứ hai. Khi đó, thái thú Giang Hạ nghe được chuyện này, ông cảm thấy đây là chuyện vô cùng hiếm gặp, liền tấu lên hoàng thượng để biểu dương việc làm hiếu thuận của Hoàng Hương.

Người đời sau có câu thơ kính trọng khen ngợi Hoàng Hương rằng: "Trời đông ủ ấm chăn, tiết hè quạt mát gối; tuổi nhỏ hiếu phận con, ngàn xưa chỉ Hoàng Hương."

Câu chuyện Khổng Dung nhường lê

Khổng Dung, người Dự Châu nước Lỗ cuối thời Đông Hán, là cháu đời thứ 20 của Khổng Tử. Khổng Dung tính tình thật thà lương thiện, từ nhỏ đã biết khiêm nhường.

Năm lên bốn tuổi, có người đến tặng một giỏ lê, cha Khổng Dung gọi cậu bé lại bảo cậu chọn trước một quả, Khổng Dung chọn quả nhỏ nhất.

Cha Khổng Dung cảm thấy kỳ lạ, liền hỏi: "Này con, sao con không chọn quả to chứ?" Khổng Dung trả lời: "Dạ! Con tuổi nhỏ nhất, nên ăn quả nhỏ nhất; anh lớn tuổi hơn con, nên ăn quả to ạ!" Sau khi người trong dòng họ biết được chuyện này, đều nhìn Khổng Dung với ánh mắt khác, tán thưởng không thôi.

Hai câu chuyện trên đây đều là ví dụ rất hay về hiếu đễ, bậc làm cha mẹ đối với người con như vậy có thể nào không vui mừng, vì thế mà cảm thấy sự vất vả khổ cực của mình càng thêm có giá trị đúng không? Làm anh lớn đối với người em nhỏ hiểu chuyện thế này, phải chăng càng cảm thấy yêu thương em mình quả là không uổng công, sẽ nguyện ý tận tâm với chức trách làm anh, sẽ ra sức chăm sóc cho đứa em ngoan của mình nhiều hơn nữa đúng không? Một người biết cảm ân thì mới có thể hiếu đễ, cũng nhất định sẽ làm cảm động người thân, mâu thuẫn sẽ không xảy ra, quan hệ sẽ hài hòa. Những ví dụ được đưa ra ở đây đều nhấn mạnh đến thái độ của người dưới đối với người trên, vô cùng trọng yếu, người xưa tin rằng trách nhiệm và nghĩa vụ của người trên đối với người dưới là dưỡng dục, chăm sóc và bảo hộ, là ban ân, cho nên mới nhấn mạnh thái độ của người dưới đối với người trên.

Nhìn vào xã hội ngày nay, hiện trạng con cái bất hiếu rất nhiều, cha mẹ như hàng tôi tớ, như con ở, người trẻ chế giễu người già; trẻ sơ sinh bị giết hại hoặc bỏ rơi, quan hệ nhân luân hỗn loạn không thể tả, các bổn phận và đạo nghĩa bị vứt bỏ sau lưng. Truyền thống kính già yêu trẻ bị hủy hoại không còn chi nữa, thậm chí cha con giết nhau, cha con anh em đều trở thành kẻ bất nghĩa, chìm đắm đến nước này, thật không xứng gọi là người nữa rồi.

Viết bài tâm đắc

(1) Hãy nói về thể hội của em về hai câu chuyện Hoàng Hương và Khổng Dung.

(2) Em là người con thứ mấy trong nhà? Chung sống với anh chị em mình như thế nào, nếu xảy ra tranh chấp, em thường xử lý ra sao?

Video

https://www.youtube.com/watch?v=5ehoopCsv-M

Dịch từ:

http://big5.zhengjian.org/node/245301

https://www.epochtimes.com/b5/8/6/10/n2149559.htm

BÀI 6

Nguyên văn

首(1) 孝弟(2) 次(3) 見聞(4)
知某(5) 數(6) 識(7) 某文(8)
一(9) 而(10) 十(11) 十而百(12)
百而千(13) 千而萬(14)

Bính âm

首(shǒu)	孝(xiào)	弟(tì)，	次(cì)	見(jiàn)	聞(wén)，
知(zhī)	某(mǒu)	数(shù)，	識(shì)	某(mǒu)	文(wén)。
一(yī)	而(ér)	十(shí)，	十(shí)	而(ér)	百(bǎi)，
百(bǎi)	而(ér)	千(qiān)，	千(qiān)	而(ér)	萬(wàn)。

Chú âm

首(ㄕㄡˇ)	孝(ㄒㄧㄠˋ)	弟(ㄊㄧˋ)，
次(ㄘˋ)	見(ㄐㄧㄢˋ)	聞(ㄨㄣˊ)，
知(ㄓ)	某(ㄇㄡˇ)	數(ㄕㄨˋ)，

識(ㄕˋ) 某(ㄇㄡˇ) 文(ㄨㄣˊ)。
一(一) 而(ㄦˊ) 十(ㄕˊ)，
十(ㄕˊ) 而(ㄦˊ) 百(ㄅㄞˇ)，
百(ㄅㄞˇ) 而(ㄦˊ) 千(ㄑㄧㄢ)，
千(ㄑㄧㄢ) 而(ㄦˊ) 萬(ㄨㄢˋ)。

Âm Hán Việt

Thủ hiếu đễ, Thứ kiến văn
Tri mỗ số, Thức mỗ văn.
Nhất nhi thập, Thập nhi bách,
Bách nhi thiên, Thiên nhi vạn.

Tạm dịch

Hiếu đễ trước, tri thức sau.
Biết con số, hiểu được chữ.
Một tới mười, mười tới trăm,
Trăm tới ngàn, ngàn tới vạn.

Từ vựng

(1) Thủ (首): đầu tiên, trước nhất.
(2) Hiếu đễ (孝弟): Hiếu thuận cha mẹ, kính nhường, yêu mến anh chị.
(3) Thứ (次): thứ hai, sau đó.
(4) Kiến văn (見聞/见闻): kiến là thấy, văn là nghe, ý là điều mắt thấy tai nghe, chỉ về những kiến thức thông thường hoặc tri thức.
(5) Mỗ (某): dùng để gọi chung chung sự vật hoặc người không biết tên hoặc có tên nhưng không nói ra tên cụ thể.
(6) Số (数): chỉ phép tính toán thời cổ đại, là một môn nghệ thuật trong lục nghệ (6 môn nghệ thuật trong nền giáo dục cổ đại gồm: Lễ (tế lễ), Nhạc (âm nhạc), Xạ (bắn cung), Ngự (cưỡi ngựa), Thư (thư pháp) và Số (tính toán).
(7) Thức (識/识): nhận thức, hiểu. Ở đây có ý biết trước hiểu sau; mới đầu chỉ là biết, lâu dần mới có thể hiểu.
(8) Văn (文): chỉ văn tự (chữ viết) và văn chương; cũng dùng nói chung về học vấn.
(9) Nhất (一): số 1.
(10) Nhi (而): đến, chỉ ý biến đổi.

(11) Nhất nhi thập (一而十): con số cơ bản từ 1 đến 10.
(12) Thập nhi bách (十而百): 10 lần 10 là 100.
(13) Bách nhi thiên (百而千): 10 lần 100 là 1000.
(14) Thiên nhi vạn (千而萬/千而万): 10 lần 1000 là 1 vạn (tức 10000).

Dịch nghĩa tham khảo

Làm người quan trọng nhất chính là trước tiên phải học tập đạo lý làm sao để hiếu kính cha mẹ, thuận thảo với anh chị; tiếp đó là bắt đầu học tập tri thức trong sinh hoạt hằng ngày. Nội dung kiến thức trong sinh hoạt hằng ngày bao gồm khả năng hiểu rõ sự biến hóa của con số, biết được cách tính toán; đồng thời có thể nhận thức chữ nghĩa, đọc văn chương.

Chúng ta áp dụng phương pháp tính toán thập phân. 1 là con số bắt đầu, 1 cho đến 10 là những con số cơ bản, tiếp sau là theo quy tắc nhân 10, 10 lần 10 là 100, 10 lần 100 là 1.000, 10 lần 1.000 là 1 vạn (tức 10.000). Như vậy cứ thế nhân lên vô cùng vô tận.

Câu hỏi thảo luận

(1) Trong văn hóa truyền thống phương đông từ xưa đến nay đều rất coi trọng hiếu thuận, cho nên mới có câu "Bách thiện hiếu vi tiên" (trăm điều thiện hiếu là đầu tiên), bạn có biết vì sao không?

(2) Theo bạn, trau dồi phẩm hạnh đạo đức và học tập kiến thức, điều nào quan trọng hơn? Hãy trình bày suy nghĩ của bạn.

Đọc sách viết luận

Rất rõ ràng, hai câu đầu của bài này là tổng kết và nhấn mạnh ý bài trước, nêu rõ tầm quan trọng của việc hiếu kính cha mẹ và sự yêu thương anh em. Thật ra bài học trước là nói về 'Đễ' 悌,lấy câu chuyện Khổng Dung 4 tuổi có thể nhường quả lê lớn cho anh, chủ yếu nhấn mạnh người em nhỏ có lòng cung kính yêu thương đối với anh mình. Chữ 'đễ' 弟có nghĩa là thuận theo, kính nhường anh chị, có một âm khác là 'đệ' 弟có nghĩa là em trai, em gái cùng với chữ 'tâm' 心, tạo thành chữ Đễ 悌 (cũng có nghĩa là thuận theo, kính nhường anh chị). Cái gọi là "Đễ vu trưởng Nghi tiên tri" ở bài trước rõ ràng nhấn mạnh ý tứ khi làm em đối với anh chị phải cung kính.

Bởi vì là một cá nhân thụ ân cha mẹ và anh chị, cho nên đầu tiên phải hiểu được đạo lý, người xưa cho rằng khi cha mẹ không còn, anh cả sẽ đảm

đương trách nhiệm người cha, chăm sóc cho em, anh cả như cha chính là biểu hiện của quan niệm này. Dường như chỉ nhấn mạnh yêu cầu đầu tiên là tâm kính lễ, thái độ của người làm em đối với anh, trên thực tế nó tự nhiên chứa đựng đạo lý yêu thương kính trọng lẫn nhau. Vì người làm anh chăm sóc cho em trai của mình nói chung là một điều rất tự nhiên, bởi vì lớn tuổi hơn, chắn gió che mưa cho em là tự nhiên, đây là thiên tính, cho nên mới không cần nhấn mạnh chỗ này trước tiên.

Một cá nhân trước hết phải biết cảm ân chăm sóc thân nhân của mình, đó là yêu cầu cơ bản nhất và thấp nhất để sống trên đời. Nếu bạn có thể đạt được bước đầu tiên này, thì hãy trải rộng tấm lòng này ra thiên hạ, hướng đến xã hội, hướng đến những người bình thường không thân thuộc, không nuôi dưỡng và chăm sóc mình, thậm chí cho những người xa lạ có địa vị thấp hơn bên cạnh mình, khi ấy sẽ thành người quân tử nhân nghĩa, nếu ra làm quan người ấy sẽ yêu quý chăm sóc cho dân chúng. Đây cũng là lý do tại sao vua, bậc 'đế vương' 帝王được gọi là 'quân vương' 君王 (vua quân tử), 'quốc quân' 國君 (bậc quân tử của đất nước), là mẫu mực của bậc quân tử trong thiên hạ.

Vì là vua, nền tảng cơ bản dựa trên tâm ân nghĩa của hiếu để trong gia đình, ông có thể buông bỏ tự ái, khiêm cung mà tôn kính hậu đãi người tài đức, hạ mình cư xử với người khác, càng buông bỏ tư tình, tu dưỡng và phẩm đức càng cao, như thế là bậc quân tử chân chính. Nhưng tất cả đều bắt đầu từ việc biết báo ân (đền đáp ơn) cha mẹ và anh chị. Thực ra, từ xưa Trung Quốc đã có câu nói "百善孝為先" - "Bách thiện hiếu vi tiên" (Trăm điều thiện hiếu là đầu tiên). Chữ 'hiếu'孝này là căn bản của căn bản làm người.

Vì vậy, bài học này nói rất rõ ràng, làm người trước tiên phải làm được hai chữ hiếu đễ, làm người hiểu được cách thể hiện lòng cảm ân, là nền tảng làm người, hiểu được đạo lý căn bản, tiếp đó học các loại kỹ năng, hiểu rõ các loại kiến thức và kinh nghiệm, đó mới là chính đạo. Nếu không, có tài mà không có đức, sẽ dễ trở thành kẻ tiểu nhân phá hoại. Thủy chung vẫn là nhấn mạnh tầm quan trọng của đức.

Câu chuyện về vua Thuấn

Theo câu chuyện truyền thuyết thời thượng cổ, Thuấn là một người vô cùng hiếu thuận. Cha của Thuấn là một người mù tên là Cổ Tẩu, mẹ của Thuấn qua đời từ khi Thuấn còn nhỏ. Sau đó, cha Thuấn lấy thêm một người vợ, chính là mẹ kế của Thuấn, tính tình của mẹ kế rất bất hảo, đối với Thuấn không những không thương yêu còn gây khó khăn đủ đường.

Không lâu sau, mẹ kế sinh được một người con trai và đặt tên là Tượng, cha và mẹ kế hết mực yêu chiều Tượng. Mặc dù thường ngày Thuấn rất hiếu thuận với cha mẹ, yêu thương em trai, nhưng mẹ kế và em trai lại rất ghét Thuấn, còn cha Thuấn thì chỉ biết nghe theo phía hai mẹ con Tượng, không phân biệt đúng sai mà thường đánh mắng Thuấn.

Do sức khỏe của cha không tốt, cộng với em trai còn nhỏ tuổi, cho nên khi Thuấn còn rất nhỏ đã một mình ở dưới chân núi Lịch Sơn làm ruộng để nuôi sống cả nhà. Theo truyền thuyết, vì hiếu tâm của Thuấn làm cảm động Trời cao, nên ngay cả voi cũng đến giúp Thuấn làm ruộng, chim bay đến giúp nhổ cỏ. Dù vậy nhưng cha, mẹ kế và em trai vẫn không thích Thuấn, thường tìm cơ hội hãm hại ông, có ba lần suýt chút nữa là Thuấn đã mất mạng.

Thuấn cũng biết rõ cảnh ngộ của mình nên luôn luôn cẩn thận, do đó ông luôn nghĩ được cách tránh khỏi những lần hãm hại của họ, và cũng không để bụng chút nào. Ông không có chút oán hận nào về những chuyện xảy đến với mình, lặng lẽ chịu đựng những đối đãi bất công, ngược lại ông còn luôn nghĩ mọi cách để trấn an cha mẹ và làm cho họ vui vẻ. Bởi vì đức hạnh của Thuấn thực sự đáng quý, cho nên khi ông mới 20 tuổi mà thanh danh đại hiếu đã lan xa.

Về sau, khi vua Nghiêu hiền minh tìm người tài đức để kế vị, mọi người liên tiếp tiến cử Thuấn. Mặc dù vua Nghiêu tiếp thụ tiến cử của chư hầu khắp nơi, nhưng vì thiên hạ bách tính, nên ông vẫn muốn đích thân thử thách Thuấn. Thế là vua Nghiêu bèn gả hai người con gái Nga Hoàng và Nữ Anh cho Thuấn làm vợ; lại còn để cho Thuấn qua lại tiếp xúc với chín người con trai của ông, đứng bên ngoài quan sát xem Thuấn đối đãi với vợ và chín người anh em ra sao, chính là khảo nghiệm về "Đễ" "悌", về đức thuận thảo với anh em trong nhà như thế nào.

Ngoài ra, vua Nghiêu còn để Thuấn lấy mỹ đức hiếu đễ dạy bảo cho bách

tính, mọi người dân đều nghe theo mà không làm trái; Thuấn xử lý tất cả chính vụ đều vô cùng thỏa đáng, các quan đều phục tùng; vua Nghiêu lại ra lệnh cho Thuấn tiếp đãi chư hầu bốn phương đến triều đình diện kiến, các chư hầu đều cung kính nghe theo Thuấn. Cuối cùng, vua Nghiêu sai Thuấn bảo vệ rừng núi, mặc dù Thuấn trong rừng núi gặp phải mưa to gió lớn nhưng vẫn có thể phân rõ phương hướng, không bị lạc đường.

Kết cuộc vua Nghiêu thấy được Thuấn là người có đức hạnh cao thượng và trí tuệ phi phàm, liền nhường ngôi vua lại cho Thuấn.

Đạo hiếu của ông là 'dĩ đức báo oán', vô tư vô hối (không vì mình không hối hận), chính là đức đại hiếu. Cha mẹ yêu ta, nói hiếu kính cũng không khó, nhưng cha mẹ chán ghét ta, ngược đãi ta, thậm chí hại mệnh ta, đối xử như mẹ kế, vẫn không ngần ngại chút nào, chí khí cao như thế, chính là để cấp cho dân tộc Trung Hoa, lưu lại phong phạm của bậc quân tử cần có và truyền thống lấy hiếu trị quốc.

Vì vậy, câu chuyện về vua Thuấn thời thượng cổ ở trên đây, cho thấy đạo lý làm người mà Nho gia giảng, đạo lý 'trì gia trị quốc' (giữ nhà trị quốc), đạo lý 'dĩ hiếu trị quốc' (lấy hiếu trị quốc), đều xuất phát từ sự hướng dẫn và giáo hóa của các bậc thánh vương thời thượng cổ, chứ không phải bản thân Nho gia bỗng nhiên mà có. Hơn nữa làm sao kính người trên làm sao đãi người dưới, đã nói rất rõ ràng, rất toàn diện, đối đãi bất công thì dĩ đức báo oán, đối đãi em mình thì hết lòng chăm sóc. Nhấn mạnh ý chí và trách nhiệm vô tư to lớn, chứ không phải thứ tình riêng hẹp hòi 'người tốt với ta, thì ta sẽ tốt với người'.

Đối với con cái mà nói, khác với bài học trước chủ yếu nhấn mạnh kính ý và cảm ân của con em đối với cha mẹ và anh chị, bài học này lại là câu chuyện mẫu mực và đáng tham khảo về cách làm người anh, người chị.

Viết bài tâm đắc

Dưới đây có một số vấn đề được đưa ra sau khi đọc xong câu chuyện về vua Thuấn, bạn hãy suy nghĩ rồi nói ra suy nghĩ của mình.

(1) Vì sao vua Nghiêu lại chọn Thuấn làm người kế vị?
(2) Nếu như bạn là nhân vật chính trong câu chuyện này, gặp phải những đối đãi bất công như thế, bạn sẽ xử lý thế nào?
(3) Khi bạn và người nhà bất đồng ý kiến, bạn sẽ giải quyết thế nào?
(4) Điều quan trọng nhất của một người là phải hiếu thuận với cha mẹ,

yêu thương nhường nhịn anh chị em. Thử nghĩ lại xem bạn đã làm được bao nhiêu rồi, còn những điều nào cần khắc phục?

(5) Đọc xong câu chuyện này, bạn học được điều gì?

Video

https://www.youtube.com/watch?v=jahulZaiQok

Dịch từ:

http://big5.zhengjian.org/node/245302

https://www.epochtimes.com/b5/8/6/25/n2168480.htm

BÀI 7

Nguyên văn

曰(1) 春夏 曰秋冬 此(2) 四時(3) 運(4) 不窮(5)
曰南北 曰西東 此四方(6) 應(7) 乎(8) 中(9)

Bính âm

曰(yuē) 春(chūn) 夏(xià)， 曰(yuē) 秋(qiū) 冬(dōng)，
此(cǐ) 四(sì) 時(shí)， 運(yùn) 不(bù) 窮(qióng)。
曰(yuē) 南(nán) 北(běi)， 曰(yuē) 西(xī) 東(dōng)，
此(cǐ) 四(sì) 方(fāng)， 應(yìng) 乎(hū) 中(zhōng)。

Chú âm

曰(ㄩㄝ) 春(ㄔㄨㄣ) 夏(ㄒㄧㄚˋ)，
曰(ㄩㄝ) 秋(ㄑㄧㄡ) 冬(ㄉㄨㄥ)，
此(ㄘˇ) 四(ㄙˋ) 時(ㄕˊ)，
運(ㄩㄣˋ) 不(ㄅㄨˋ) 窮(ㄑㄩㄥˊ)。
曰(ㄩㄝ) 南(ㄋㄢˊ) 北(ㄅㄟˇ)，

曰(ㄩㄝ)　西(ㄒㄧ)　東(ㄉㄨㄥ)，
此(ㄘˇ)　四(ㄙˋ)　方(ㄈㄤ)，
應(ㄧㄥˋ)　乎(ㄏㄨ)　中(ㄓㄨㄥ)。

Âm Hán Việt

Viết xuân hạ, Viết thu đông,
Thử tứ thời, Vận bất cùng.
Viết nam bắc, Viết tây đông,
Thử tứ phương, Ứng hồ trung.

Tạm dịch

Mùa xuân mùa hạ, mùa thu mùa đông,
Bốn mùa này, tuần hoàn không ngừng.
Hướng nam hướng bắc, hướng tây hướng đông,
Bốn phương này, đối ứng với trung tâm.

Từ vựng

(1) Viết (曰): gọi là, rằng.
(2) Thử (此): này, cái này.
(3) Thời (時): mùa.
(4) Vận (運): vận hành, vận chuyển. Chuyển động tuần hoàn theo một quỹ đạo nhất định.
(5) Cùng (窮): chấm dứt, kết thúc, ngừng, dừng lại
(6) Phương (方): phương vị, phương hướng.
(7) Ứng (應): đối ứng, tương ứng.
(8) Hồ (乎): ở, vào, tại, với.
(9) Trung (中): giữa, trung tâm.

Dịch nghĩa tham khảo

Xuân, hạ, thu, đông gọi là bốn mùa (tứ quý) trong năm, mỗi mùa đều có nét riêng (xuân sản sinh, hạ lớn lên, thu thu gặt, đông cất giữ), không hề đứt đoạn biến hóa, xuân qua hạ đến, thu đi đông lại, tuần hoàn không thôi, vĩnh viễn không ngừng.

Đông, nam, tây, bắc gọi là bốn phương (tứ phương), là chỉ các vị trí phương hướng. Bốn phương hướng này đều lấy một điểm ở trung tâm làm chuẩn, và chúng đối ứng với nhau, như thế ta mới có thể định ra được các

phương vị.

Câu hỏi thảo luận

(1) Tại sao lại có khí hậu thay đổi theo từng mùa? Bạn thích mùa nào, tại sao?
(2) Nếu như ở trong rừng hoặc trên biển mà bị lạc đường thì bạn làm thế nào?

Đọc sách viết luận

Trong bài học trước có nói con người trước hết phải biết hiếu kính cha mẹ, yêu thương anh em, đây là điều cơ bản và quan trọng nhất của đạo làm người, có như vậy rồi mới tiếp xúc tìm hiểu kinh nghiệm và học tập các loại tri thức. Khác biệt với đạo đức làm người, những tài năng bản sự này chỉ là thứ yếu. Có nghĩa là, cổ nhân không phủ nhận nắm bắt tri thức, mà cho rằng cần phải có cả đức vẹn toàn, mới có thể cống hiến cho xã hội, là 'đức' làm chủ 'tài', 'tài' vì 'đức' mà sử dụng, đây là tư tưởng nội hàm của " Tam Tự Kinh " .

Ở trường tư thục xưa, khi giảng bài này người thầy phải giải thích vì sao cần "Thủ hiếu đễ, Thứ kiến văn" (Hiếu thuận trước, tri thức sau). Dĩ nhiên phải giảng rất rõ ràng. Cái gọi là giáo đạo vỡ lòng chính là nói những điều cơ bản nhất này của phận làm con, tuyệt đối không thể lẫn lộn đầu đuôi.

Vì vậy, bắt đầu từ bài học trước, liền chuyển sang việc khai sáng các loại tri thức. Bắt đầu cho con em tiếp xúc với các khái niệm cơ bản của tất cả các kiến thức mà chúng sẽ gặp phải trong sinh hoạt tương lai và chúng cần phải nắm vững để giải quyết các vấn đề khác nhau. Vậy khi giảng xong khái niệm cơ bản về con số ở bài trước, bài này sẽ chuyển sang tri thức về bốn mùa và bốn phương của thiên văn, địa lý.

Như vậy, có người sẽ hỏi, ở bài học trước tại sao lại phải giảng về những con số trước tiên khi bắt đầu giảng về tri thức? Bốn mùa xuân, hạ, thu, đông trong bài học này chẳng phải gần gũi với cuộc sống hơn sao? Thực ra, ở đây thể hiện ra vũ trụ quan về tự nhiên của Đạo gia. Đó là tư tưởng của Lão Tử trong " Đạo Đức Kinh " : "Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật". Cho rằng thế giới vạn vật từ trạng thái hỗn độn ban đầu, trải qua năm tháng dài đằng đẵng diễn biến thành hai khí âm dương, do tác dụng tương hỗ giữa hai khí âm dương mà sản sinh ra loại vật chất thứ ba, tiến tới biến thành vạn vật tự nhiên trên đời. Do đó, con

số trong bài trước đi từ "Nhất nhi thập" đến cuối cùng là "Vạn" không chỉ là nói từ số 1 đến 10000, mà là thể hiện vũ trụ quan Đạo gia thời cổ đại. Thế giới của chúng ta là từ không tới có, từ một tới vạn, để dạy cho con em một cái nhìn bao quát về vũ trụ, hiểu được vị trí và liên hệ giữa con người chúng ta với toàn bộ thế giới tự nhiên, vạn vật trong trời đất, là lý niệm 'thiên nhân hợp nhất' không thể tách rời. Vì vậy khi truyền thụ và giảng giải cho con em bắt đầu tiến nhập vào tri thức thì hãy giảng từ số một đến vạn.

Thực ra, học vấn của Nho gia cổ đại là học vấn của Đạo gia ở tầng con người, là học thuyết nhập thế. Đạo gia vốn là tu Đạo, là chỉ đạo xuất thế, đạo pháp tu luyện thành tiên, nhưng đã được Khổng Tử đúc kết lại, lưu cấp cho con người những tri thức có thể hiểu và sử dụng được. Chữ Nho 儒, do hai chữ Nhân人 (người) và Nhu需 (sự cần thiết) hợp thành, cũng chính là ý tứ 'sự cần thiết để làm người'. Vì vậy Nho gia thường phát xuất ra hàm ý của Đạo gia. Thực ra chúng không thể tách rời nhau, chúng là một. Nói cách khác, Nho gia không phải do Khổng Tử phát minh ra, mà là Khổng Tử đã tổng kết văn hóa thượng cổ ở tầng con người. Thủy tổ Hoàng Đế của chúng ta là một người tu Đạo, vua Thuấn chính là thủy tổ của hiếu đễ, cũng là một người tu Đạo, cho nên đạo hiếu của Nho gia đã có từ thời đế vương thượng cổ. " Tam Tự Kinh " chính là muốn con em tiếp xúc và hiểu rõ đạo lý làm người do tổ tiên đế vương để lại và lý niệm cơ bản của vũ trụ tự nhiên.

Vì vậy, " Tam Tự Kinh " đột nhiên mở rộng tư duy của con người ra toàn bộ vũ trụ. Nâng tầm nhìn của mọi người lên một vị trí cao. Lượng thông tin rất lớn, mở ra góc độ nào cũng là học vấn rộng lớn uyên thâm khôn lường. Nó sẽ dẫn đến việc tìm tòi tu luyện. Ở đây lại là nhập môn, nên chỉ ra rồi dừng. Từ vũ trụ quay nhanh lại chuyện sinh hoạt con người, bài này liền giảng về sự thay đổi thời tiết bốn mùa và phương hướng của địa lý.

Một năm bốn mùa, mùa xuân là mùa sinh sôi, vạn vật phát triển, thích hợp cho nhà nông gieo giống trồng trọt. Bỏ lỡ sẽ mất đi sức sống. Mùa hạ là mùa sinh trưởng nhanh chóng, mùa thu thu hoạch, mùa đông thì không thích hợp hoạt động, phải bảo dưỡng tốt. Sức khỏe con người và trồng trọt của nhà nông đều phải thuận theo bốn mùa, nếu không, cây trồng sẽ không phát triển tốt, cơ thể con người bị tổn hại, hoạt động của con người phải tuân theo tiết tấu (nhịp điệu) của toàn bộ tự nhiên, mà tiết tấu của tự nhiên phản ánh qua sự thay đổi của bốn mùa, không thể nghịch thiên mà làm.

Nói đến bốn mùa, tất nhiên bao hàm đạo lý làm việc và nghỉ ngơi trong ngày, trong một ngày cũng có tiết tấu của bốn mùa, buổi sáng cũng như mùa xuân, phải dậy sớm để cho mình tràn đầy sức sống mỗi ngày, khoảng giữa trưa giống như mùa hè, nóng và hoạt động dồi dào, chạng vạng tối giống như mùa thu, hoạt động thu lại, ban đêm giống như mùa đông, mọi người phải chìm vào giấc ngủ và nghỉ ngơi, dưỡng giữ tốt tinh lực, chuẩn bị cho ngày hôm sau.

Ngày nay, con người vi phạm các quy luật của tự nhiên, không làm việc và nghỉ ngơi đúng giờ, ăn uống trái mùa và gây ra nhiều loại bệnh thời đại, kết quả là do lãng quên và từ bỏ giáo đạo của tổ tiên. Học tập " Tam Tự Kinh " không những bảo người làm Thiện, còn giúp người ta hiểu được nhiều quan niệm dưỡng sinh truyền thống, đồng thời khơi dậy hứng thú rộng lớn đối với y học cổ truyền, nông học và địa lý thiên văn.

Còn ý nghĩa của việc học tập phương hướng địa lý thì cứ xem câu chuyện dưới đây sẽ hiểu.

Câu chuyện "Hoàng Đế và xe chỉ nam"

Trước khi phát minh ra la bàn, con người dựa vào Mặt Trời và các ngôi sao để xác định phương hướng khi đi đường. Ban đêm, con người thời cổ đại quan sát sao Bắc Cực, ban ngày thì quan sát Mặt Trời để phân biệt phương hướng.

La bàn, kỹ thuật chế tạo giấy, kỹ thật in và thuốc súng là bốn phát minh của Trung Quốc thời cổ đại. Trong đó la bàn (hay kim chỉ nam) được phát minh sớm nhất. Hơn 2,000 năm trước, con người đã biết dùng loại đá có từ tính để chế tạo ra "tư nam", dùng để xác định đâu là hướng nam đâu là hướng bắc, do đó có thể nói "tư nam" là tiền thân của la bàn. Có điều, "chỉ nam xa" cũng dùng để xác định phương hướng đã xuất hiện từ hơn 4,000 năm trước.

Khoảng hơn 4,000 năm trước, vùng lưu vực sông Hoàng Hà và sông Trường Giang của Trung Quốc có rất nhiều bộ lạc sinh sống. Hoàng Đế là thủ lĩnh của một bộ lạc nổi tiếng trong truyền thuyết, ông cũng là thủy tổ của dân tộc Trung Hoa.

Khi đó, ở phương đông có một thủ lĩnh của bộ tộc Cửu Lê tên là Xi Vưu, không những khỏe mạnh, hung dữ mà còn mang tâm oán hận và không muốn phục tùng sự chỉ huy của Hoàng Đế. Về sau, Xi Vưu liên kết với 81

người anh em của mình và bắt đầu cuộc đại chiến với Hoàng Đế. Vì để đối phó với kẻ địch mạnh lại có các loại vũ khí chế tạo từ đồng, Hoàng Đế đã nghĩ mọi kế sách, cuối cùng ông phát minh ra một loại vũ khí sắc nhọn gọi là cung tên. Nhưng vì phương bắc có gió cát lớn, thường hay có những trận bão cát, nên để cho các binh sĩ không bị lạc mất phương hướng, thủ hạ của Hoàng Đế đã chế tạo thành công một thứ gọi là "chỉ nam xa" (xe chỉ nam).

Quân hai bên giao chiến tại Trác Lộc, mặc dù quân của Xi Vưu dũng mãnh, nhưng gặp quân của Hoàng Đế lại không chống đỡ được, lần lượt tháo chạy. Lúc này mặc dù trên chiến trường không có gió cát, nhưng lại dày đặc sương mù, quân của hai bên không thể phân biệt được đông tây nam bắc. Nhờ trên xe chỉ nam của Hoàng Đế có đặt một tượng người sắt nhỏ, tay của người sắt luôn chỉ hướng nam, dựa vào chỉ dẫn của xe chỉ nam, quân của Hoàng Đế có thể phân biệt rõ được phương hướng trong làn sương mù dày đặc đó, nên đã đánh bại được quân của Xi Vưu và giành thắng lợi. Đây chính là "trận chiến Trác Lộc".

Câu chuyện xưa này, nói rõ phân biệt phương hướng địa lý là rất quan trọng, không chỉ có chiến tranh mới cần, trong sinh hoạt cũng rất cần, đi đến địa phương xa lạ mà nắm được kiến thức này, thì sẽ không bị lạc đường. Cho tới ngày nay, thường thức cơ bản này vẫn khá hữu dụng, nếu như du lịch vào nơi rừng rậm nguyên sinh, còn có thể tự cứu mình. Giáo dục Nho gia rất thực dụng, dạy bảo cho con em những kiến thức tương quan chặt chẽ đến sinh hoạt tương lai của chúng.

Viết bài tâm đắc

Sau khi đọc xong câu chuyện ở trên, xin mời trả lời những câu hỏi dưới đây:

(1) Hãy nghĩ xem làm thế nào để tìm ra phương hướng dựa vào Mặt Trời và các ngôi sao?

(2) Thử nghĩ xem la bàn xác định phương hướng như thế nào?

Video

https://www.youtube.com/watch?v=Oht6l3y8qIc

Dịch từ:

http://big5.zhengjian.org/node/245303

BÀI 8

Nguyên văn

曰水火 木金土 此五行(1) 本乎數(2)

Bính âm

曰(yuē) 水(shuǐ) 火(huǒ)， 木(mù) 金(jīn) 土(tǔ)，
此(cǐ) 五(wǔ) 行(xíng)， 本(běn) 乎(hū) 數(shù)。

Chú âm

曰(ㄩㄝ) 水(ㄕㄨㄟˇ) 火(ㄏㄨㄛˇ)，
木(ㄇㄨˋ) 金(ㄐㄧㄣ) 土(ㄊㄨˇ)，
此(ㄘˇ) 五(ㄨˇ) 行(ㄒㄧㄥˊ)，
本(ㄅㄣˇ) 乎(ㄏㄨ) 數(ㄕㄨˋ)。

Âm Hán Việt

Viết thủy hỏa, Mộc kim thổ,
Thử Ngũ hành, Bổn hồ số.

Tạm dịch

Rằng: Thủy - Hỏa - Mộc - Kim - Thổ
Ngũ hành này, gốc ở lẽ tự nhiên.

Từ vựng

(1) Hành (行): khái niệm cơ bản phân loại vạn vật
(2) Bổn hồ số (本乎数): Bổn là căn bản, gốc, khởi nguồn. Hồ là ở, vào, theo. Số là lẽ tự nhiên, lý của tự nhiên.

Dịch nghĩa tham khảo

"Ngũ hành" là chỉ kim, mộc, thủy, hỏa, thổ (kim loại, gỗ, nước, lửa, đất). Người Trung Quốc cổ đại cho rằng đây là những thứ cơ bản cấu thành các loại sự vật trong vũ trụ, giữa chúng với nhau đồng thời có sự tương sinh tương khắc (tức là cái này sinh ra cái kia đồng thời cái này cũng triệt tiêu cái khác), đó là do nguyên lý của tự nhiên quyết định.

Câu hỏi thảo luận

Ngũ hành trong các phương diện như tự nhiên và cơ thể người là chỉ về cái gì?

Đọc sách luận bút

Ở hai bài trước, từ số một đến số vạn, nói về nguồn gốc của vạn vật và con người trong tự nhiên, cấp cho con người một vũ trụ quan rộng lớn, và hiểu được mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, vốn là nhất thể có liên hệ tương hỗ với nhau.Vì vậy, trong cuộc sống hàng ngày cần hiểu rõ về sự thay đổi của bốn mùa, nhắc nhở con người phải chú ý thuận theo nhịp điệu của bốn mùa, cần phải phù hợp, không thể làm trái lẽ Trời. Nếu không thân thể sẽ không khỏe mạnh, cây trồng sẽ không phát triển tốt.

Đây cũng là vũ trụ quan của Đạo gia, là khái niệm cơ bản của thiên văn địa lý, là khái niệm 'thiên nhân hợp nhất'. Cho nên sau đây sẽ tiếp tục giải thích thêm một bước nữa về phép tắc tự nhiên trong tam giới mà người xưa hiểu biết được. Đó là: Ngũ hành cấu thành vạn sự vạn vật trong vũ trụ, chúng tương sinh tương khắc lẫn nhau, cân bằng thì an, dẫn đến hòa bình, không cân bằng thì loạn.

(1) Mối quan hệ đối ứng của Ngũ hành và tự nhiên như sau:

Ngũ hành	: Mộc,	Hỏa,	Thổ,	Kim,	Thủy
Mùa vụ	: Xuân,	Hạ,	Trường hạ,	Thu,	Đông
Phương vị	: Đông,	Nam,	Tây,	Bắc,	Trung tâm
Khí hậu	: Gió,	Nắng,	Ẩm ướt,	Khô hanh,	Lạnh
Quá trình phát triển:					
	Sinh ra,	Lớn lên,	Già,	Thu hoạch,	Cất giữ
Ngũ vị	: Chua,	Ngọt,	Đắng,	Cay,	Mặn
Ngũ sắc	: Xanh,	Đỏ,	Vàng,	Trắng,	Đen

(2) Mối quan hệ đối ứng của Ngũ hành và tự nhiên gồm:

Ngũ hành	: Mộc,	Hỏa,	Thổ,	Kim,	Thủy
Tạng	: Gan,	Tim,	Lá lách,	Phổi,	Thận
Phủ	: Túi mật,	Ruột non,	Dạ dày,	Ruột già,	Bàng quang
Ngũ quan	: Mắt,	Lưỡi,	Miệng,	Mũi,	Tai
Hình thể	: Gân,	Mạch máu,	Cơ,	Da,	Xương
Tình cảm	: Tức giận,	Vui thích,	Trầm tư,	Buồn,	Sợ hãi

Theo quy luật này, chúng ta thấy và hiểu được mối quan hệ đối ứng giữa ngũ hành với ngũ tạng người, với ngũ vị và các mùa, liền có thể nắm rõ đạo lý cơ bản của dưỡng sinh, có thể thuận theo quy luật tự nhiên mà sinh hoạt cho tốt.

Ví dụ như mùa xuân, ngũ hành thuộc Mộc, tương ứng với gió, tạng gan, màu xanh, vị chua, nóng giận, thế nên mùa xuân phải dưỡng gan, mùa xuân ăn nhiều rau xanh, vị chua nhập gan, tức giận sẽ tổn thương gan, hễ bạn giận sẽ làm tổn thương nội tạng này, ăn gì để dưỡng gan, gió lớn cần giữ ấm,… hết thảy đều có thể nắm rõ.

Lại ví dụ như tạng thận, nhìn sơ qua cũng hiểu, thận thuộc về Thủy, đối ứng với bàng quang, xương, lỗ tai. Do đó, Trung y hiểu rằng nếu thận không tốt thì những thứ liên quan đến nó đều sẽ có vấn đề. Trí nhớ, xương và bài tiết đều không ổn. Bạn thấy người bệnh thận không nên cho ăn quá mặn, vì thức ăn mặn trực tiếp đi vào thận, gây ảnh hưởng rõ rệt. Tuy nhiên, người thiếu muối thông thường sẽ không có sức lực, đều là đạo lý này, vị mặn trực tiếp nhập tạng thận. Màu đen lại thuộc Thủy, vì vậy ăn đồ ăn có sắc đen có thể có tác dụng bảo dưỡng thận.

Có câu nói ở Trung Quốc là 'bị dọa sợ vãi ra quần', đó là cảm xúc kinh khủng, sẽ gây ảnh hưởng đối với thận. Thận bị kích thích, bàng quang liền xảy ra vấn đề, khiến nước tiểu tháo ra ngoài không kiểm soát được.

Hơn nữa, ngũ tạng phải cân bằng, ví dụ ăn nhiều đồ ngọt, ngũ vị ngọt thuộc Thổ, đối ứng với tỳ (lá lách), Thổ khắc Thủy, tổn thương chính là thận, do đó nhiều trẻ em ăn đồ ngọt nhiều, xương cốt không rắn chắc, răng cũng không tốt, dễ bị sâu răng, chính là đạo lý này. Bất cứ bộ phận nào quá mạnh quá yếu, đều có hại cho sức khỏe.

Nói cách khác, khi nắm vững các mối quan hệ cơ bản do ngũ hành tạo thành, cơ thể mình làm sao thuận ứng với tự nhiên, làm sao khống chế cảm xúc, tất cả mọi thứ đều bao gồm trong ấy. Đó là quan niệm dưỡng sinh rộng lớn rất hoàn chỉnh và cân bằng.

Cổ nhân tại Nho gia ở trình độ này nói đến những lý này, chủ yếu là vì quốc thái dân an (đất nước thái bình, dân chúng yên ổn), do đó hết thảy học vấn liên quan đến con người, đều liên quan đến đạo lý ngũ hành và được sử dụng vô cùng rộng rãi, đây chỉ là một ví dụ về sức khỏe.

Câu chuyện "Học thuyết Ngũ hành tương sinh tương khắc"

Học thuyết về Ngũ hành nói rõ về nguồn gốc và sự biến hóa đa dạng của vạn sự vạn vật trên thế giới. Giữa Ngũ hành với nhau có sự tương sinh tương khắc. "Tương sinh" tức là mối quan hệ giúp cho sinh sôi, nuôi sống, thúc đẩy phát triển; "Tương khắc" bao hàm ý khắc chế, kiềm nén, loại trừ, trói buộc.

Nguyên lý "Tương sinh" trong Ngũ hành tức là: Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim **[Chú thích 1]**. Còn "Tương khắc" là: Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim **[Chú thích 2]**. Mối quan hệ tương sinh tương khắc này của Ngũ hành đã duy trì sự sinh trưởng bình thường và phát triển hài hòa của sự vật.

Theo truyền thuyết có một người tên là Trứu Diễn đã đưa ra lý luận về Ngũ hành. Ông cho rằng người làm Thiên tử thì ắt phải có "Một đức" trong Ngũ hành thì mới ngồi lên ngôi vị hoàng đế được. Nếu như đức hành của người làm vua đó mà yếu, thì sẽ bị một hành khác trong Ngũ hành thay thế.

Nghe nói, Hoàng Đế có "Thổ" đức, nên ông làm Vương. Nhưng về sau,

"Thổ" đức suy yếu, "Mộc" đức khắc thổ bắt đầu hưng thịnh, vua Vũ có "Mộc" đức lên làm hoàng đế. Đến khi "Mộc" suy yếu, "Kim" đức khắc mộc bắt đầu hưng thịnh, vua Thương Thang có "Kim" đức thay thế và lên làm hoàng đế. Tiếp đó là "Hỏa" đức khắc kim bắt đầu hưng thịnh, và Châu Văn Vương với "Hỏa" đức lên làm hoàng đế; cứ tuần hoàn như vậy liên tục không ngừng.

[Chú thích 1] Quan hệ tương khắc: Thủy khắc Hỏa (nước dập tắt lửa), Hỏa khắc Kim (lửa đốt kim loại nóng chảy), Kim khắc Mộc (búa cặt gãy cây), Mộc khắc Thổ (cây hút chất dinh dưỡng trong đất, làm cho đất dần dần mất màu mỡ), Thổ khắc Thủy (đắp đất làm đê ngăn nước).

[Chú thích 2] Quan hệ tương sinh: Mộc sinh Hỏa (Cây cháy ra lửa), Hỏa sinh Thổ (Sau khi lửa cháy tạo thành tro bụi), Thổ sinh Kim (bên trong đất có mỏ kim loại), Kim sinh Thủy (người xưa đào được mỏ kim loại thì thường có thêm mạch nước ngầm chảy ra, cho nên khoáng vật dễ sinh thủy), Thủy sinh Mộc (nước tưới giúp cây sinh trưởng).

Video

https://www.youtube.com/watch?v=J6nmWwT7a5A

Dịch từ:

http://big5.zhengjian.org/node/245304

BÀI 9

Nguyên văn

曰仁(1) 義(2) 禮(3) 智(4) 信(5)
此五常(6) 不容(7) 紊(8)

Bính âm

曰(yuē) 仁(rén) 義(yì)， 禮(lǐ) 智(zhì) 信(xìn)，
此(cǐ) 五(wǔ) 常(cháng)， 不(bù) 容(róng) 紊(wèn)。

Chú âm

曰(ㄩㄝ) 仁(ㄖㄣˊ) 義(ㄧˋ)，
禮(ㄌㄧˇ) 智(ㄓˋ) 信(ㄒㄧㄣˋ)，
此(ㄘˇ) 五(ㄨˇ) 常(ㄔㄤˊ)，
不(ㄅㄨˋ) 容(ㄖㄨㄥˊ) 紊(ㄨㄣˋ)。

Âm Hán Việt

Viết Nhân Nghĩa, Lễ Trí Tín,
Thử ngũ thường, Bất dung vấn.

Tạm dịch

Rằng: Nhân - Nghĩa – Lễ - Trí – Tín,
Ngũ thường này, không cho phép rối loạn.

Từ vựng

(1) Nhân (仁): ý chí yêu quý con người làm lợi cho vật.
(2) Nghĩa (義/义): chuyện chính đáng phù hợp lẽ phải.
(3) Lễ (禮/礼): Biểu đạt lòng yêu mến, tôn kính, khiêm nhượng, cảm tạ, những thiện ý ân cần thăm hỏi, luôn giữ lễ độ, lễ phép trong lời lẽ.
(4) Trí (智): khả năng suy nghĩ thận trọng phân biệt rõ ràng.
(5) Tín (信): Thái độ và ngôn hành thành thật không lừa dối.
(6) Thường (常): đạo lý vĩnh hằng bất biến (mãi mãi không thay đổi).
(7) Dung (容): cho phép.
(8) Vấn (紊): rối, loạn, rối ren.

Dịch nghĩa tham khảo

Nói đến Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, đây là năm phép tắc bất biến, là chuẩn tắc (nguyên tắc chuẩn mực) của xử sự làm người. Lòng dạ ái nhân lợi vật (yêu quý con người làm lợi cho vật) gọi là "Nhân", chuyện chính đáng phù hợp lẽ phải gọi là "Nghĩa"; khiêm nhượng lễ độ gọi là "Lễ"; khả năng suy nghĩ thận trọng phân biệt rõ ràng gọi là "Trí"; thái độ và ngôn hành thành thật không lừa dối gọi là "Tín". Mỗi cá nhân đều nên tuân thủ, không được phép làm rối loạn một chút nào.

Câu hỏi thảo luận

Thử nói xem trong cuộc sống bạn thực hiện Ngũ thường như thế nào?

Đọc sách luận bút

1. Đạo lý Nhân nghĩa ngũ thường bây giờ ở đâu?

Bài trước nói về Ngũ hành, bài này sẽ nói về Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, đây là năm điểm chính lớn trong truyền thống làm người. Ấy chính là những thứ bị Trung Cộng kết liễu, muốn người Trung Quốc chà đạp xuống đất, để vĩnh viễn "Ngũ thường" 五常 trong "Tam cương Ngũ thường" 三綱五常 không thể sống trở lại. Con người không biết Ngũ thường là như

thế nào, sợ nó như ma quỷ, rắn độc. Bởi vì bị Trung Cộng kiểm soát cho nên " Tam Tự Kinh " đã bị buộc phải rút khỏi vũ đài giáo dục, được thay thế bằng lý luận đấu tranh giai cấp của đấu tranh và hận thù.

Nói đến thật đau lòng, năm chữ này chỉ là Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín, đều là đạo lý để làm người tốt, thế nhưng Trung Quốc đã mất đi năm chữ này, hỏi trẻ em hay thậm chí hỏi học sinh đại học thế nào gọi là Ngũ thường, hầu như không ai biết. Trẻ em không được tiếp xúc với năm chữ này, trong sinh hoạt, sách giáo khoa đều không ai nhắc đến, người lớn và trẻ em ngày nay trong miệng chỉ có hai chữ danh lợi. Hậu quả là số phận của nền giáo dục truyền thống bị khai trừ, chính là đạo đức bị bại hoại toàn diện. Do đó, chúng ta không thể không từ căn bản, từ giáo dục mầm non một lần nữa phục hưng lại văn hóa của chính mình.

Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín là cốt lõi của giáo dục Nho gia, bất kể trải qua mấy ngàn năm từ khi Khổng Tử khai sáng, bất kể đời sau xuất ra bao nhiêu luận thuật của các gia, cốt lõi của nó cũng là năm chữ này. Mà cốt lõi của cốt lõi chính là hai chữ 'Nhân Nghĩa' 仁義, là căn bản của Khổng Tử đặt ra.

2. Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín, đừng quên 'Nhân Nghĩa' là gốc

'Nhân' 仁và 'nhân' 人, đồng âm cũng đồng lý (giống đạo lý), chữ 'nhân' 仁 do chữ 'nhân'人và chữ 'nhị'二ghép thành, có nghĩa là khi người với người chung sống, phải thiện đãi với nhau, đối với người phải có tâm quý trọng, tâm nhân từ. Triển khai ra rất là phong phú. Bởi vì con người chung sống với nhau, dựa vào thân phận, địa vị, lớn nhỏ khác nhau, mà nội dung cụ thể tất nhiên sẽ khác nhau, dù quan hệ giữa con người có phức tạp đến đâu thì trên thực tế cũng chính là hai chữ 'thiện đãi' 善待. Ví dụ, lúc bé tiếp xúc với cha mẹ, anh chị em, ở vai trò cha mẹ mà nói, khi đối diện với con cái, thì mình là bề trên, đối với con cái cần phải dưỡng dục, làm tròn trách nhiệm của cha mẹ, cho con ăn uống mạnh khỏe, mặc cho đủ ấm, chăm sóc bảo vệ khi ốm đau, chú ý an toàn, làm người gương mẫu, coi trọng đức dục, bồi dưỡng kỹ năng sinh tồn, v.v. , yêu quý và giáo dục mọi bề.

Con cái là vãn bối (thế hệ sau) phải biết cảm ân cha mẹ, thái độ cung kính, ngôn ngữ ôn hòa, đền đáp ân dưỡng dục của cha mẹ. Đối với cha mẹ phải phụng dưỡng hết đời, có thể an hưởng tuổi già, chăm sóc tận tâm.

Bởi vì mối quan hệ cha con, đặc trưng then chốt nhất, chính là trách nhiệm

và cảm ân. Trách nhiệm của cha mẹ: sinh con, nuôi nấng và giáo dục, đây là Thiện lớn nhất. Con cái đối với cha mẹ chính là cảm ân và hồi báo, luôn luôn mang trong lòng tâm cảm ân, lấy thái độ cung kính đối đãi với cha mẹ, hồi báo đại ân cha mẹ đã vô tư phó xuất.

Mối quan hệ gia đình là nền tảng của quan hệ xã hội, biết hiếu đễ, liền biết được cách người thiện đãi người như thế nào, vì vậy khi ra ngoài xã hội, bạn sẽ phát hiện ra rằng cấp trên luôn coi trọng, gánh trách nhiệm đối với cấp dưới, quan tâm chăm sóc cấp dưới. Người làm quan cũng giống như là cha mẹ của dân chúng, phải chăm lo cho sự sinh tồn và cải thiện nếp sống đạo đức của dân chúng, trở thành người gương mẫu. Người dưới chủ yếu coi trọng thái độ khiêm cung và cảm ân. Đây là xã hội chính thường.

Chữ 'Nghĩa'義thường gắn liền với các từ chính nghĩa, nghĩa vụ, nghĩa vô phản cố (làm việc nghĩa không chùn bước; việc nghĩa chẳng từ nan), nghĩa bất dung từ (việc nghĩa chẳng từ chối), xả thân thủ nghĩa (bỏ mình lấy nghĩa), đại nghĩa diệt thân (vì nghĩa lớn quên tình nhà), v.v ... Chính là nói chiểu theo lẽ phải để làm người, làm việc. Tuyệt đối không được phép chẳng phân đúng sai, có bất cứ tư tình nào đó mà xử lý công việc. Bởi vậy 'nhân nghĩa' 仁義 hay hợp lại cùng nhau, trở thành nhân cách quy phạm hoàn mỹ không mang chút tư tình nào.

'Lễ' 禮là biểu hiện hình thức cố định bên ngoài của 'Nhân' 仁, thuận tiện biểu đạt tâm thiện ý của mình tốt hơn, vì vậy với trường hợp thân phận, lớn nhỏ khác nhau, ngôn hành lễ nghĩa cũng khác nhau.

Đến 'Trí' 智, thật ra, trí tuệ lớn nhất khi làm người thời cổ đại là biết phân biệt đúng sai, để tự mình trước sau không lạc mất chính đạo, vì vậy mới có câu thành ngữ "đại trí nhược ngu" (bậc đại trí giống như ngu dốt, ý tứ là người có trí tuệ cao thường rất khiêm tốn, không để lộ tài năng, thoạt nhìn lại có vẻ chất phác, chậm chạp, ngu ngơ), "lợi lệnh trí hôn" (cái lợi làm tâm trí mờ tối) để khuyên can thế nhân, ngược lại khôn vặt lại hại mình, người bất nhân, vì cái nhỏ mà đánh mất cái lớn, cho nên, thông minh quá sẽ bị thông minh hại. Không tham tài, biết đủ, thường có tâm khiêm cung và cảm ân, mới có thể phù hợp thiên đạo, cả đời bình an có phúc.

'Trí' 智, xưa nay vẫn thuộc về phạm vi của 'Nhân đức' 仁德.

Đến 'Tín' 信, thời hiện đại đề cập đến nhiều nhất, một người không uy tín

thì sẽ mất lòng người, đương nhiên đây chính là điều rõ ràng nhất của một người không tốt; biết giữ 'Tín', chí ít thì đó là người không làm hại bạn, cũng là người tốt, cũng ở phạm vi của 'Nhân' 仁, đây là yêu cầu thấp nhất của 'Nhân' 仁, cũng là yêu cầu thường gặp nhất trong giao tiếp xã hội, vì vậy nó được liệt kê sau cùng.

Trung Quốc thời cổ đại thủy chung coi trọng sinh mệnh, lấy 'Nhân Nghĩa' 仁義làm căn bản. Ngoài đức tin ngu muội ra, thì không thể 'trợ Trụ vi ngược', nếu hứa với người, hoặc vì người làm việc nào đó toàn tâm toàn ý, song lại phát hiện ra điều 'thương thiên hại lý' (tổn hại thiên lý), hại người thì không thể làm, nhất thiết phải lấy 'Nhân Nghĩa' làm gốc. Đây cũng là đạo lý Ngũ thường mà người Nhật Bản lấy từ Trung Quốc, song tinh thần võ sĩ đạo giảng 'Trung nghĩa thành tín' là khác và tương đối hẹp hòi, không lấy 'Nhân Nghĩa' làm hạch tâm mà giảng 'Trung tín' 忠信, thế nên võ sĩ đạo Nhật Bản xuất hiện ra hiện tượng tàn nhẫn, không trân quý sinh mệnh. Ngay cả như vậy, hai chữ 'Lễ' 禮, 'Tín' 信mặc dù hiểu biết có hạn, cũng đã mang lại lợi ích không nhỏ cho người Nhật Bản ngày nay. Trung Quốc hôm nay thì chỉ một điểm thôi cũng không làm được. Coi thường sinh mệnh, tuyên dương tranh đấu hận thù, bạo lực và nói dối của văn hóa đảng khiến người ta phải hãi nhãn kinh tâm.

Câu chuyện "Kẻ bội tín quên nghĩa mất hết tất cả"

Ngu Phù là người bán sơn thuộc nước Việt thời Xuân Thu, cùng thời với Kế Nhiên và Phạm Lãi, không cam chịu sống đời nghèo khổ, nhìn thấy bạn bè nhờ buôn bán mà trở nên giàu có, nên cũng nóng lòng muốn thử buôn bán. Đầu tiên ông tìm đến Kế Nhiên để thỉnh giáo cách làm giàu, Kế Nhiên nói với Ngu Phù: "Hiện nay nguồn tiêu thụ sơn rất tốt, sao anh lại không trồng một ít cây sơn để lấy sơn đi mà bán?" Ngu Phù nghe xong trong lòng vui mừng, liền hỏi Kế Nhiên về kỹ thuật trồng sơn, Kế Nhiên trả lời cặn kẽ, kiên nhẫn chỉ bảo. Sau khi trở về nhà, Ngu Phù thức khuya dậy sớm cần cù làm việc, cuối cùng đã khai khẩn được một vườn sơn với quy mô rất lớn.

Sau ba năm cây sơn đã to lớn, Ngu Phù vô cùng vui mừng. Bởi vì nếu có thể lấy được hàng trăm thùng sơn thì đã có thể kiếm được rất nhiều tiền. Thế rồi Ngu Phù chuẩn bị chuyển những thùng sơn lấy được đến nước Ngô để bán, đúng lúc đó có anh vợ đến thăm và nói với Ngu Phù: "Anh thường đến nước Ngô buôn bán, nên biết được ở đó người ta bán sơn thế

nào, nếu làm tốt thì có thể có lãi gấp mấy lần đấy!"

Ngu Phù nóng lòng phát tài, lại hỏi làm thế nào mới kiếm được nhiều tiền hơn, anh vợ Ngu Phù nói: "Ở nước Ngô, sơn bán rất dễ, ta nhìn thấy không ít người nấu lá cây sơn thành cao, rồi dùng cao đó trộn vào sơn để bán, như thế có thể lãi được gấp mấy lần đấy, mà người nước Ngô lại không phát hiện được." Ngu Phù nghe xong, ngày đêm nhặt lá sơn để nấu cao, xong rồi vận chuyển cao và sơn đến nước Ngô.

Khi đó bởi vì quan hệ nước Ngô và nước Việt vô cùng căng thẳng, không buôn bán qua lại được, nên sơn ở nước Ngô vô cùng hiếm. Lái buôn sơn ở nước Ngô nghe nói Ngô Phù mang sơn đến bán, họ vui mừng không ngớt, còn chạy cả ra ngoài thành để đón Ngu Phù, lại còn sắp xếp chỗ ăn chỗ ở cho anh. Ở chỗ trọ, các lái buôn sơn nước Ngô vừa nhìn thấy sơn của Ngô Phù đúng là loại tốt, bèn thương lượng về giá cả, xong rồi dán niêm phong và hẹn ngày mai đến giao tiền lấy hàng.

Đợi những người buôn sơn rời khỏi, Ngu Phù bèn dỡ niêm phong, suốt đêm anh đổ cao sơn nấu sẵn vào trộn lẫn với sơn. Không ngờ do bận tay bận chân, nên vẫn để lại dấu vết. Hôm sau, các lái buôn đến như đã hẹn, họ phát hiện niêm phong trên thùng sơn có dấu vết bị bóc, nên họ nghi ngờ, rồi mượn cớ không đưa tiền và nói vài ngày nữa sẽ quay lại.

Ngu Phù ở trong quán trọ đợi mấy ngày cũng chẳng thấy mặt mũi những người buôn sơn đâu. Thời gian kéo dài, cao sơn bị trộn lẫn trong thùng sơn biến chất và hỏng. Kết quả, Ngu Phù không bán được chút sơn nào, cuối cùng phải đổ đi hết. Người buôn sơn nước Ngô nghe tin xong, đều phê bình anh ta rằng: "Người làm buôn bán cần phải thành tín, chất lượng hàng hóa thì không thể lừa người được, hôm nay anh rơi vào tình cảnh này, có ai lại thương hại anh chứ?"

Ngu Phù không còn tiền để về nước, đành ở nước Ngô ăn xin mà sống, lại thường bị người ta chế giễu, cuối cùng vì khốn cùng chán nản mà chết nơi đất khách quê người.

Câu chuyện này khuyên bảo mọi người rằng thương nhân không thủ tín sẽ chịu hậu quả trực tiếp, chính là mất đi lợi ích, cho nên nói, cho dù hành vi mua bán là vì kiếm tiền, cũng phải chú trọng đến tiêu chuẩn làm người thấp nhất, nếu không, mất đi thành tín, liền mất đi hết thảy. Thành tín là mạch sống đáng giá nhất của thương nhân. Cho dù có người có thể thỉnh

thoảng gạt người thành công, thu được lợi ích nhất thời, cũng không có cách nào lâu dài. Nhân nghĩa và lợi ích vốn là nhất thể, đạo lý này đối với con người hiện tại mà nói, thì có vẻ rất là trọng yếu, vì ngày nay thương nghiệp làm chủ xã hội. Mà tại Trung Quốc, trong xã hội phổ biến là đã mất đi thành tín, ai có thể giữ vững thành tín, ai có thể thu được lòng cảm ân của dân chúng, thì sẽ trở thành vật báu hiếm thấy, còn hao tốn tâm lực tìm cách lừa tiền tài của người khác, được chút tiền mà đánh mất cả hai, không bằng thu được lòng người, thu được tín nhiệm của dân chúng ấy mới là thông minh. Con đường làm giàu ngay chỗ này đây.

Viết bài tâm đắc

(1) Ngu Phù trong câu chuyện trên vì sao lại chết nơi đất khách?

(2) Bạn cảm thấy người buôn bán cần có đạo đức kinh doanh như thế nào? Hãy đưa ra những ví dụ phản diện từ xưa đến nay để nói rõ hơn.

Video

https://www.youtube.com/watch?v=J6nmWwT7a5A

Dịch từ:

http://big5.zhengjian.org/node/245305

BÀI 10

Nguyên văn

稻(1) 粱(2) 菽(3)， 麥(4) 黍(5) 稷(6)，
此六谷(7)， 人所(8) 食(9) 。
馬牛羊，雞犬(10) 豕(11)，
此六畜(12)， 人所飼(13) 。

Bính âm

稻(dào)	粱(liáng)	菽(shú)，	麥(mài)	黍(shǔ)	稷(jì)，
此(cǐ)	六(liù)	穀(gǔ)，	人(rén)	所(suǒ)	食(shí)。
馬(mǎ)	牛(niú)	羊(yáng)，	雞(jī)	犬(quǎn)	豕(shǐ)，
此(cǐ)	六(liù)	畜(chù)，	人(rén)	所(suǒ)	飼(sì)。

Chú âm

稻(ㄉㄠˋ)	粱(ㄌㄧㄤˊ)	菽(ㄕㄨˊ)，
麥(ㄇㄞˋ)	黍(ㄕㄨˇ)	稷(ㄐㄧˋ)，
此(ㄘˇ)	六(ㄌㄧㄡˋ)	穀(ㄍㄨˇ)，

人(ㄖㄣˊ)　所(ㄙㄨㄛˇ)　食(ㄕˊ)。
馬(ㄇㄚˇ)　牛(ㄋㄧㄡˊ)　羊(一ㄤˊ)，
雞(ㄐㄧ)　犬(ㄑㄩㄢˇ)　豕(ㄕˇ)，
此(ㄘˇ)　六(ㄌㄧㄡˋ)　畜(ㄔㄨˋ)，
人(ㄖㄣˊ)　所(ㄙㄨㄛˇ)　飼(ㄙˋ)。

Âm Hán Việt

Đạo Lương Thục, Mạch Thử Tắc,
Thử lục cốc, Nhân sở thực.
Mã Ngưu Dương, Kê Khuyển Thỉ,
Thử lục súc, Nhân sở tự.

Tạm dịch

Lúa, Kê, Đậu, Lúa mạch, Lúa nếp, Cao lương,
Lục cốc này, con người được ăn.
Ngựa, Trâu, Dê, Gà, Chó, Lợn,
Lục súc này, con người được nuôi.

Từ vựng

(1) Đạo (稻): tên thực vật của cây lúa. Thân cao 3-4 xích (hay còn gọi là thước, là đơn vị đo chiều dài Trung Quốc, bằng 1/3 mét), rắn chắc kết hạt thành chuỗi. Hạt hình bầu dục, có vỏ cứng, sau khi xát vỏ chính là gạo.

(2) Lương (粱): tên thực vật kết hạt nhỏ, màu vàng, có thể ăn. Thường gọi là túc, chính là tiểu mễ (gạo kê).

(3) Thục (菽): tên gọi chung các loại đậu.

(4) Mạch (麥/麦): tên thực vật của lúa mạch, lúa mì. Khai hoa kết hạt vào mùa hè, hạt có thể mài thành bột mì, làm đường hoặc cất rượu. Có nhiều loại gồm hắc mạch (lúa mì đen), yến mạch, tiểu mạch, đại mạch, v.v.

(5) Thử (黍): tên thực vật của lúa nếp. Lá mỏng dài và nhọn, có lông thô, gân lá song song, hạt màu trắng hoặc vàng nhạt, có chất nhựa.

(6) Tắc (稷): lúa nếp; có hai loại, loại có nhựa dính gọi là thử (黍), loại không dính gọi là tắc (稷), hiện nay gọi là Cao lương. (Ngày xưa cho rằng lúa tắc quý nhất trong trăm giống lúa, cho nên gọi thần lúa là tắc.)

(7) Cốc (穀/谷): tên gọi chung của lương thực

(8) Sở (所): vì, là, làm; bị, được.

(9) Thực (食): ăn, thức ăn.

(10) Khuyển (犬): chó.

(11) Thỉ (犬): lợn, heo.

(12) Súc (畜): loài vật mà con người nuôi dưỡng.

(13) Tự (飼/饲): chăn nuôi, vật nuôi.

Dịch nghĩa tham khảo

Gạo, Tiểu mễ, Đậu, Lúa mạch, Lúa nếp và Cao lương, sáu loại cốc này là lương thực chính để con người duy trì sự sống. Ngựa, Trâu, Dê, Gà, Chó, Lợn, sáu loài vật này là những gia súc chính được con người nuôi tại nhà.

Tương truyền, khi con người trải qua kiếp nạn Đại hồng thủy, các vị Thần đã mang sáu con vật và sáu loại cốc này từ thế giới của Thần xuống, đồng thời dạy con người chăn nuôi và trồng trọt để giúp con người vượt qua đại nạn. Đây là lòng từ bi của Thần đối với con người, từ đó con người có thể tự lực nuôi sống, Lục cốc và Lục súc đã trở thành nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt hàng ngày của con người.

Câu hỏi thảo luận

Trên thế giới, mỗi khu vực hay mỗi quốc gia sẽ có khí hậu, thổ nhưỡng, phong tục tập quán khác nhau, hãy kể ra những lương thực thực phẩm chính ở mỗi khu vực hay quốc gia mà em biết. Thử nghĩ xem, sáu loài vật kể trên có những đóng góp gì cho con người nào?

Đọc sách luận bút

Từ Ngũ hành và Ngũ thường ở hai bài trước, bài này nói đến Lục cốc và Lục súc, hiển nhiên là chiểu theo nội dung được sắp xếp từ nhỏ đến lớn sẽ dễ dàng cho việc học thuộc lòng. Vẫn như trước, bài này sẽ giới thiệu những thứ liên quan đến sinh hoạt thường ngày của con người, để sinh tồn nhất định phải có được thực vật và súc vật cơ bản. Thực ra, là một con người, nên hiểu biết rõ cuộc sống con người là điều cơ bản của việc đọc sách làm người, nếu không hiểu biết những thường thức cơ bản của cuộc sống hàng ngày, người đọc sách sẽ trở thành người học vẹt; thoát ly khỏi cuộc sống con người mà nghiên cứu học vấn, thì học sẽ không để áp dụng, không thể thành người hữu dụng được người đời và xã hội công nhận. Vì vậy, chữ 'Trí' 智 trong từ 'Trí tuệ' 智慧được chữ 'Tri' 知và chữ 'Nhật' 日hợp thành, hiểu biết nhu cầu của cuộc sống hàng ngày, sự vận hành và mối quan hệ giữa người với người, biết ý nghĩa mặt trời chiếu rọi khắp mặt đất, và hiểu được mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, để thiên hạ quốc thái dân an, mới là căn bản của nghiên cứu học vấn. Vì vậy, mọi tri thức cần thiết trong cuộc sống con người thế nào cũng liên quan với Nho gia. Nho sinh nếu không biết việc nhà nông và thiên văn, lịch pháp, địa lý thì tương lai sẽ không có cách nào an bang trị quốc, cứu tế thiên hạ bách tính. Đây là những điều cần phải hiểu.

Trung Quốc đất rộng tài nguyên phong phú, khí hậu các nơi, hoàn cảnh khác nhau nên lương thực chủ yếu ở mỗi nơi cũng khác nhau, theo địa phương mà có phương thức thích hợp, phương Nam thì trồng lúa, phương Bắc thì trồng lúa mạch, Tây Bắc thích hợp chăn nuôi, vùng cao nguyên

hoàng thổ ở giữa thì thích hợp trồng hoàng mễ, tiểu mễ và cao lương.

Câu chuyện "Nguồn gốc của lúa gạo"

"Gặt lúa ngay giữa trưa, Mồ hôi rơi xuống đất, Ai biết trong mâm cơm, Hạt hạt đều vất vả" Đây là bài " Mẫn Nông Thi " của Lý Thần đời Đường. 'Mẫn' chính là thương cảm, 'mẫn nông' chính là đồng cảm thương xót người nông dân. Cả bài thơ miêu tả sâu sắc cảnh những người nông dân ngày xưa vác cuốc, mồ hôi nhọc nhằn dưới trời nắng gắt, gieo từng hạt từng hạt cho chúng ta mỗi ngày đủ ba bữa cơm. Ý nghĩa của bài thơ này là cảnh giác thế nhân, có được một bữa cháo một bữa cơm là không hề dễ dàng, ngàn vạn lần không nên lãng phí vật tư. Như vậy, hàng ngày chúng ta ăn bát cơm thơm ngào ngạt có nguồn gốc từ đâu? Có một truyền thuyết rất thú vị về nguồn gốc của cây lúa.

Ngày xửa ngày xưa, trên mặt đất vẫn chưa có ruộng đồng và nhà cửa, chỉ toàn là rừng rậm hoang sơ. Khi đó con người vẫn còn sống dựa vào săn bắt và hái lượm. Rồi một hôm, bỗng nhiên trời như bị nứt ra, mưa lớn trút xuống ngày đêm không ngừng, tạo thành một trận lũ lụt lớn chưa từng có.

Rất lâu sau đó nước lũ mới rút, nhưng những động vật nhỏ đều bị nước lũ nhấn chìm, hoa quả cũng bị hư hỏng hết. Có người đi săn bắt để kiếm ăn nhưng lại bị loài khác ăn thịt, không có gì để ăn nên rất nhiều người đã bị chết đói. Loài người đáng thương chỉ biết cau mày ủ dột, không nghĩ được cách nào để vượt qua khó khăn.

Lúc này, trên một hòn đảo ở phương Đông, nơi có nhiều Thiên Thần ở đó, họ tận mắt chứng kiến đồ ăn của con người ngày càng khan hiếm. Họ vô cùng thương cảm với con người, thế là họ bàn nhau để giúp đỡ con người vượt qua khó khăn.

Sau cuộc họp bàn đó, họ phái Phục Hy dạy con người chăn nuôi, Thần Nông dạy con người canh tác. Trâu và ngựa cần cù chịu khổ giúp con người cày bừa và kéo xe; còn sữa dê có thể là thức uống để con người bổ sung dinh dưỡng; gà thì mỗi buổi sáng sớm có thể gáy để đánh thức con người dậy bắt đầu ngày mới để làm việc; mặc dù lợn chỉ biết ăn và ngủ, nhưng có thể cung cấp thịt để làm thức ăn cho con người; còn chó thì lại trung thành trông giữ nhà.

Các hạt lúa trong thế giới của Thần, vốn ra dày đặc chi chít từ gốc tới ngọn của cây lúa, hơn nữa các hạt lúa chín cũng rất dễ rụng. Vấn đề là, các hạt

lúa đưa đến nhân gian phải đi qua vùng biển lớn, các hạt lúa nhỏ bé thế này thì vận chuyển thế nào đây? Và do ai mang đi đây?

Về sau, các Thiên thần quyết định, để tránh bị rơi rụng trong quá trình vận chuyển đến nhân gian, các hạt lúa nhất định phải được cho dính lên khắp thân của ai gánh vác trách nhiệm để mang đi. Sau đó họ hỏi sáu loài Trâu, Ngựa, Dê, Gà, Chó, Lợn xem có loài nào muốn hoàn thành nhiệm vụ khó khăn này không.

Đầu tiên Trâu tỏ vẻ bất đắc dĩ: "Ụm ò ! Tôi thân xác tuy to, nhưng chỉ biết dùng sức, e là không thể hoàn thành nhiệm vụ này. Tôi thấy hay là để cho Ngựa nhanh nhẹn đảm nhận đi!"

Ngựa vừa nghe vội vàng hồi đáp: "Lông trên người tôi trơn bóng thế này, e là chẳng dính được hạt lúa nào đâu, hay là bảo Gà làm đi!" Ngựa chỉ về phía Gà đang đứng trên lưng mình.

Lúc này, Gà liền lắc đầu mãnh liệt nói: "Ục ục! Ục ục! Cái này không được a! Tôi nhỏ con thế này thì mang được bao nhiêu lúa chứ."

Rồi đến lượt Dê và Lợn cũng đưa ra lý do từ chối. Lúc đó, chỉ có Chó nghĩ đến cảnh con người sắp chết đói, trong lòng thấy thương xót nói: "Gâu gâu! Gâu! Con người thật đáng thương, hãy để tôi vận chuyển lúa cho!"

Các Thiên thần vui mừng vỗ về Chó và dặn dò: "Trên đường đi nhất định phải thật cẩn thận, những hạt lúa giống trên người ngươi còn sót bao nhiêu, sẽ quyết định việc sau này khi trồng tại nhân gian một cây lúa sẽ ra được bấy nhiêu nhánh bông đấy!"

Thế rồi, chó liền làm cho thân mình ướt sũng, rồi đến bên đống thóc lăn lộn để cho từng hạt thóc vàng ươm dính lên người mình, sau đó cả nhóm sáu loài vật cùng xuất phát. Trên biển lớn mênh mông, từng con sóng dữ đã cuốn trôi dần từng hạt thóc trên người chó. Để bảo vệ những hạt giống quý giá này, chó đã dùng hết sức khom người dựng thẳng đuôi cố gắng vượt qua từng ngọn sóng.

Trải qua chặng đường gian nan, cuối cùng đã đến nhân gian, đáng tiếc là những hạt thóc trên người chó đã bị sóng cuốn gần hết, chỉ còn sót lại một ít dính trên cái đuôi được giơ cao của chó.

Từ đó, cây lúa được trồng rộng rãi trong nhân gian, con người đã có những hạt cơm thơm ngon để ăn và không còn lo bị chết đói nữa. Nhưng bởi vì chỉ còn những hạt dính trên đuôi chó được giơ cao và không bị sóng cuốn

mất là được mang đến nhân gian, nên về sau các cây lúa trồng trên mặt đất cũng chỉ ra có một nhánh bông ở trên ngọn mà thôi.

Về sau, vì để báo đáp công ơn của Chó, con người cũng cho Chó được ăn cơm. Còn Trâu Ngựa Dê thì chỉ được ăn rơm rạ, Gà và Lợn thì chỉ được ăn thóc!

Trong cuộc sống, Chó là người bạn trung thành nhất của con người, đuôi của nó nhìn trông giống như một nhánh bông lúa nặng trĩu hạt. Từ câu chuyện trên, chúng ta có thể thấy được sự vất vả trong quá trình đưa các hạt lúa giống đến nhân gian, cũng giống như những người nông dân vất vả bỏ ra biết bao mồ hôi công sức để làm ra từng hạt gạo. Do đó, chúng ta cần phải biết trân quý từng hạt gạo và thức ăn đấy nhé !

Viết bài tâm đắc

(1) Ngoài việc làm lương thực chính trong bữa ăn hàng ngày ra, bạn có biết lúa gạo còn được dùng vào việc gì nữa không?
(2) Hãy kể về công đoạn người nông dân trồng và làm ra hạt lúa, hạt gạo.

Video

https://www.youtube.com/watch?v=oQEtuKGb_cs

Dịch từ:

http://big5.zhengjian.org/node/245306

https://www.epochtimes.com/b5/8/8/31/n2247353.htm

BÀI 11

Nguyên văn

曰喜(1) 怒(2) 曰哀(3) 懼(4)
愛(5) 惡(6) 欲(7) 七情(8) 具(9)
匏(10) 土(11) 革(12) 木(13) 石(14) 金(15)
絲(16) 與竹(17) 乃八音(18)

Bính âm

曰(yuē)	喜(xǐ)	怒(nù)，	曰(yuē)	哀(āi)	懼(jù)，
愛(ài)	惡(wù)	欲(yù)，	七(qī)	情(qíng)	具(jù)。
匏(páo)	土(tǔ)	革(gé)，	木(mù)	石(shí)	金(jīn)，
絲(sī)	與(yǔ)	竹(zhú)，	乃(nǎi)	八(bā)	音(yīn)。

Chú âm

曰(ㄩㄝ)	喜(ㄒㄧˇ)	怒(ㄋㄨˋ)，
曰(ㄩㄝ)	哀(ㄞ)	懼(ㄐㄩˋ)，
愛(ㄞˋ)	惡(ㄨˋ)	欲(ㄩˋ)，

七(ㄑㄧ)　情(ㄑㄧㄥˊ)　具(ㄐㄩˋ)。
匏(ㄆㄠˊ)　土(ㄊㄨˇ)　革(ㄍㄜˊ)，
木(ㄇㄨˋ)　石(ㄕˊ)　金(ㄐㄧㄣ)，
絲(ㄙ)　與(ㄩˇ)　竹(ㄓㄨˊ)，
乃(ㄋㄞˇ)　八(ㄅㄚ)　音(ㄧㄣ)。

Âm Hán Việt

Viết hỉ nộ, Viết ai cụ,
Ái ố dục, Thất tình cụ.
Bào thổ cách, Mộc thạch kim,
Ti dữ trúc, Nãi Bát âm.

Tạm dịch

Rằng: Vui, Giận, rằng: Buồn, Sợ,
Yêu, Ghét, Muốn, là Thất tình.
Bào, Thổ, Cách, Mộc, Thạch, Kim,
Ti và Trúc, là Bát âm.

Từ vựng

(1) Hỷ (喜): vui mừng
(2) Nộ (怒): tức giận
(3) Ai (哀): buồn thương
(4) Cụ (惧): sợ hãi
(5) Ái (爱): yêu thích
(6) Ố (恶): ghét, ghen ghét
(7) Dục (欲): muốn, ham muốn, một loại ý niệm mong muốn được thỏa mãn
(8) Thất tình (七情): bảy thứ tình cảm hỷ nộ ái ố ai cụ dục
(9) Cụ (具): có, có sẵn

(10) Bào (匏): quả bầu, hình dạng giống hồ lô, dùng làm nhạc cụ như khèn bầu, sáo bầu.

(11) Thổ (土): chỉ các nhạc cụ làm bằng đất như sáo huân, tò he.

(12) Cách (革): chỉ các loại nhạc cụ được làm bằng da thuộc như trống.

(13) Mộc (木): chỉ các nhạc cụ bằng gỗ như song loan, mõ, chúc.

(14) Thạch (石): tấm ngọc hoặc tấm đá, chỉ các nhạc cụ chế tác bằng đá như đàn đá, khánh đá.

(15) Kim (金): thuộc về kim loại, chỉ nhạc cụ bằng kim loại như chuông, chiêng, đồng la.

(16) Ti (絲): dây tơ, chỉ các loại nhạc cụ dùng dây tơ để phát ra âm thanh như đàn tì bà, cổ cầm, đàn sắt.

(17) Trúc (竹): ống trúc, chỉ nhạc cụ dùng ống trúc để phát ra âm thanh như tiêu, sáo.

(18) Âm (音): vốn để chỉ âm thanh, trong bài nói về nhạc cụ.

Dịch nghĩa tham khảo

Vui mừng, tức giận, đau buồn, sợ hãi, yêu thích, ghét và ham muốn là Thất tình, bảy loại cảm xúc của mỗi người khi sinh ra đã có. Người Trung Quốc cổ đại dùng tám loại nguyên liệu gồm quả bầu, đất sét, da thuộc, gỗ, đá, kim loại, dây tơ, ống trúc để làm nhạc cụ và gọi đó là Bát âm. Do các nhạc cụ được làm từ các chất liệu khác nhau nên âm thanh phát ra từ các nhạc cụ đó cũng mang nét đặc sắc riêng.

Câu hỏi thảo luận

(1) Một người thông minh, có sự tu dưỡng rèn luyện sẽ biết cách khống chế và làm chủ tình cảm của mình. Bạn có thể phân biệt được các loại tình cảm của mình không?
(2) Khi tâm trạng của bạn không tốt, bạn sẽ khống chế nó thế nào?
(3) Bạn đã học qua loại nhạc cụ nào chưa? Hãy chia sẻ với mọi người về cảm nhận của bạn khi học loại nhạc cụ đó nào.

Đọc sách luận bút

Từ Tứ quý Tứ phương, Ngũ hành Ngũ thường, **Lục cốc Lục súc,** giảng đến Thất tình và Bát âm. Người Trung Quốc thường nói rằng con người có 'thất tình lục dục". Mặc dù ở đây định nghĩa Thất tình, lấy 'dục' của 'dục vọng' quy vào trong Thất tình, nhưng thật ra là để tiện cho trẻ ghi nhớ. Thất tình xuất phát từ Đạo gia. " Hoàng Đế Nội Kinh " lấy Hỉ 喜, Nộ 怒, Ưu 忧, Tư 思, Bi 悲, Khủng 恐, Kinh 惊 làm định nghĩa Thất tình, cho rằng vui quá hại tâm, giận quá hại gan, ưu sầu và nhớ nghĩ quá độ hại tỳ vị, đau buồn quá độ làm hại phổi, sợ sệt và kinh hãi ắt hại thận. Cho nên người ưu tư quá độ thường ăn không ngon, **bị kinh hãi** trực tiếp tổn thương thận, mất kiểm soát bài tiết.

Mặc dù Thất tình ở đây khác với Thất tình trong " Hoàng Đế Nội Kinh " , nhưng vẫn là dùng Thất tình để nói. Khi vị thầy ở trường tư thục giảng giải, ông cũng sẽ dạy cho bọn trẻ những nhận thức cơ bản cổ xưa này, và sau đó giải thích thêm tại sao Nho gia đặc biệt lấy Ái Ố Dục xếp vào trong Thất tình**,** không hoàn toàn giống với y học. Bởi vì Nho gia đặc biệt coi trọng lấy 'Nhân' đãi người, cảm xúc yêu thích, vui mừng, chán ghét, căm hận và các chủng dục vọng đều bắt nguồn từ tình riêng, không thể kiềm

chế được cảm xúc, không chỉ khiến người ta trực tiếp tổn hại đến thân thể của mình mà còn vô cùng dễ dàng làm cho con người trở nên mất lý tính, vì yêu sinh hận, vì hận thậm chí đả thương giết người. Những cảm xúc này, phải biết cách khống chế, mới không mê mất tâm trí gây thành đại họa. Vì vậy, người xưa nói đến 'Tình' 情 thì nhất định theo sau phải là chữ 'Nghĩa' 義 , có tình thì còn phải có nghĩa, phát sinh tình thì sẽ mất đi lễ. Không thể vì tình mà làm hại người hoặc tự hủy hoại bản thân mình.

Người xưa luôn đối xử với tình cảm rất lý trí. Dạy trẻ ngay từ khi còn nhỏ biết khống chế cảm xúc của mình, chỉ cần theo 5 đạo lý bất biến Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín là có thể làm người. Con người ngày nay có thể vì tình mà giết người và tự sát, đối đãi không nghiêm túc với sinh mệnh, đối đãi với gia đình và hôn nhân cũng vô cùng vô trách nhiệm, thậm chí ngay cả yêu thương thân mình cũng không hiểu, đạo đức sụp đổ và tình cảm mất khống chế, gây ra bao nhiêu vấn đề của gia đình và xã hội, và bao nhiêu căn bệnh tinh thần hiện đại phức tạp khó chữa. Do đó, đối với việc giáo đạo trẻ nhỏ, thời cổ đại tỏ ra rất lý tính và cao minh.

Nói đến Bát âm là nói về nhạc cụ, thực chất là liên quan đến âm luật của tác phẩm và kiến thức về nhạc liên quan đến các phương diện vũ đạo. Âm nhạc cổ đại vốn dùng để trị bệnh và giao tiếp với Trời Đất. Âm nhạc thích đáng có thể dự đoán sự hưng suy của một quốc gia. Các loại nhạc tình ái nam nữ buồn bã, đau khổ, ý nghĩa dâm loạn làm bại vong quốc gia, hỗn loạn trật tự, đạo đức sụp đổ. Phản ánh trên thân thể con người là sẽ làm tổn thương tỳ vị, gan, thận và phổi, dẫn đến cơ thể bị rối loạn chức năng và sinh ra trăm thứ bệnh.

Cung 宫, Thương 商, Giốc 角, Chủy 徵, Vũ 羽 là nói đến âm luật Ngũ âm của thời cổ đại. Trong " Nhạc Ký " ghi: "Xem xét âm nhạc của một quốc gia có thể biết được tình hình chính trị của quốc gia này, qua đó cũng biết được nên sửa trị như thế nào". "Nhạc thời thiên hạ thái bình, điềm tĩnh lại vui vẻ, quốc gia ấy nhất định quốc thái dân an; nhạc thời loạn thế, đầy ai oán và phẫn nộ, quốc gia này nhất định làm điều ngang ngược; nhạc vong quốc đầy bi ai và ưu tư, dân chúng chỉ biết hãm trong cảnh khốn khó tuyệt vọng. Đạo lý của âm thanh và chính trị tương thông với nhau. Trong Ngũ âm, Cung âm đại biểu cho Quân vương (vua), Thương âm đại biểu cho Thần (quan), Giốc âm là Dân, Chủy âm là Sự (sự tình, chuyện), Vũ âm là Vật (đồ vật). Quân 君, Thần 臣, Dân 民, Sự 事, Vật 物, Ngũ thứ này không loạn, sẽ không có thanh âm không hài hòa. Nếu Cung âm bị loạn, thì âm

nhạc phóng túng lộn xộn, vua của quốc gia này nhất định kiêu căng vô độ; Thương âm bị loạn, âm nhạc bạo lực, chứng tỏ quốc gia này quan chức bại hoại; Giốc âm bị loạn, thì âm nhạc đau buồn, dân chúng nhất định có nhiều oán hận; Chủy âm bị loạn, âm nhạc bi ai, quốc gia nhất định có nhiều chuyện không yên; Vũ âm bị loạn, giai điệu nghiêng ngã, chứng tỏ quốc gia tài chính thiếu thốn. Nếu Ngũ âm hỗn loạn toàn bộ, xâm phạm lẫn nhau thì gọi là 'mạn' 慢 (vô lễ), nước này diệt vong chia cắt cũng không xa." (theo " Nhạc Vũ Tiên Tung Chi Bát: Thẩm Nhạc Tri Chính Họa Phúc Tiền Tri " - Tám dấu tích nhạc vũ: Xét nhạc biết trước chuyện họa phúc)

Từ đó có thể thấy, âm nhạc có thể dùng để dự đoán hưng suy tồn vong của một đất nước, họa phúc một sớm một chiều, Nho sinh thời xưa đều phải am hiểu âm nhạc mới có thể trị quốc, cũng có thể dưỡng sinh. Đây chỉ là nhập môn của âm nhạc.

Câu chuyện "Hoàng Đế và âm nhạc"

Đối với người Trung Quốc cổ đại mà nói, âm nhạc là công cụ để liên hệ với Thần. Âm nhạc không chỉ để hưởng thụ và giải trí, mà còn là lễ tiết để điều hòa mối quan hệ giữa Trời và Đất.

Các nhạc cụ của Trung Quốc được phát minh từ rất sớm, trong cuốn "Kinh Thi" cũng thường xuyên nhắc tới các loại nhạc cụ. Theo các sách sử ghi chép, Phục Hy là người chế tạo ra đàn sắt, Nữ Oa chế tạo ra tiêu, Linh Luân chế tạo ra chuông, Thần Nông chế tạo ra ngũ huyền cầm.

Hoàng Đế lệnh cho Linh Luân chế định ra nhạc luật (luật trong âm nhạc), đặt ra 12 luật (12 thang âm). Linh Luân ở trên núi Tây Sơn tìm được loại trúc thô thích hợp để làm nhạc cụ, ông dùng những cây rắn chắc nhất gọt thành sáo trúc. Khi ông thổi cây sáo mình vừa làm, có mấy con chim phượng hoàng đậu xuống quanh những cây ở gần ông, chim trống bắt đầu hót trước, âm đầu tiên của nó giống với âm phát ra từ cây sáo trúc của Linh Luân, sau đó lại hót tiếp 5 âm nữa, Linh Luân nhanh chóng gọt thành cây sáo có thể phát ra 5 âm đó. Phượng hoàng mái hót tiếp 6 âm, Linh Luân lại nhanh chóng gọt ra cây sáo trúc phát ra được 6 âm đó. Linh Luân sắp xếp trình tự của 12 âm đó xong, liền hoàn thành 12 âm luật. Vì để bảo tồn lâu dài 12 âm này, Hoàng Đế đã hạ lệnh đúc ra 12 chuông đồng có thể tái hiện chính xác 12 âm của sáo trúc, sau đó, tất cả các thang âm của các nhạc cụ bắt buộc phải đúng với âm của chuông đồng.

Ngoài việc hạ lệnh cho Linh Luân chế tạo chuông ra, trong cuộc chiến với Xi Vưu, vì để nâng cao sĩ khí chiến đấu của binh sĩ, Hoàng Đế đã làm ra một loại trống trận đặc biệt, và còn đích thân đánh để cổ vũ uy thế của đội quân. Loại trống này được làm từ da được phơi khô của một loại quái thú ở Đông Hải có tên là "Quỳ", còn dùi trống được làm từ khúc xương to nhất trên người Thần Sấm. Khi Hoàng Đế đánh vào chiếc trống trận đặc biệt này, tiếng trống vọng xa hơn 500 dặm, làm trời đất biến sắc.

Ngoài ra, khi Hoàng Đế gặp mặt các Quỷ Thần trên núi Thái Sơn, còn sáng tác ra khúc nhạc tên "Thanh Giác", khúc nhạc này có khí thế hùng hồn, có thể "kinh thiên địa, khấp quỷ thần" (kinh động trời đất, quỷ thần khóc thầm), đây thực sự là bản nhạc trên Thiên thượng, người phàm không thể nghe được. Hơn nữa, sau khi Hoàng Đế đánh bại Xi Vưu, để chúc mừng thắng lợi, ông đã sáng tác ra bản nhạc có khí thế phi phàm có tên "Cương cổ khúc".

Viết bài tâm đắc

(1) Theo bạn tất cả các loại âm nhạc đều tốt có phải không? Phải chăng cũng phân thành tốt và xấu? Âm nhạc tốt và âm nhạc xấu được phân như thế nào? Chúng tạo ra những ảnh hưởng như thế nào?

(2) Hãy tìm những thành ngữ có liên quan đến âm nhạc, giải thích ý nghĩa và câu chuyện liên quan về thành ngữ đó ?

Video:

https://www.youtube.com/watch?v=99j1o2D7QFQ

Dịch từ:

http://big5.zhengjian.org/node/245307

https://www.epochtimes.com/b5/8/10/19/n2301978.htm

BÀI 12

人 乃 至 自 子 身 父 高
Nhân Nãi Chí Tự Tử Thân Phụ Cao
之 九 玄 子 而 而 而 曾
Chi Cửu Huyền Tử Nhi Nhi Nhi Tằng
倫 族 曾 孫 孫 子 身 祖
Luân Tộc Tằng Tôn Tôn Tử Thân Tổ

人 此 臣 君 友 長 弟 兄 夫 父
Nhân Thử Thần Quân Hữu Trưởng Đệ Huynh Phu Phụ
所 十 則 則 與 幼 則 則 婦 子
Sở Thập Tắc Tắc Dữ Ấu Tắc Tắc Phụ Tử
同 義 忠 敬 朋 序 恭 友 從 恩
Đồng Nghĩa Trung Kính Bằng Tự Cung Hữu Tòng Ân

Nguyên văn

高曾祖(1) 父而身(2) 身而子(3) 子而孫(4)
自子孫 至玄(5) 曾(6) 乃(7) 九族(8) 人之倫(9)
父子恩(10) 夫婦從 兄則(11) 友 弟則恭
長幼序 友與朋 君則(12) 敬 臣則忠
此十義(13) 人所同

Bính âm

高(gāo) 曾(zēng) 祖(zǔ)，父(fù) 而(ér) 身(shēn)，
身(shēn) 而(ér) 子(zǐ)，子(zǐ) 而(ér) 孫(sūn)，
自(zì) 子(zǐ) 孫(sūn)，至(zhì) 玄(xuán) 曾(zēng)，
乃(nǎi) 九(jiǔ) 族(zú)，人(rén) 之(zhī) 倫(lún)。
父(fù) 子(zǐ) 恩(ēn)，夫(fū) 婦(fù) 從(cóng)，
兄(xiōng) 則(zé) 友(yǒu)，弟(dì) 則(zé) 恭(gōng)，
長(zhǎng) 幼(yòu) 序(xù)，友(yǒu) 與 (yǔ) 朋(péng)，
君(jūn) 則(zé) 敬(jìng)，臣(chén) 則(zé) 忠(zhōng)，
此(cǐ) 十(shí) 義(yì)，人(rén) 所(suǒ) 衕(tóng)。

Chú âm

高(ㄍㄠ) 曾(ㄗㄥ) 祖(ㄗㄨˇ)，
父(ㄈㄨˋ) 而(ㄦˊ) 身(ㄕㄣ)，
身(ㄕㄣ) 而(ㄦˊ) 子(ㄗˇ)，
子(ㄗˇ) 而(ㄦˊ) 孫(ㄙㄨㄣ)，
自(ㄗˋ) 子(ㄗˇ) 孫(ㄙㄨㄣ)，
至(ㄓˋ) 玄(ㄒㄩㄢˊ) 曾(ㄗㄥ)，
乃(ㄋㄞˇ) 九(ㄐㄧㄡˇ) 族(ㄗㄨˊ)，
人(ㄖㄣˊ) 之(ㄓ) 倫(ㄌㄨㄣˊ)。
父(ㄈㄨˋ) 子(ㄗˇ) 恩(ㄣ)，
夫(ㄈㄨ) 婦(ㄈㄨˋ) 從(ㄘㄨㄥˊ)，
兄(ㄒㄩㄥ) 則(ㄗㄜˊ) 友(ㄧㄡˇ)，

弟(ㄉㄧˋ) 則(ㄗㄜˊ) 恭(ㄍㄨㄥ)，
長(ㄓㄤˇ) 幼(ㄧㄡˋ) 序(ㄒㄩˋ)，
友(ㄧㄡˇ) 與(ㄩˇ) 朋(ㄆㄥˊ)，
君(ㄐㄩㄣ) 則(ㄗㄜˊ) 敬(ㄐㄧㄥˋ)，
臣(ㄔㄣˊ) 則(ㄗㄜˊ) 忠(ㄓㄨㄥ)，
此 (ㄘˇ) 十 (ㄕˊ) 義 (ㄧˋ)，
人(ㄖㄣˊ) 所(ㄙㄨㄛˇ) 同(ㄊㄨㄥˊ)。

Âm Hán Việt

Cao tằng tổ, Phụ nhi thân,
Thân nhi tử, Tử nhi tôn
Tự tử tôn, Chí huyền tằng,
Nãi cửu tộc, Nhân chi luân.
Phụ tử ân, Phu phụ tòng,
Huynh tắc hữu, Đệ tắc cung,
Trưởng ấu tự, Hữu dữ bằng,
Quân tắc kính, Thần tắc trung,
Thử thập nghĩa, Nhân sở đồng.

Tạm dịch

Ông Sơ, Cố, Nội, Cha tới mình
Mình tới con, con tới cháu
Từ con cháu đến chắt chít
Chín thế hệ này là thứ bậc luân thường của con người.
Cha con có ơn, vợ chồng theo nhau,
Anh thì thuận thảo, em thì cung kính,
Lớn nhỏ có thứ bậc, bạn bè ngang nhau,
Vua thì tôn kính, tôi thì trung thành,
Mười nghĩa này, mỗi người đều có như nhau.

Từ vựng

(1) Cao tằng tổ (高曾祖): Cao hay Cao tổ là ông nội của ông nội hay còn gọi là ông Sơ. Tằng hay Tằng tổ là cha của ông nội còn gọi là ông Cố. Tổ hay Tổ phụ là cha của cha, còn gọi là ông Nội.
(2) Phụ nhi thân (父而身): Phụ hay phụ thân là cha. Thân là chính mình. Phụ thân về sau chính là mình.

(3) Tử (子): người con.
(4) Tôn (孫): tôn tử, con của con, tức là cháu.
(5) Huyền (玄): huyền tôn, con của chắt (tằng) còn gọi là chít.
(6) Tằng (曾): tằng tôn, con của cháu (tôn) hay còn gọi là chắt.
(7) Nãi (乃): là
(8) Cửu tộc (九族): quan hệ huyết thống 9 thế hệ
(9) Nhân chi luân (人之倫): thứ tự luân thường vai vế của con người.
(10) Ân (恩): ân tình
(12) Tắc (則): nên, phải, cần; nhất định phải, nhất thiết phải.
(13) Nghĩa (義): đúng với đạo lý, hợp với lẽ phải, lẽ phải làm người.

Dịch nghĩa tham khảo

Cao tằng tổ (ông Sơ) sinh ra tằng tổ phụ (ông Cố), tằng tổ phụ sinh ra tổ phụ (ông Nội), tổ phụ sinh phụ thân (Cha), phụ thân sinh ra chúng ta, chúng ta sinh ra con, con sinh ra cháu, cứ như thế từng đời nối tiếp nhau phát triển.

Người xưa gọi là Cửu tộc tức là từ ông Sơ, ông Cố, ông Nội, Cha, bản thân mình, con, cháu, chắt, chít. Bao gồm bốn thế hệ phía trên mình và bốn thế hệ phía dưới mình, là có quan hệ huyết thống và thân thiết nhất với mình. Cửu tộc đại biểu cho mối quan hệ luân thường có tôn ti trật tự có lớn có nhỏ của nhân loại.

Giữa cha con với nhau cần có ân tình, cha đối với con phải từ ái, con đối với cha phải hiếu thuận. Giữa vợ chồng cần phải thông cảm tôn trọng lẫn nhau, ở chung hòa thuận, không rời không bỏ, theo sát nhau. Còn giữa anh chị em với nhau, làm anh chị cần phải yêu thương chăm sóc em, làm em cũng cần phải cung kính với anh chị. Quan hệ trên dưới cần phải phân biệt rạch ròi, bạn bè chung sống cũng phải thành thật và tin tưởng nhau. Vua tôn trọng bề tôi, lấy lễ mà đối đãi, thì bề tôi tự nhiên cũng sẽ nhất mực trung thành không dám hai lòng. Đây là mười nghĩa lý (Thập nghĩa) làm người mà mỗi cá nhân đều phải tuân thủ thi hành.

Câu hỏi thảo luận

(1) Bạn biết trong họ hàng gia tộc mình gồm có những ai? Quan hệ giữa bạn và các thành viên trong họ hàng như thế nào? Hãy chia sẻ cùng mọi người nào.

(2) Hãy hỏi bất cứ một người lớn tuổi nào trong họ hàng, bảo họ chia sẻ câu chuyện họ phấn đấu khi còn trẻ.

(3) Bạn có anh chị em không? Thường ngày bạn và anh chị em mình đối xử với nhau như thế nào? Hãy chia sẻ với mọi người những câu chuyện cụ thể.

(4) Bạn bè sống với nhau, quý ở chữ "chân", bạn làm thế nào để bạn bè cùng nhau đoàn kết? Bạn nhận được gì khi bạn đối đãi chân thành với người khác?

(5) Thời quân chủ trước đây, người dân cần trung với vua; trong thời đại dân chủ ngày nay, người dân của một nước cũng cần trung thành với đất nước mình, bạn đã từng nghĩ mình sẽ trung thành với đất nước mình như thế nào chưa?

Đọc sách luận bút

Rõ ràng, bài học này nói về Cửu tộc và Thập nghĩa. Cửu tộc, là lấy bản thân là trung tâm, trên dưới 8 thế hệ cùng huyết thống, cộng với thế hệ chính mình, là chín thế hệ họ hàng trực hệ, nên được gọi là Cửu tộc. Người xưa dạy con cái về mối quan hệ Cửu tộc này chính là muốn con trẻ ngay từ nhỏ phải biết tôn kính tổ tiên, quan tâm đến con cháu, cho nên kính già yêu trẻ là đạo lý làm người cơ bản nhất định phải hiểu khi còn nhỏ.

Sau Cửu tộc là nói đến mười đạo nghĩa chủ yếu của thân phận làm người. Với các mối quan hệ cha-con, vợ-chồng, anh-em, bạn bè lớn nhỏ, vua-tôi mà trình bày ra 10 loại thân phận khác nhau cần phải tuân theo đạo lý làm người. Bạn bè lớn nhỏ, chủ yếu nói nhắm vào mối quan hệ trong xã hội.

Người cha có bổn phận và nghĩa vụ của người cha, người con có của người con là phụng dưỡng ân nghĩa của cha mình; vợ chồng và anh em cũng vậy. Trong gia đình ai cũng biết phải làm sao để trọn đạo của mình, như vậy khi ra ngoài, đối đãi với người trên người dưới, với bạn bè, và quan hệ vua-tôi cũng đều biết đối nhân xử thế như thế nào. Lớn nhỏ cao thấp (tôn ti), chính là do mối quan hệ chức vị trên dưới và vai vế khác nhau, mỗi người tuân theo bổn phận và nghĩa vụ của mình mà thực hiện đạo lý thiện đãi người khác. Ti (thấp) ở đây không có nghĩa là ti tiện (hèn mọn), mà ý tứ là phận làm con cháu và cấp dưới sẽ hết sức trách nhiệm và lễ độ.

Câu chuyện "Tình huynh đệ"

Triều Hán có một người tên Triệu Hiếu, tên chữ là Thường Bình. Ông và người em trai Triệu Lễ đều rất yêu thương nhau.

Có năm bị mất mùa, nạn đói khắp nơi. Một nhóm cướp đã chiếm cứ vùng núi Nghi Thu. Một hôm, bọn cướp bắt được Triệu Lễ và chúng muốn ăn thịt anh. Triệu Hiếu chạy đến sào huyệt của bọn cướp, van xin: "Triệu Lễ đang bị bệnh, người lại gầy nữa nên ăn thịt sẽ không ngon. Tôi còn có chút da chút thịt, tôi sẽ thay em trai mình để cho các ông ăn thịt". Triệu Lễ không chịu, liền nói: "Em bị họ bắt, em chết cũng là số của em, còn anh thì có tội tình gì chứ?" Hai anh em ôm nhau khóc lớn. Bọn cướp bị hai anh em Triệu Hiếu và Triệu Lễ làm cảm động, cuối cùng chúng đã thả họ ra.

Chuyện này về sau truyền đến tai vua, ông liền hạ chiếu thư phong quan cho cả hai anh em họ.

Câu chuyện xưa này chính là nói đến đạo Đễ (悌), huynh hữu đệ cung (anh thuận thảo, em cung kính), anh yêu quý bảo hộ em, là trách nhiệm của mình; em lại cảm kích anh, nguyện ý chịu bất hạnh, không liên lụy anh mình, đây cũng là tình nghĩa kính yêu anh. Đều là hiểu được chiếu cố đến đối phương, không có tư tâm, tất nhiên cảm động lòng người.

Câu chuyện "Lưu Bị ba lần mời Gia Cát Lượng"

Thời Tam Quốc, Thục vương Lưu Bị vì muốn khôi phục lại nhà Hán nên đã đi khắp nơi tìm kiếm nhân tài. Khi ông nghe nói Gia Cát Lượng là người tinh thông binh pháp, trí tuệ hơn người, nên ông dẫn Quan Vũ và Trương Phi đến Nam Dương để mời Gia Cát Lượng xuống núi giúp mình. Họ đi suốt đêm để đến Nam Dương, đúng lúc Gia Cát Lượng vừa có chuyến đi xa không còn ở nhà, ba anh em Lưu bị đành buồn bã trở về.

Không lâu, Lưu Bị nghe nói Gia Cát Lượng đã trở về Nam Dương, trong lòng vui mừng, mặc cho trời đang mưa lớn ông vẫn cùng Quan Vũ và Trương Phi đi đến Nam Dương. Khi họ đến trước cổng nhà Gia Cát Lượng, người hầu liền nói với họ rằng: "Tối qua tiên sinh lại có việc nên đi ra ngoài rồi". Cả hai lần đều không mời được Gia Cát Lượng nên Quan Vũ và Trương Phi cảm thấy không thể kiên nhẫn được nữa, nhưng Lưu Bị lại không hề nản lòng.

Vài ngày sau, họ đến nhà tranh của Gia Cát Lượng lần thứ ba. Người hầu nói với họ: "Chủ nhân đang ngủ". Quan Vũ và Trương Phi muốn lập tức gọi Gia Cát Lượng dậy, nhưng Lưu Bị không muốn thế mà lại lặng lẽ ở bên ngoài đợi. Lúc này lại đúng vào thời gian lạnh nhất trong năm, trời mưa to làm cái rét như cắt da cắt thịt, ba anh em Lưu Bị lạnh đến cóng người. Quan Vũ và Trương Phi đã không thể nhẫn chịu được nữa, nhưng Lưu Bị vẫn im lặng chờ đợi không nói lời nào. Một lúc sau, Gia Cát Lượng thức dậy, ông vô cùng cảm động khi nghe nói ba anh em Lưu Bị đã đợi rất lâu ở ngoài, thế rồi ông mời ba người họ vào nhà cùng bàn chuyện quốc gia đại sự.

Lưu Bị thấy kiến giải sâu sắc của Gia Cát Lượng thập phần bội phục, Gia Cát Lượng vì cảm kích thành ý và ân tri ngộ (sự trọng dụng nhân tài) của Lưu Bị, vì thế ông đã đồng ý phò tá Lưu Bị thành tựu đại nghiệp. Thậm chí khi Lưu Bị qua đời, nhận lời ủy thác của Lưu Bị, ông tiếp tục phò tá con trai Lưu Bị là Lưu Thiền, cuối cùng vất vả quá mức mà mất, thật đúng là "Cúc cung tận tụy, tử nhi hậu dĩ." (Cúc cung tận tụy, đến chết mới thôi).

Lưu Bị là vua trên cao, nhưng lại có thể chiêu hiền đãi sĩ, lấy Nhân (仁) thiện đãi người khác, tấm lòng thành ý yêu chuộng nhân tài. Gia Cát Lượng là bề tôi dưới thấp, nhận được sự tôn trọng và yêu mến của vua, vì cảm ân tri ngộ, cam tâm tình nguyện hầu hạ quân vương, trung thành báo đáp. Đây cũng là điển hình làm người trong mối quan hệ thượng hạ tôn ti (trên dưới cao thấp) của quân thần (vua tôi).

Viết bài tâm đắc

(1) Nếu như bạn là Triệu Hiếu, gặp phải tình huống nguy hiểm như trên, bạn làm thế nào để giải nguy thành an?

(2) Cả hai anh em họ Triệu đều biết nghĩ cho nhau, mà không hề suy nghĩ vì lợi ích của bản thân. Bạn và anh chị em mình có nghĩ cho người khác trước không?

(3) Câu chuyện Lưu Bị ba lần mời Gia Cát Lượng cũng rất nổi tiếng, bạn cho rằng Gia Cát Lượng vì sao lại chấp nhận thỉnh mời của Lưu Bị? Gia Cát Lượng lại nhất mực một lòng trung thành với nước Thục, bạn đánh giá thế nào về ông?

Video:

https://www.youtube.com/watch?v=izAm3VTOKz8

https://www.youtube.com/watch?v=Q6mpDDQEfOM

Dịch từ:

http://big5.zhengjian.org/node/245308

BÀI 13

Nguyên văn

凡(1) 訓(2) 蒙(3) 須(4) 講究(5)
詳(6) 訓詁(7) 明句讀(8)
為學(9) 者(10) 必有初(11)
小學(12) 終(13) 至四書(14)

Bính âm

凡(fán)	訓 (xùn)	蒙(méng),	須(xū)	講(jiǎng)	究(jiū),
詳(xiáng)	訓(xùn)	詁(gǔ),	名(míng)	句(jù)	讀 dòu)。
為,(wéi)	學(xué)	者(zhě),	必(bì)	有(yǒu)	初(chū),
小(xiǎo)	學(xué)	終(zhōng),	至(zhì)	四(sì)	書 (shū)。

Chú âm

凡(ㄈㄢˊ)	訓(ㄒㄩㄣˋ)	蒙(ㄇㄥˊ)，
須(ㄒㄩ)	講(ㄐㄧㄤˇ)	究(ㄐㄧㄡˋ)；
詳(ㄒㄧㄤˊ)	訓(ㄒㄩㄣˋ)	詁(ㄍㄨˇ)，

明(ㄇㄧㄥˊ) 句(ㄐㄩˋ) 讀(ㄉㄡˋ)。
為(ㄨㄟˊ) 學(ㄒㄩㄝˊ) 者(ㄓㄜˇ)，
必(ㄅㄧˋ) 有(ㄧㄡˇ) 初(ㄔㄨ)；
小(ㄒㄧㄠˇ) 學(ㄒㄩㄝˊ) 終(ㄓㄨㄥ)，
至(ㄓˋ) 四(ㄙˋ) 書(ㄕㄨ)。

Âm Hán Việt

Phàm huấn mông, Tu giảng cứu
Tường huấn cổ, Minh cú độc
Vi học giả, Tất hữu sơ,
Tiểu học chung, Chí tứ thư.

Tạm dịch

Thường khi dạy học, phải giảng xét kỹ,
Tường tận nghĩa xưa, ngắt câu rõ ràng,
Bởi người đi học, phải biết chỗ khởi đầu,
Học hết tiểu học, mới đến Tứ thư.

Từ vựng

(1) 凡 (phàm): thường, bình thường, phàm là, nói chung, đại khái, hễ.
(2) 訓 (huấn): giáo đạo, dạy bảo
(3) 蒙 (mông): ý là khải mông (启蒙), là nhập môn, vỡ lòng, khai sáng. Ở đây chỉ mới vào học đọc sách, giáo dục trẻ tiếp thu ban đầu nhất.
(4) 須 (tu): cần, phải, nên.
(5) 講究 (giảng cứu): giảng giải, tìm tòi nghiên cứu đạo lý trong đó. Trong bài chỉ về chú trọng phương pháp dạy học.
(6) 詳 (tường): kỹ càng tường tận.
(7) 訓 詁 (huấn cổ): giải nghĩa của từ trong sách cổ
(8) 句讀 (cú độc): ngắt câu. Trong sách cổ không có dấu chấm câu, cho nên khi đọc sách mà dừng câu văn, ý câu hoàn chỉnh được gọi là "cú"; không hoàn chỉnh mà dừng một chút gọi là "độc".
(9) 為學 (vi học): nghiên cứu học vấn.
(10) 者 (giả): người, ở đây chỉ người đi học.
(11) 初 (sơ): mở đầu, bắt đầu; nghĩa bóng chỉ nền tảng, cơ sở.
(12) 小學(tiểu học): học những điều căn bản; ý trong bài này là nghiên

cứu hình dạng chữ, âm đọc, nghĩa của chữ. Làm như vậy để người hiện đại hiểu được ngữ pháp và ngôn ngữ của người xưa, để tương lai có thể đọc được các loại chữ và sách vở, đương nhiên chủ yếu là nói về những sách cổ xưa.

(13) 終 (chung): hết, hoàn thành, kết thúc.

(14) 四書 (tứ thư): chỉ về bốn cuốn sách cổ Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học, Trung Dung. Thời Nam Tống, Chu Hi lấy phần Lễ Ký trong Đại Học ra làm thành sách riêng, hợp với Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử thành Tứ thư.

Dịch nghĩa tham khảo

Thông thường khi bắt đầu dạy bảo trẻ nhỏ, thì nhất định phải chú trọng đến phương pháp dạy học, khi đọc sách người thầy cần phải cẩn thận giải thích rõ ràng ý nghĩa từng chữ, đồng thời dạy trẻ cách ngắt câu.

Bởi vì người nghiên cứu học vấn đọc sách, tương lai tất yếu phải đọc sách thánh hiền và các loại sách xưa, do đó cần phải chuẩn bị tốt khả năng đọc hiểu câu cú cổ ngữ và cơ sở văn chương, trước tiên phải học cho tốt mối quan hệ hình dạng của chữ, âm của chữ, nghĩa của chữ cùng với nền tảng cách ngắt câu, mới có khả năng tiến một bước nữa nghiên cứu đến Tứ thư.

Đọc sách viết luận

(1) Theo bạn "học ngắt câu" có quan trọng không? Điều này có ảnh hưởng thế nào đối với việc học tập các sách kinh điển của người xưa?

(2) Bạn có thích tìm hiểu về chữ Trung Quốc không? Bạn thích nhất phần nào? Bạn cho rằng phần nào là khó nhất?

Đọc sách luận bút

Đến bài học này " Tam Tự Kinh " mới bắt đầu đi vào lý giải việc đọc sách của chúng ta, vì sao phải qua mười mấy bài mới đề cập đến chủ đề này? Bởi vì trước đây là từ 'nhân tính bản thiện', mục đích của học tập chính là vì duy hộ bản tính thiện lương không bị che đậy mà khởi sự, nói đúng là vì người học tiếp thụ giáo dục, đầu tiên phải biết vì sao mình cần đọc sách để tiếp thụ giáo dục, đọc sách chính là để bản tính không bị hoàn cảnh hậu thiên che đậy, giữ tâm mãi mãi thiện lương, lấy chính lý (lẽ phải) để sống ở thế gian.

Thế nên tiếp đó nói đến trách nhiệm giáo dục của cha mẹ và bổn phận học

tập đọc sách của con cái. Cho nên, trước khi chính thức đề cập đến loại sách nên đọc, đầu tiên sẽ nói cho bạn biết mục đích của việc tiếp thụ giáo dục, bạn muốn tìm hiểu mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, căn bản nhất chính là Hiếu Đễ孝悌trong gia đình, cùng với mọi người trong xã hội nhất định phải tuân thủ nghiêm ngặt Ngũ thường Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín仁義禮智信. Nói đúng là, tương lai bất kể bạn đọc bao nhiêu cuốn sách, cuối cùng đều là để bạn từ mọi góc độ hiểu được những đạo lý này. Đây đều là để trưởng thành, có thể bước ra xã hội một cách lý trí thiện lương, xử lý tốt mọi mối quan hệ và mọi việc, có thể an thuận hoặc chỉ lo cho mình, hoặc là vì quốc dân mà phụng hiến (hiến dâng đóng góp).

Vì vậy, khi hiểu rõ những đạo lý này, mới bắt đầu đi vào trình bày cách đọc sách cụ thể như thế nào. Thật đáng tiếc khi nhiều người xem việc nắm bắt bao nhiêu điển tích để trở thành vốn liếng để kiêu ngạo, quên đi mục đích căn bản của đọc sách, quên chiếu theo đạo lý mà thánh hiền giảng dạy để sinh hoạt trong thực tiễn, để làm người, cho nên cả đời có biết nhưng lại không hiểu, không cách nào đạt được thông thiên bác cổ, lấy tinh hoa xưa áp dụng vào thực tiễn ngày nay. Cũng có những người căn cơ rất tốt, cả đời lương thiện, mặc dù chưa từng đi học, hoặc học không nhiều nhưng cũng có thể ngộ được rất nhiều đạo lý xử thế trong cuộc sống, một đời thành công phi thường, nguyên nhân là ngay ở chỗ này.

Tể tướng Triệu Phổ triều đại nhà Tống của Trung Quốc, vẻn vẹn chỉ đọc một cuốn " Luận Ngữ " của Khổng Tử, bị rất nhiều quan viên thuộc làu các loại điển tịch xem thường, lại có thể trị lý thiên hạ, người được Matsushita mệnh danh là vị thần kinh doanh ở Nhật Bản ca tụng, cũng là người am hiểu sâu tri thức của Khổng Tử, đã dựa vào trình độ thấp của bậc tiểu học mà đạt được thành công trong cuộc sống, đều đáng cho chúng ta suy nghĩ. " Tam Tự Kinh " đầu tiên khuyên nhủ con người nghiên cứu học vấn căn bản, để mọi người không quên. Vì vậy, cuốn tài liệu giảng dạy nhập môn này mới xứng gọi là kinh thư.

Câu chuyện "Giai thoại về ngắt câu"

Chữ viết của Trung Quốc là loại chữ viết thú vị nhất, đẹp nhất, mỗi một chữ là một âm tiết, bao gồm hình, âm, nghĩa. Mỗi một nét bút, mỗi một nét vẽ đều ẩn sâu bên trong đó những câu chuyện cảm động. Đối với chữ Trung Quốc, chỉ cần hiểu rõ nguyên tắc tạo chữ thuở ban sơ, hiểu được nguồn gốc của nó, thì dù chữ có khó đến đâu khi nhìn qua cũng khó có

thể quên được.

Hình dạng của mỗi một chữ Trung Quốc thường phản ánh ý nghĩa ban đầu của việc tạo ra chữ đó, cũng chính là "bản nghĩa" (nghĩa gốc) của chữ đó, rồi lại từ nghĩa gốc đó mà suy ra ý nghĩa tương quan, cũng gọi là "dẫn thân nghĩa", tức là nghĩa mở rộng hay nghĩa bóng. Chúng ta có thể thông qua bộ thủ thiên bàng, cũng chính là chữ tự hình mà biết được ý nghĩa và âm đọc; phần lớn các bộ thủ đều có nghĩa, cho nên nghĩa của một chữ quá nửa có liên quan tới bộ thủ của chữ đó. Những chữ có bộ thủ thiên bàng giống nhau, thì phần lớn những chữ đó có cách đọc gần giống nhau. Thế nhưng, do hàm nghĩa của chữ có thể bị thay đổi theo mỗi thời đại, cho nên phải tìm hiểu nghiên cứu rõ ý nghĩa của từng câu trong văn bản đó, mới có thể chân chính hiểu được văn ý của văn chương.

Chúng cùng ta lấy bộ thủ "nhật (日)" để làm ví dụ thuyết minh.

Chữ "nhật (日)" trong chữ Giáp cốt giống hình dạng của thái dương (mặt trời). Nghĩa gốc của nó là "thái dương (太阳)". Do đó các chữ có bộ thủ "nhật (日)", phần lớn đều có liên quan tới mặt trời. Ví dụ như chữ "đán (旦)", chữ "nhất (一)" là chỉ trên mặt đất, buổi sáng sớm mặt trời vừa nhú lên khỏi đường chân trời được gọi là "đán (旦)" tức là ngày mới. Như chữ "thị (是)"; có chữ "chính (正)" ở bên dưới, tức là tiến thẳng về phía trước không nghiêng không lệch, có ý nghĩa là đường đi chính xác, đúng đắn. Trong suy nghĩ của người xưa, chữ "nhật (日)" ở phía trên chính là dựa vào "chính (正)", do đó nghĩa gốc của chữ "thị (是)" là "chính (正)", "trực (直)", lại mở rộng ý là "chính xác (正确)". Chẳng hạn như chữ "thị (是)" trong "thị phi 是非 đúng sai", "nhất vô thị xứ 一无是处 không chỗ nào đúng", "thực sự cầu thị 实事求是 là đúng thực tế" đều có ý nghĩa này.

Ngoài đó ra, bởi vì trong các sách cổ đều không sử dụng các loại dấu câu, cho nên việc đầu tiên khi thầy giáo lên lớp đó là dạy các học trò cách ngắt câu thế nào cho đúng, để cho các học trò hiểu rõ được bao nhiêu chữ là một câu và đến đâu thì ngừng ngắt. Làm rõ được chỗ dừng ngắt của các câu trong một văn bản, thì mới có thể đi vào dạy học sâu hơn.

Các dấu câu là một phần quan trọng trong một văn bản, sử dụng hợp lý thì có thể biểu đạt rõ ràng ý của bài viết. Cùng một câu nhưng thay đổi hoặc di chuyển vị trí dấu câu thì ý nghĩa sẽ sai khác rất nhiều. Có một câu chuyện thế này:

Ngày xưa có một người đi chơi xa nhà, vì trời mưa nên anh đành ở nhờ nhà bạn. Anh ở một thời gian dài, người chủ nhà keo kiệt cảm thấy sốt ruột, nhưng lại ngại nói thẳng với bạn mình, thế là anh ta bèn lấy giấy ra và viết : "Hạ vũ thiên lưu khách thiên thiên lưu ngã bất lưu" 下雨天留客天天留我不留 (Trời mưa xuống lưu khách hàng ngày lưu ta không lưu) với hy vọng vị khách đọc được sẽ biết điều mà mau chóng rời khỏi. Vị khách đọc được mấy chữ đó liền hiểu ngay được ý của chủ nhà, nhưng anh lại quyết định trêu bạn mình một phen. Thế là anh bèn lấy bút viết thêm dấu phẩy sau chữ "lưu khách thiên" 留客天, thêm dấu hỏi (?) sau chữ "bất" 不, và cả câu đã bị sửa thành "Hạ vũ thiên, lưu khách thiên, thiên lưu ngã bất? Lưu!" 下雨天, 留客天, 天留我不? 留! (Trời mưa xuống, lưu khách một ngày, trời lưu ta không? Lưu!"). Người bạn nhìn thấy rất tức giận, nhưng cũng không thể làm gì.

Câu chuyện này giúp chúng ta nhìn nhận rõ ràng, tiểu học thời xưa chính là đặt nền tảng. Ngoại trừ xác định rõ mục đích đọc sách, còn phải tiến một bước chính thức đọc hiểu kinh điển cổ tịch, mà nền tảng đặt trên việc biết cách đặt dấu chấm câu.

Viết bài tâm đắc

(1) Hãy tìm một số chữ có cùng bộ thủ và thử tìm hiểu xem mối liên hệ giữa chúng?

(2) Có nhiều chữ có cấu tạo từ cùng những bộ thủ giống nhau, nhưng vị trí các bộ thủ đó khác nhau cho nên chúng tạo thành các có ý nghĩa khác nhau. Hãy thay đổi cách viết các chữ sau để tạo thành chữ có nghĩa khác?

- 杏 (hạnh: cây hạnh)
- 含 (hàm: bao hàm, chứa đựng)
- iii. 架 (giá: khung, khuôn, giá, kệ)
- 紋 (văn: vằn, ngấn, vân)
- 吧 (ba: trợ từ dùng cuối câu)
- 忘 (vong: quên)
- 椎 (trùy: cái dùi)
- 晖 (huy: ánh mặt trời, ánh dương)

Đáp án tham khảo:

- 杏 → 呆 (ngai: ngẩn ra, không linh lợi)
- 含 → 吟 (ngâm: ngâm vịnh, đọc, ngâm thơ)
- 架 → 枷 (gia: gông, cùm)
- 紋 → 紊 (vấn: rối, loạn)
- 吧 → 邑 (ấp: kinh thành, thành thị)
- 忘 → 忙 (mang: bận rộn)
- 椎 → 集 (tập: tập hợp, tụ tập)
- 晖 → 晕 (vựng: chóng mặt, hôn mê)

(3) Nếu như không có các dấu câu, phải chăng mọi người sẽ cãi nhau chỉ vì không hiểu ý nhau? Thử nghĩ, nếu không sử dụng dấu câu thì còn cách nào để cho người khác hiểu được ý nghĩa của câu văn nào?

Video:

https://www.youtube.com/watch?v=ulWbDrCVGFA

Dịch từ:

http://big5.zhengjian.org/node/245309

Youtube : www.youtube.com/@ohanagroupvn
Facebook : www.facebook.com/ohanagroupvn